

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

DỰ THẢO

PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ THIÊN TAI
THEO CÁC CẤP ĐỘ RRTT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH

Bắc Ninh – 2026

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	2
PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG	3
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN SINH KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG	3
1. Vị trí địa lý	3
2. Địa hình	4
3. Hệ thống sông ngòi	4
4. Dân số và lao động	5
5. Kinh tế - xã hội	6
6. Cơ sở hạ tầng	8
II. ĐẶC ĐIỂM VÀ TÌNH HÌNH THIÊN TAI	10
1. Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ)	10
2. Mưa lớn	11
3. Lũ và ngập lụt	12
4. Lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất	16
5. Đông, lốc, sét, mưa đá	17
6. Nắng nóng	18
7. Rét hại, sương muối	18
8. Thiệt hại do thiên tai	19
III. ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI THEO CẤP ĐỘ RRTT	27
1. Đánh giá về thiên tai	27
2. Đánh giá về năng lực ứng phó thiên tai trên cơ sở phương châm 4 tại chỗ	30
3. Đánh giá về tình trạng dễ bị tổn thương	35
PHẦN 2. CƠ SỞ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH YÊU CẦU	37
I. CƠ SỞ PHÁP LÝ	37
II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU	38
1. Mục đích	38
2. Yêu cầu	38
PHẦN 3. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN	40
I. MỤC TIÊU	40
1. Mục tiêu chung	40

2. Mục tiêu cụ thể	40
II. PHƯƠNG CHÂM ỨNG PHÓ THIÊN TAI	41
III. QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM TRONG ỨNG PHÓ THIÊN TAI	41
IV. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI THEO CÁC CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI	45
1. Bão, ATNĐ	45
2. Phương án ứng phó với mưa lớn	61
3. Phương án ứng phó với lũ, ngập lụt	74
4. Lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất	88
5. Rét hại, sương muối	93
6. Phương án ứng phó với lốc, sét, mưa đá	96
7. Ứng phó với nắng nóng, hạn hán	99
8. Xây dựng bản đồ rủi ro, sơ họa phương án ứng phó thiên tai	101
IV. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	102
1. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh	102
2. Các Sở ban ngành trên địa bàn tỉnh	102
V. NHIỆM VỤ CỤC THỂ CỦA MỘT SỐ ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH	109
1. Ban Chỉ huy PTKV 1 - Chũ	109
2. Ban Chỉ huy PTKV 2 - Lạng Giang	109
3. Ban Chỉ huy PTKV3 - Tân Yên	110
4. Ban Chỉ huy PTKV4 - Hạp Lĩnh	111
5. Quân đoàn 12	112
6. Sư đoàn BB3/QK1	114
7. Sư đoàn 306/QK1	116
8. Sư đoàn 365/Quân chủng PK-KQ	116
9. Trường bắn Quốc gia khu vực 1	117
10. Lữ đoàn Công binh 575/QK1	118
11. Kho K23/Cục Hậu cần-Kỹ thuật/QK1	118
12. Lữ đoàn 409/QK1	119
13. Trường Cao đẳng Biên phòng/Bộ đội Biên phòng	120
14. Lữ đoàn Công binh - Công trình DBĐV 45/Binh đoàn 19	120

15. Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh.....	121
16. Trung đoàn 284/f365/QCPKKQ.....	121
17. Tiểu đoàn 62/f361/Quân chủng PKKQ.....	121
18. Trường Sĩ quan Chính trị.....	122
19. Bệnh viện Quân y 110/CHC-KT/QK1.....	122
20. Viettel Bắc Ninh/Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội.....	122

LỜI MỞ ĐẦU

Bắc Ninh là tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng và Trung du, miền núi Bắc Bộ, được hình thành trên cơ sở sáp nhập tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang theo chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát huy tiềm năng, lợi thế của từng địa phương. Với vị trí địa lý quan trọng trong Vùng Thủ đô Hà Nội và khu vực kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, tỉnh Bắc Ninh có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời cũng phải đối mặt với nhiều loại hình thiên tai có diễn biến ngày càng phức tạp.

Trên địa bàn tỉnh có hệ thống sông ngòi dày đặc như sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam, sông Đuống và sông Thái Bình, cùng với nhiều hồ chứa, công trình thủy lợi và hệ thống đê điều quan trọng. Bên cạnh đó, địa hình của tỉnh bao gồm cả khu vực đồng bằng và trung du, miền núi, làm gia tăng nguy cơ ảnh hưởng bởi các loại hình thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn gây ngập úng, lũ, lũ quét, sạt lở đất, đông lốc, sét, nắng nóng, rét hại và các hiện tượng thời tiết cực đoan khác. Những yếu tố này có thể gây thiệt hại lớn về người, tài sản, cơ sở hạ tầng và ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của địa phương.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu ngày càng diễn biến phức tạp, tần suất và cường độ thiên tai có xu hướng gia tăng, việc chủ động xây dựng **Phương án ứng phó thiên tai theo các cấp độ rủi ro thiên tai tỉnh Bắc Ninh** là yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao năng lực chỉ huy, điều hành và tổ chức ứng phó với các tình huống thiên tai có thể xảy ra trên địa bàn.

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013, được sửa đổi, bổ sung năm 2020; Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai; Quyết định số 02/QĐ-TWPC TT ngày 18/2/2020 của Trưởng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai (nay là Ban chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự) về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai, cấp độ rủi ro thiên tai; cùng các văn bản pháp luật có liên quan, việc xây dựng Phương án nhằm cụ thể hóa các biện pháp phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai theo từng cấp độ rủi ro.

Phương án là cơ sở để các cấp chính quyền, cơ quan, đơn vị và địa phương trong tỉnh chủ động triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp với từng tình huống thiên tai; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất theo phương châm **“bốn tại chỗ”**; đồng thời huy động hiệu quả các nguồn lực nhằm bảo vệ an toàn tính mạng của Nhân dân, hạn chế thấp nhất thiệt hại về tài sản của Nhà nước và người dân, bảo vệ các công trình trọng điểm như hệ thống đê điều, hồ chứa, khu công nghiệp, khu đô thị và hạ tầng thiết yếu, góp phần ổn định đời sống và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

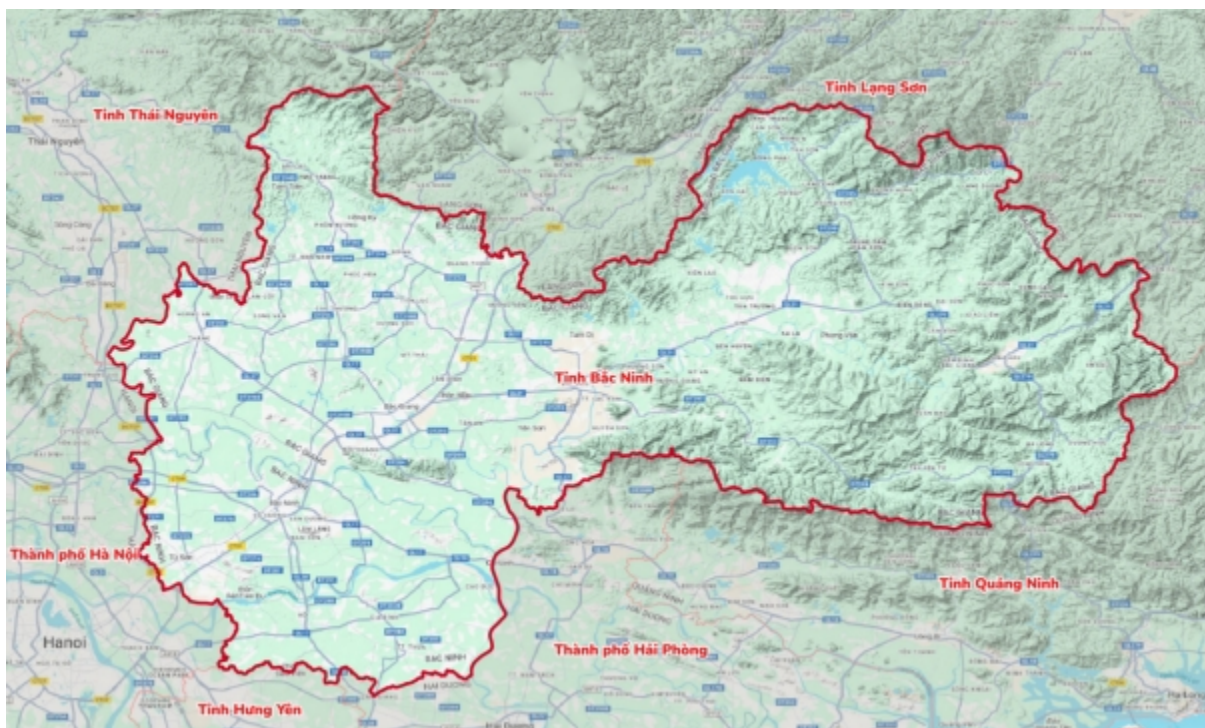
PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN SINH KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG

1. Vị trí địa lý

Theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Bắc Ninh được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh. Sau khi sắp xếp, tỉnh Bắc Ninh có diện tích tự nhiên là 4.718,60 km², quy mô dân số là 3.619.433 người.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 1658/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bắc Ninh năm 2025. Theo đó, sau khi sắp xếp, tỉnh Bắc Ninh có 99 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 66 xã và 33 phường.



Hình 1.1: Sơ đồ vị trí tỉnh Bắc Ninh

Tỉnh Bắc Ninh giáp các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Hưng Yên, Hải Phòng, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Nguyên. Là tỉnh có vị trí nằm ở vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trong tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và là cửa ngõ phía Đông Bắc của Thủ đô Hà Nội.

2. Địa hình

Bắc Ninh có địa hình trải dài từ đồng bằng đến trung du, là vùng chuyển tiếp giữa vùng núi phía bắc với châu thổ sông Hồng. Tuy phần lớn diện tích tự nhiên của tỉnh là núi đồi nhưng nhìn chung địa hình không bị chia cắt nhiều. Phía bắc và phía đông nam của tỉnh là vùng rừng núi cao từ 300m - 900m. Vùng đồi núi thấp và đồng bằng trung du nằm kẹp giữa hai dãy núi hình cánh cung là cánh cung Đông Triều phía ở phía đông nam và cánh cung Bắc Sơn ở phía tây - bắc. Cánh cung Đông Triều với dãy núi Yên Tử, cao trung bình 300–900 m so với mặt biển, trong đó đỉnh cao nhất là 1.068 m. Tại vùng núi phía đông bắc tỉnh, giáp với Quảng Ninh có khu rừng nguyên sinh Khe Rỗ rộng 7153 ha với hệ động vật và thực vật phong phú.

Với đặc điểm địa hình đa dạng (cả đồng bằng, trung du và miền núi) là thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp đa dạng sinh học, với nhiều cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của thị trường.

3. Hệ thống sông ngòi¹

Tỉnh Bắc Ninh có mạng lưới sông ngòi khá dày đặc, mật độ lưới sông khá cao, trung bình 1,0 - 1,2km/km², có 5 sông lớn chảy qua gồm sông Đuống, sông Cầu, sông Thái Bình, sông Thương và sông Lục Nam.

- Sông Đuống có chiều dài 42 km nằm trên đất Bắc Ninh, tổng lượng nước bình quân 31,6 tỷ m³. Mực nước cao nhất tại bến Hồ tháng 8/1945 là 9,64m, cao hơn so với mặt ruộng là 3 - 4m. Sông Đuống có hàm lượng phù sa cao, vào mùa mưa trung bình cứ 1m³ nước có 2,8kg phù sa.

- Sông Thái Bình thuộc vào loại sông lớn của miền Bắc có chiều dài 385km, đoạn chảy qua tỉnh Bắc Ninh dài 17km. Do phần lớn lưu vực sông bắt nguồn từ các vùng đồi trọc miền đông bắc, đất đai bị sủi mòn nhiều nên nước sông rất đục, hàm lượng phù sa lớn. Do đặc điểm lòng sông rộng, ít dốc, đáy nông nên sông Thái Bình là một trong những sông bị bồi lấp nhiều nhất. Theo tài liệu thực đo thì mức nước lũ lụt lịch sử sông Thái Bình đo được tại Phả Lại năm 1971 đạt tới 7,21m với lưu lượng lớn nhất tại Cát Khê là 5000m³/s.

- Sông Thương hợp lưu với sông Thái Bình tại sông Phả Lại, có chi lưu chính là sông Hóa, sông Sỏi và sông Trung với chiều dài 150km, đoạn qua địa phận tỉnh Bắc Ninh dài 94km. Trong đó, Trung ương quản lý 62km (từ Bồ Hạ đến ngã ba Lác) đã được công bố tuyến đường thủy nội địa Quốc gia, luồng tương đối ổn định, chiều sâu luồng 1,5 - 2,0m, chiều rộng luồng 30 - 40m; địa phương quản lý 32 km. Lưu lượng nước hàng năm khoảng 1,46 tỷ m³, trên sông Thương đoạn

¹ Công thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh

qua địa phận tỉnh Bắc Ninh đã xây dựng hệ thống thủy nông Cầu Sơn phục vụ nước tưới cho huyện Lạng Giang, một phần huyện Lục Nam và thành phố Bắc Giang (cũ).

- Sông Lục Nam hợp lưu với sông Thương tại ngã ba Nhân, chiều dài 278km, đoạn qua địa phận tỉnh Bắc Ninh dài 150km. Trong đó, Trung ương quản lý 56 km (từ Chũ đến ngã ba Nhân); địa phương quản lý 94km (từ thị trấn Chũ huyện Lục Ngạn đến xã Hữu Sản huyện Sơn Động, giáp Lạng Sơn). Sông bắt nguồn từ độ cao khoảng 700m trên vùng núi Kham thuộc địa phận tỉnh Lạng Sơn theo hướng Tây Nam chảy qua các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam (thuộc tỉnh Bắc Giang cũ) và hội lưu với sông Thương tại chỗ giáp ranh giữa Đức Giang, Trí Yên và Hưng Đạo. Sông Lục Nam có các phụ lưu là sông Bò, sông Lê Ngạc, sông Chỉ Tác, sông Đan Hộ (bên tả ngạn) và sông Cấn, sông Gồm, sông Cỏ Mạt (bên hữu ngạn). Lưu lượng nước hàng năm khoảng 1,86 tỷ m³.

- Sông Cầu thuộc hệ thống sông Thái Bình, có chiều dài 290km, đoạn qua địa phận tỉnh Bắc Ninh dài 180km (70km thuộc địa phận Bắc Ninh cũ và 110km thuộc địa phận Bắc Giang cũ). Lưu lượng nước sông Cầu hàng năm khoảng 4,2 - 5 tỷ m³. Sông Cầu có mực nước trong mùa lũ cao từ 3 - 6m, cao nhất là 8m, trên mặt ruộng 1 - 2m, trong mùa cạn mức nước sông lại xuống quá thấp (0,5 - 0,8m).

Ngoài ra trên địa bàn tỉnh còn có các hệ thống sông ngòi nội địa như sông Ngũ huyện Khê, sông Dâu, sông Đông Côi, sông Bùi, ngòi Tào Khê, sông Đồng Khởi, sông Đại Quảng Bình, sông Cà Lò và một số hồ có diện tích và trữ lượng nước khá lớn như: Hồ Cẩm Sơn, trữ lượng nước khoảng 307 triệu m³; hồ Khuân Thần, trữ lượng khoảng 16,10 triệu m³; hồ Làng Thum, trữ lượng khoảng 8,14 triệu m³; hồ Suối Nứa, trữ lượng khoảng 6,27 triệu m³; hồ Đá Ong, trữ lượng khoảng 6,7 triệu m³...

4. Dân số và lao động

Dân số của tỉnh Bắc Ninh (trên cơ sở hợp nhất hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang trước đây) đạt khoảng trên 3,618 triệu người, chiếm trên 3,4% dân số cả nước, có 45 thành phần dân tộc, các dân tộc chiếm đại đa số như: Kinh, Nùng, Tày, Sán Dìu, Hoa, Cao Lan, Sán Chí, Dao.... Trong tổng dân số, nam giới chiếm khoảng 50,2% và nữ giới khoảng 49,8%, cơ cấu giới tính tương đối cân bằng và ổn định.

Dân cư phân bố theo xu hướng đô thị hóa và công nghiệp hóa ngày càng rõ nét, tuy nhiên có sự khác biệt giữa hai tiểu vùng. Khu vực đô thị ước chiếm khoảng 40–42% dân số (tương đương khoảng 1,4–1,5 triệu người), trong khi khu vực nông thôn chiếm khoảng 58–60% (khoảng 2,0–2,1 triệu người). Các khu vực có mật độ dân cư cao tập trung chủ yếu tại các đô thị và vùng công nghiệp như phường Bắc

Ninh, phường Bắc Giang, phường Quê Võ, Yên Phong, Việt Yên, Tân Yên và các khu công nghiệp lớn.

Lực lượng lao động toàn tỉnh ước đạt khoảng 2,0 triệu người, chiếm gần 57–58% tổng dân số. Lao động tập trung chủ yếu trong các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ và nông nghiệp, trong đó khu vực công nghiệp – dịch vụ chiếm tỷ trọng ngày càng lớn. Hệ thống khu công nghiệp, cụm công nghiệp phát triển mạnh đã thu hút một lượng lớn lao động trong và ngoài tỉnh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động.

Công tác bảo đảm an sinh xã hội tiếp tục được các cấp chính quyền quan tâm. Toàn tỉnh hiện có khoảng 800–900 người cao tuổi cô đơn có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được chăm sóc, hỗ trợ thường xuyên. Bên cạnh đó, số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn ước khoảng trên 3.000 em, được tiếp cận các chính sách bảo trợ xã hội và hỗ trợ giáo dục, y tế theo quy định của Nhà nước.

5. Kinh tế - xã hội

Tỉnh Bắc Ninh sau khi sáp nhập với tỉnh Bắc Giang có không gian phát triển kinh tế - xã hội rộng lớn, giữ vị trí quan trọng trong Vùng Thủ đô Hà Nội và khu vực kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Nền kinh tế của tỉnh phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa với cơ cấu ‘Công nghiệp – Dịch vụ – Nông nghiệp’, trong đó lĩnh vực công nghiệp - xây dựng giữ vai trò chủ đạo, lĩnh vực dịch vụ phát triển ngày càng mạnh mẽ và lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản phát triển ổn định, bền vững. Cùng với đó, các lĩnh vực văn hóa, xã hội, an sinh và quốc phòng - an ninh được đảm bảo, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững và nâng cao năng lực ứng phó với thiên tai trên địa bàn tỉnh.

Về xu thế phát triển kinh tế: Trong những năm gần đây, kinh tế tỉnh Bắc Ninh duy trì tốc độ tăng trưởng khá và ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Lĩnh vực công nghiệp - xây là động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế, với sự phát triển mạnh của các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, đặc biệt là sản xuất điện tử, linh kiện, cơ khí chính xác và công nghiệp hỗ trợ. Hệ thống các khu công nghiệp và cụm công nghiệp được quy hoạch đồng bộ, thu hút nhiều tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước, góp phần nâng cao năng lực sản xuất và giá trị xuất khẩu của tỉnh. Lĩnh vực dịch vụ phát triển ngày càng đa dạng, gắn với quá trình đô thị hóa và mở rộng không gian kinh tế sau sáp nhập. Các lĩnh vực thương mại, vận tải, logistics, tài chính - ngân hàng, giáo dục, y tế và du lịch có bước phát triển tích cực. Đặc biệt, tỉnh có lợi thế về phát triển du lịch văn hóa và sinh thái, với nhiều di sản văn hóa đặc sắc như dân ca Quan họ, hệ thống di tích lịch sử - văn hóa và các lễ hội truyền thống. Lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng

khoa học công nghệ, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Sau sáp nhập, tỉnh có thêm các vùng trung du và miền núi với tiềm năng phát triển lâm nghiệp, cây ăn quả đặc sản và chăn nuôi tập trung, góp phần đa dạng hóa cơ cấu kinh tế và đảm bảo an ninh lương thực.

Về cơ cấu kinh tế: với không gian phát triển được mở rộng, tỉnh Bắc Ninh có thể được phân thành các khu vực kinh tế đặc trưng như sau:

- Khu vực công nghiệp - đô thị: Tập trung tại các đô thị và hệ thống khu công nghiệp lớn, là trung tâm sản xuất công nghiệp công nghệ cao, điện tử, cơ khí chính xác và công nghiệp hỗ trợ. Đây là khu vực đóng góp chủ yếu vào GRDP và ngân sách của tỉnh.

- Khu vực dịch vụ - thương mại: Phát triển mạnh tại các đô thị, trung tâm hành chính và các đầu mối giao thông quan trọng, với các hoạt động thương mại, logistics, tài chính, giáo dục, y tế và du lịch.

- Khu vực nông nghiệp đồng bằng: Tập trung sản xuất lúa chất lượng cao, rau màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản, gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới và phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

- Khu vực trung du và miền núi: Có tiềm năng phát triển lâm nghiệp, cây ăn quả đặc sản (như vải thiều, cây có múi), chăn nuôi và du lịch sinh thái, góp phần cân bằng và phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh.

Cùng với sự phát triển kinh tế, các lĩnh vực xã hội của tỉnh đạt nhiều kết quả tích cực:

- Dân số và lao động: Nguồn lao động dồi dào, trình độ tay nghề ngày càng được nâng cao, đáp ứng nhu cầu của các khu công nghiệp và dịch vụ.

- Giáo dục và đào tạo: Hệ thống cơ sở giáo dục được đầu tư đồng bộ, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Y tế: Mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở được củng cố, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

- Văn hóa: Bản sắc văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy, đặc biệt là dân ca Quan họ và các lễ hội truyền thống, góp phần phát triển du lịch và nâng cao đời sống tinh thần của người dân.

- An sinh xã hội: Các chính sách an sinh được triển khai hiệu quả, đảm bảo đời sống cho người dân, nhất là tại các khu vực nông thôn và miền núi sau sáp nhập.

- Quốc phòng - an ninh: An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Nhìn chung, tỉnh Bắc Ninh sau khi sáp nhập với Bắc Giang có không gian phát triển kinh tế - xã hội rộng lớn và đa dạng, với cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Sự phát triển đồng bộ về kinh tế và xã hội đã tạo nền tảng vững chắc để tỉnh nâng cao năng lực phòng, chống và ứng phó với thiên tai, góp phần bảo đảm phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

6. Cơ sở hạ tầng

6.1. Nhà ở

Toàn tỉnh có khoảng 1 triệu căn nhà ở, trong đó:

- Nhà kiên cố: khoảng 65–70%
- Nhà bán kiên cố: khoảng 25–28%
- Nhà thiếu kiên cố và đơn sơ: khoảng 3–7%

Tỷ lệ nhà kiên cố tập trung chủ yếu tại các khu vực đô thị và vùng công nghiệp, trong khi nhà bán kiên cố và nhà thiếu kiên cố vẫn còn tồn tại ở một số khu vực nông thôn, miền núi của khu vực Bắc Giang trước đây. Đây là yếu tố quan trọng cần xem xét trong đánh giá mức độ dễ bị tổn thương của nhà ở trước các loại hình thiên tai như bão, lốc, mưa lớn và ngập lụt.

6.2. Hệ thống cơ sở giáo dục, trường học

Tỉnh Bắc Ninh có hệ thống cơ sở giáo dục với quy mô lớn, phân bố rộng khắp trên địa bàn, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập và có thể huy động phục vụ công tác phòng, chống thiên tai. Toàn tỉnh hiện có khoảng 840 trường phổ thông các cấp với khoảng 820.000 học sinh, gồm: 395 trường tiểu học (380.000 học sinh), 340 trường trung học cơ sở (295.000 học sinh) và 98 trường trung học phổ thông (145.000 học sinh). Ngoài ra, có trên 425 trường mầm non và 21 cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp.

Hệ thống trường học phần lớn được xây dựng kiên cố, phân bố tương đối đồng đều giữa các khu vực đô thị, nông thôn và miền núi. Đây là lực lượng công trình quan trọng có thể sử dụng làm địa điểm sơ tán dân, nơi trú tránh tạm thời, tập kết lực lượng, vật tư và tổ chức cứu trợ khi xảy ra thiên tai, đặc biệt tại các khu vực có nguy cơ ngập lụt, chia cắt hoặc sạt lở đất.

Tại một số khu vực miền núi vẫn còn tồn tại các điểm trường nhỏ lẻ, cơ sở vật chất hạn chế; trong khi tại khu vực đô thị và khu công nghiệp, mật độ học sinh cao, có thể gây quá tải khi tổ chức sơ tán tập trung.

6.3. Hệ thống bệnh viện, trung tâm y tế

Hệ thống y tế của tỉnh có quy mô lớn, phân bố rộng khắp từ tuyến tỉnh đến cơ sở, cơ bản đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân và phục vụ công tác

phòng, chống thiên tai. Toàn tỉnh hiện có khoảng gần 30 bệnh viện các loại, 17 bệnh viện đa khoa tuyến khu vực, 8 bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh, cùng với 18 trung tâm y tế cấp xã, 22 phòng khám đa khoa khu vực và khoảng 335 trạm y tế xã, phường.

Hệ thống y tế có tổng quy mô khoảng 9.000 giường bệnh và gần 2.700 bác sỹ, trong đó các bệnh viện tuyến tỉnh tập trung chủ yếu tại khu vực đô thị, có cơ sở vật chất và nhân lực chất lượng cao; mạng lưới y tế cơ sở phân bố rộng khắp, bảo đảm khả năng tiếp cận dịch vụ y tế ban đầu cho người dân.

Trong công tác ứng phó thiên tai, hệ thống y tế đóng vai trò quan trọng trong cấp cứu, khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh, hỗ trợ sơ tán và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Các trạm y tế xã, phường là lực lượng nòng cốt tại chỗ, trong khi các bệnh viện tuyến trên đảm nhận điều trị các trường hợp nặng.

Tuy nhiên, tại một số khu vực miền núi, cơ sở vật chất và năng lực y tế còn hạn chế so với khu vực đô thị; do đó cần tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng, tăng cường trang thiết bị và nhân lực, đặc biệt tại tuyến cơ sở, nhằm nâng cao khả năng ứng phó với các tình huống thiên tai và khẩn cấp.

6.4. Cơ sở hạ tầng khác

Khu công nghiệp: Các KCN tập trung đông lao động (khoảng >600.000 người), chủ yếu ở khu vực đồng bằng và ven trục giao thông lớn. Khi xảy ra mưa lớn, ngập lụt, cần ưu tiên phương án sơ tán công nhân, bảo đảm an toàn nhà xưởng và hệ thống hạ tầng kỹ thuật (điện, nước, môi trường), tránh phát sinh sự cố thứ cấp.

Hệ thống cấp nước: Nguồn cấp nước phụ thuộc chủ yếu vào các sông lớn, các nhà máy nước đặt ven sông. Khi xảy ra lũ, ô nhiễm nguồn nước hoặc sự cố công trình có thể ảnh hưởng đến cấp nước diện rộng. Cần bảo đảm duy trì cấp nước liên tục cho khu sơ tán, cơ sở y tế và khu dân cư bị ảnh hưởng.

Hệ thống thoát nước: Một số khu vực đô thị và vùng trũng có nguy cơ ngập úng khi mưa lớn kéo dài, ảnh hưởng đến giao thông và sơ tán. Cần ưu tiên tiêu thoát nước nhanh, bảo đảm các tuyến đường chính và khu vực sơ tán không bị chia cắt.

Hệ thống giao thông: Mạng lưới giao thông tương đối hoàn chỉnh, là trục chính phục vụ sơ tán dân, vận chuyển lực lượng và vật tư. Một số tuyến đi qua vùng trũng, ven sông có nguy cơ bị ngập, chia cắt. Cần xác định tuyến sơ tán an toàn, phương án phân luồng và dự phòng khi xảy ra sự cố.

Hệ thống điện: 100% xã, phường đã được cấp điện, phục vụ tốt sinh hoạt và sản xuất. Một số công trình điện tại khu vực trũng thấp có nguy cơ bị ảnh hưởng

bởi mưa bão, ngập lụt. Cần bảo đảm cấp điện an toàn, liên tục cho các điểm sơ tán, cơ sở y tế và trung tâm chỉ huy, đồng thời có phương án dự phòng.

Hệ thống thông tin, truyền thông: Hạ tầng viễn thông phủ rộng, bảo đảm thông tin liên lạc trong chỉ đạo, điều hành và cảnh báo thiên tai. Cần duy trì liên lạc thông suốt đến cấp xã, đặc biệt tại các khu vực có nguy cơ bị cô lập, phục vụ chỉ huy sơ tán và cứu hộ, cứu nạn.

Nhìn chung, hệ thống hạ tầng của tỉnh cơ bản đáp ứng yêu cầu ứng phó thiên tai, là điều kiện quan trọng để tổ chức sơ tán dân, bố trí nơi tránh trú tạm thời và triển khai cứu hộ, cứu nạn. Tuy nhiên, trước các nguy cơ lũ, ngập lụt và sạt lở đất, cần rà soát, xác định khu vực an toàn, tuyến di chuyển và các điểm có nguy cơ bị chia cắt, bảo đảm phương án ứng phó chủ động, hiệu quả.

II. ĐẶC ĐIỂM VÀ TÌNH HÌNH THIÊN TAI

Thiên tai trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh diễn biến ngày càng phức tạp, có xu thế gia tăng về cường độ, tần suất và tính cực đoan. Các loại hình thiên tai chủ yếu tập trung vào nhóm rủi ro liên quan đến mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở, ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực dân cư, đô thị, khu công nghiệp và hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn. Sử dụng số liệu về lịch sử thiên tai trong khoảng thời gian 05 năm từ 2021-2025, đặc điểm của từng loại thiên tai điển hình đã xảy ra trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ)

Theo chuỗi số liệu thống kê nhiều năm, trên địa bàn tỉnh chịu ảnh hưởng trung bình từ 4–8 cơn bão và ATNĐ, giai đoạn từ năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh chịu ảnh hưởng từ 2-4 cơn/năm. Tuy không ảnh hưởng bởi gió mạnh trực tiếp nhưng toàn tỉnh chịu ảnh hưởng bởi mưa lớn trên diện rộng do hoàn lưu bão, gây ngập úng và phát sinh lũ trên các sông. Một số cơn bão mạnh (bão số 3 năm 2024 và bão số 10, 11 năm 2025) đã gây mưa kéo dài, làm gia tăng nguy cơ lũ lớn và mất an toàn đê điều.

- Thời gian xảy ra: chủ yếu từ tháng 6 đến tháng 10 trong năm.
- Khu vực ảnh hưởng: toàn tỉnh, đặc biệt khu vực ven sông và đô thị.
- Tác động chính: gây mưa lớn diện rộng, kích hoạt lũ và ngập úng.
- Thiệt hại điển hình: Gây ngập diện rộng (đỉnh điểm năm 2025 với ~16.500 nhà bị ngập); Ảnh hưởng sản xuất, hạ tầng khu công nghiệp.

Cấp độ RRTT lớn nhất do bão, ATNĐ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được xác định theo quy định tại Quyết định 18/2021/QĐ-TTg là cấp 3.

Bảng 1. Tổng hợp tình hình bão, ATNĐ

Năm	Số cơn bão	Tên cơn bão	Thời gian xảy ra	Cấp bão	Ghi chú
2021	03	Bão số 03 (Cempaka)	20–26/7	Cấp 8-9, giạt cấp 10.	Gây ra mưa vừa đến mưa to với lượng mưa trung bình từ 56,8mm đến 146mm
		Bão số 07 (Rionrock) ATNĐ	09–11/10 04-07/07	Cấp 8, giạt cấp 10.	
2022	02	Bão số 2 (Mulan)	10–12/8	Cấp 8, giạt cấp 10.	Hoàn lưu bão gây mưa vừa đến mưa to
		Bão số 3 (Ma-on)	24–26/8		
2023		Bão số 1, Bão số 3, 01 ATNĐ	tháng 9/2023	Cấp 9, giạt cấp 11	
2024	02	Bão số 2	22–24/7	Cấp 8–9, giạt 11	Gây mưa to và rất to
		Bão số 3 (Yagi)	06–08/9		
2025	04	Bão số 3 (Wipha)	21–23/7	Cấp 9	Gây mưa lớn
		Bão số 5 (Kajiki)	25–27/8		
		Bão số 10 (Bualoi)	25–30/9		
		Bão số 11 (Matmo)	01–06/10		

2. Mưa lớn

Mưa lớn là loại hình thiên tai xảy ra thường xuyên nhất, trung bình khoảng 4–10 đợt/năm, có khi lên đến trên 10 đợt/năm. Xu hướng nổi bật là mưa cường suất lớn trong thời gian ngắn, nhiều trận đạt trên 300–450mm/đợt, vượt xa trung bình nhiều năm. Mưa lớn gây:

- + Ngập úng nghiêm trọng tại đô thị, khu công nghiệp;
- + Quá tải hệ thống tiêu thoát nước;
- + Kích hoạt lũ, sạt lở đất và sự cố công trình.
- Thời gian: tập trung từ tháng 5 đến tháng 10.
- Đặc điểm: mưa cường suất lớn (có trận >300mm/ngày).

- Khu vực ảnh hưởng: Toàn tỉnh, đặc biệt là đô thị và các khu công nghiệp, vùng trũng thấp.

Cấp độ rủi ro thiên tai lớn nhất do mưa lớn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh xác định theo quy định tại Quyết định 18/2021/QĐ-TTg là cấp 3.

Bảng 2. Tổng hợp tình hình mưa lớn

Năm	Số đợt mưa	Thời điểm xảy ra
2021	04	Đợt 1: 20–26/7 Đợt 2: 05–08/8 Đợt 3: 20–22/8 Đợt 4: 09–11/10 Không có mưa lớn. Tổng lượng mưa năm thấp hơn TBNN
2022	04	Khu vực Bắc Ninh cũ: 02 đợt, đợt 1 (10-12/8); đợt 2 (25-26/8) Khu vực Bắc Giang cũ: 02 đợt do ảnh hưởng bão số 2 và số 3 Tuy nhiên không xảy ra đợt mưa lớn nào, có một số ngày mưa với lượng mưa trên 100mm
2023	12	Khu vực Bắc Ninh cũ: 02 đợt, đợt 1 (03-05/8) tổng lượng mưa là 260,1mm; đợt 2 (13-14/9) tổng lượng mưa là 145mm Khu vực Bắc Giang cũ: 10 đợt, trong đó có đợt mưa lớn với lượng mưa 213mm tại Sơn Động vào cuối tháng 9
2024	8	Khu vực Bắc Ninh cũ: 03 đợt, đợt 1 (19/7-01/8); đợt 2 (20-24/8); đợt 3 (06-16/9) Khu vực Bắc Giang cũ: 08 đợt Toàn tỉnh ghi nhận lượng mưa tại các trạm từ 371mm đến 460,4mm. Đợt mưa to sau cơn bão số 3 lượng mưa trong 24h trung bình khoảng từ 200-300ml.
2025	16	Tỉnh Bắc Ninh: 16 đợt mưa vừa - mưa to trên diện rộng; trong đó 2 đợt mưa “rất to” (vào các ngày 21/8, 29/9) và 1 đợt mưa “đặc biệt lớn” do ảnh hưởng của hoàn lưu bão số 11 Đặc biệt ngày 07/10/2025, phường Bắc Giang ghi nhận lượng mưa cực lớn đạt 365,4mm

3. Lũ và ngập lụt

Lũ thường xuất hiện trên các sông chính (Cầu, Thương, Lục Nam) với tần suất 3–5 trận/năm, có xu hướng lên nhanh, biên độ lớn, nhiều đợt lũ vượt mức báo động III. Đặc biệt trong các năm 2024 và 2025 đã xuất hiện lũ lớn, lũ lịch sử cục bộ trên các sông, lũ trên sông gây các ảnh hưởng lớn như:

- + Ngập sâu diện rộng tại vùng trũng, ven sông;
- + Áp lực lớn lên hệ thống đê điều;
- + Nguy cơ phải sơ tán dân quy mô lớn.

+ Ngập úng đô thị xảy ra phổ biến tại các khu vực đô thị hóa nhanh, nơi hệ thống thoát nước chưa đáp ứng yêu cầu.

- Thời gian: tháng 6–11, cao điểm từ tháng 8–10.

- Khu vực ảnh hưởng: ven các sông Cầu, Thương, Lục Nam, Đuống; vùng trũng thấp.

- Đặc điểm: lũ lên nhanh, nhiều đợt vượt báo động III, có hiện tượng lũ chồng lũ.

Cấp độ RRTT lớn nhất do lũ, ngập lụt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được xác định theo quy định tại Quyết định 18/2021/QĐ-TTg là cấp 3.

Bảng 3. Tổng hợp tình hình lũ, ngập lụt

Tên sông	Trạm thủy văn	Mức nước đỉnh lũ (m)	Mức báo động			So với mức BĐ	Ghi chú
			I	II	III		
Năm 2021							
Sông Cầu	Đáp Cầu	2,36	4,3	5,3	6,3	dưới BĐI: 194cm, ngày 24/7	
Sông Đuống	Bến Hồ	2,38	6,80	7,50	8,4	dưới BĐI: 342cm, ngày 24/7	
Sông Thái Bình	Phả Lại	2,11	4,00	5,00	6,00	dưới BĐI: 189cm	
Sông Thương	Cầu Sơn	15,13	14,0	15,0	16,0	cao hơn BĐII 0,13m ngày 01/8	
	Phủ Lạng Thương	2,88	4,30	5,30	6,30	thấp hơn BĐI 1,42m ngày 02/8	
Sông Cẩm Đàn	Cẩm Đàn	40,52	41,0	43,0	45,0	thấp hơn BĐI 0,48m ngày 15/8	
Sông Lục Nam	Chũ	8,67	11,0	12,0	13,0	thấp hơn BĐI là 2,33m ngày 15/8	
	Lục Nam	3,19	4,30	5,30	6,30	thấp hơn BĐI 1,11m ngày 16/8	
Sông Cầu	Đáp Cầu	2,12	4,30	5,30	6,30	thấp hơn BĐI 2,18m ngày 25/8	
Năm 2022							
Sông Cầu	Đáp Cầu	5,35	4,3	5,3	6,3	trên mức BĐII:	

Tên sông	Trạm thủy văn	Mức nước đỉnh lũ (m)	Mức báo động			So với mức BĐ	Ghi chú
			I	II	III		
						0,05m, ngày 26/5	
	Phúc Lộc Phương	7,54	6,00	7,00	8,00	trên mức BĐII: 0,54m, ngày 25/5	
Sông Đuống	Bến Hồ	4,99	6,80	7,50	8,4	dưới mức BĐI: 1,81m, ngày 17/6	
Sông Thái Bình	Phả Lại	3,34	4,00	5,00	6,00	dưới mức BĐI: 0,66m, ngày 18/6	
Sông Thương	Cầu Sơn	15,87	14,0	15,0	16,0	dưới BĐIII: 0,13 m, ngày 11/5	
	Phủ Lạng Thương	5,06	4,30	5,30	6,30	thấp hơn BĐII: 0,24 m, ngày 27/8	
Sông Cẩm Đàn	Cẩm Đàn	45,78	41,0	43,0	45,0	cao hơn BĐIII: 0,78 m, ngày 10/5	
Sông Lục Nam	Chũ	12,27	11,0	12,0	13,0	cao hơn BĐII: 0,27 m, ngày 26/8	
	Lục Nam	5,72	4,30	5,30	6,30	cao hơn BĐII: 0,42 m, ngày 27/8	
Sông Cầu	Đáp Cầu	5,34	4,3	5,3	6,3	cao hơn BĐII: 0,04 m, ngày 26/5	
Năm 2023							
Sông Cầu	Cầu Đáp	3,39	4,3	5,3	6,3	dưới mức BĐI: 91cm, ngày 27/8	
Sông Đuống	Bến Hồ	2,51	6,80	7,50	8,4	dưới mức BĐI: 429cm, ngày 29/8	
Sông Thái Bình	Phả Lại	2,20	4,00	5,00	6,00	dưới mức BĐI: 180 cm, ngày 30/8	
Sông Thương	Cầu Sơn	15,71	14,0	15,0	16,0	cao hơn BĐII: 0,71 m, ngày 26/6	
	Phủ Lạng Thương	4,45	4,30	5,30	6,30	cao hơn BĐI: 0,15 m, ngày 27/6	

Tên sông	Trạm thủy văn	Mức nước đỉnh lũ (m)	Mức báo động			So với mức BĐ	Ghi chú
			I	II	III		
Sông Cẩm Đàn	Cẩm Đàn	41,05	41,0	43,0	45,0	cao hơn BĐI: 0,05 m, ngày 27/9	
Năm 2024							
Sông Cầu	Phúc Lộc Phương	9,40	6,00	7,00	8,00	trên mức BĐIII: 140cm, ngày 08/9	Cao hơn đỉnh lũ lịch sử năm 1971 là 3cm
	Đáp Cầu	7,79	4,3	5,3	6,3	trên mức BĐIII: 149cm, ngày 08/9	Thấp hơn đỉnh lũ lịch sử năm 1971 là 5cm
Sông Đuống	Bến Hồ	8,27	6,80	7,50	8,4	trên mức BĐII: 95cm, ngày 12/9	Thấp hơn đỉnh lũ lịch sử năm 1971 là 145cm
Sông Thái Bình	Phả Lại	6,25	4,00	5,00	6,00	trên mức BĐIII: 25cm, ngày 12/9	Thấp hơn đỉnh lũ lịch sử năm 1971 là 105cm
Sông Thương	Phủ Lạng Thương	7,23	4,30	5,30	6,30	trên mức BĐIII: 93cm	Thấp hơn 0,3m so lũ lịch sử 1986
sông Lục Nam	Lục Nam	6,72	4,30	5,30	6,30	trên mức BĐIII: 42cm	Thấp hơn 1,32m so lũ lịch sử 1986
Sông Cầu	Đáp Cầu	7,79	4,3	5,3	6,3	trên mức BĐ III: 149cm	Xấp xỉ lũ lịch sử năm 1971
Năm 2025							
Sông Thương	Cầu Sơn	18,37	14,0	15,0	16,0	vượt mức báo động III 2,37m	Cao hơn lũ lịch sử 0,95m (so năm 2008)
	Phủ Lạng Thương	7,60	4,30	5,30	6,30	vượt báo động III 1,0m	Cao hơn lũ lịch sử 0,07m (so năm 1986)

Tên sông	Trạm thủy văn	Mức nước đỉnh lũ (m)	Mức báo động			So với mức BĐ	Ghi chú
			I	II	III		
Sông Cầu	Phúc Lộc Phương	9,98	6,00	7,00	8,00	vượt báo động III 1,98m	Cao hơn lũ lịch sử 0,58m (so năm 2024)
	Trạm Đáp Cầu	7,52	4,3	5,3	6,3	vượt báo động III 1,22m	dưới mức lịch sử năm 1971: 0,32m

4. Lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất

Đối với tỉnh Bắc Ninh, nguy cơ lũ quét, sạt lở đất tập trung chủ yếu tại khu vực miền núi phía Đông tỉnh (Sơn Động, Lục Ngạn, Tây Yên Tử). Các năm 2024 và 2025 ghi nhận mưa cực đoan >400 mm/24h, làm gia tăng nguy cơ lũ quét, sạt lở tại các khu vực có địa hình dốc và nền đất yếu. Khu vực ven sông Cầu và sông Thương có nguy cơ sạt lở bờ sông do biến đổi dòng chảy và hoạt động xây dựng trong phạm vi bãi sông.

- Thời gian: xảy ra chủ yếu trong mùa mưa (tháng 6–10).

- Khu vực: ven các sông Lục Nam, sông Thương, sông Cầu, sông Đuống (sạt lở đất: Tuấn Đạo, Đại Sơn, Sơn Động, Tây Yên Tử, Dương Hưu, Yên Định, Vân Sơn, Sơn Hải, Tân Sơn, Biên Sơn, Sa Lý, Nam Dương, Lục Sơn, Trường Sơn, Yên Thế, Bồ Hạ, Đồng Kỹ, Xuân Lương, Tam Tiến, Yên Dũng, Cảnh Thụy; Ven sông, tại các đoạn cong, khu vực dòng chảy mạnh hoặc các đoạn có hoạt động khai thác cát gây sạt lở bờ sông.).

- Thiệt hại:

+ Sạt lở làm hư hỏng nhà ở, công trình (đã ghi nhận sập, nứt nhà dân);

+ Ảnh hưởng giao thông (tuyến tỉnh lộ 291C).

Cấp độ RRTT do lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất lớn nhất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được xác định theo quy định tại Quyết định 18/2021/QĐ-TTg ở cấp độ 2.

Bảng 4. Tổng hợp tình hình lũ quét, sạt lở đất

Năm	Loại hình	Địa phương ảnh hưởng (Xã/phường)	Nguyên nhân	Ghi chú
-----	-----------	----------------------------------	-------------	---------

Năm	Loại hình	Địa phương ảnh hưởng (Xã/phường)	Nguyên nhân	Ghi chú
2023	Sạt lở bờ sông	Vị trí K49+300 và K49+750÷K49+800 đê hữu Cầu, phường Kinh Bắc (phường Vạn An, Tp Bắc Ninh cũ)	Nguyên nhân gây ra sạt lở do đây là khu vực dân cư sinh sống lâu đời, nhân dân tự tôn tạo các công trình nhà ở trên bãi sông, sát mép nước gây ra tải trọng của công trình lớn	
2024	Sạt lở đất	Xã Hợp Thịnh (Hiệp Hoà cũ)	Do ảnh hưởng của hoàn lưu cơn bão số 3	Thời gian mưa từ 07–11/9/2024. Lượng mưa tại một số trạm: Cẩm Đàn 460,4mm; Sơn Động 448,1mm; Hiệp Hoà 428,9mm; Tân Sơn 371mm.
2025	Sạt lở đất	Các xã: Dương Hưu, Đại Sơn, Vân Sơn, Sơn Động, Tây Yên Tử, Tuấn Đạo, Yên Định, Lục Ngạn, Biên Sơn, Sa Lý, Tân Sơn, Trường Sơn	Do ảnh hưởng của cơn bão số 10, 11 gây mưa lớn kéo dài	Thời gian mưa lớn từ (21/8 và 29/9) và (21/8 và 29/9). Lượng mưa tại một số trạm: Bắc Giang 451,2mm; Phủ Lạng Thương 438,1mm; Bồ Hạ 412,4mm; Lạng Giang 387,6mm; Yên Thế 335,6mm; Tân Yên 332,4mm.

5. Đông, lốc, sét, mưa đá

Vào giai đoạn chuyển mùa thường xảy ra hiện tượng đông, lốc, sét và mưa đá với tính chất đột ngột, phạm vi hẹp nhưng cường độ mạnh, gây các ảnh hưởng như:

- + Tốc mái, hư hỏng nhà ở;
- + Thiệt hại về người do sét đánh;
- + Ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và lưới điện.
- Tần suất: xảy ra hàng năm.
- Thời gian: chuyển mùa (tháng 4–6 và 8–9).
- Phạm vi: cục bộ nhưng cường độ mạnh.

Trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, ngày 20- 21/4 năm 2024 trên địa bàn các huyện cũ: Gia Bình, Tiên Du, thị xã Quế Võ, thị xã Thuận Thành xảy ra đợt mưa, giông,

lốc sét không gây thiệt hại lớn nhưng cũng làm hư hỏng một số công trình phụ, nhà màng sản xuất rau, cây rau màu và một số công trình điện.

Cấp độ RRTT lớn nhất do dông lốc, sét, mưa đá được xác định theo quy định tại Quyết định 18/2021/QĐ-TTg xác định là cấp độ 2.

6. Nắng nóng

Hằng năm, trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh xảy ra nhiều đợt nắng nóng từ cuối tháng 4 đến giữa tháng 7, tập trung chủ yếu trong tháng 5–6; một số đợt nắng nóng gay gắt có nhiệt độ cao nhất phổ biến từ 37–39°C, có thời điểm nhiệt độ trên 39–40°C gây ảnh hưởng đến sản xuất, sinh hoạt và nhu cầu sử dụng điện, nước trên địa bàn tỉnh.

Cấp độ RRTT lớn nhất do nắng nóng được xác định theo quy định tại Quyết định 18/2021/QĐ-TTg xác định là cấp độ 2.

Bảng 5. Tổng hợp tình hình nắng nóng

Năm	Số đợt	Nhiệt độ cao nhất (°C)	Thời gian kéo dài (ngày)
2025	12	40,1	5–7 ngày
2024	10	37,5 – >39	3–5 ngày
2023	12	39,1	3–6 ngày
2022	11	37 – 39	4–6 ngày
2021	10	40,3	~13 ngày

7. Rét hại, sương muối

Rét hại, sương muối trên địa bàn tỉnh thường xảy ra từ tháng 12 đến tháng 2 năm sau, chủ yếu do ảnh hưởng của các đợt không khí lạnh mạnh từ lục địa Trung Quốc. Trong giai đoạn 2021–2025, các đợt rét hại nhìn chung không kéo dài, mức độ rủi ro chủ yếu cấp 2. Khu vực miền núi phía Đông tỉnh (Sơn Động, Lục Ngạn) thường ghi nhận nhiệt độ thấp hơn khu vực đồng bằng, do ảnh hưởng của địa hình cao.

- Thiệt hại:

+ Ảnh hưởng chăn nuôi, cây trồng;

+ Nguy cơ gia tăng dịch bệnh.

+ Sương mù xuất hiện cục bộ, ảnh hưởng đến giao thông và sinh hoạt.

Cấp độ RRTT lớn nhất do rét hại, sương muối, sương mù được xác định theo quy định tại Quyết định 18/2021/QĐ-TTg xác định là cấp độ 2.

Bảng 6. Tổng hợp tình hình rét hại, sương muối

Năm	Nhiệt độ trung bình ngày (°C)	Thời gian kéo dài (ngày)
2025	9 – 11	3 – 4
2024	8 – 10	3 – 5
2023	3,5 – 8	5 – 7
2022	6,7 – 8	6 – 7
2021	~8 – 10	3 – 4

8. Thiệt hại do thiên tai

Trong khoảng thời gian 05 năm gần đây, thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh có diễn biến ngày càng phức tạp, cực đoan và khó lường, gây thiệt hại đáng kể về người, tài sản, cơ sở hạ tầng, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và đời sống dân sinh. Bên cạnh những thiệt hại trực tiếp, thiên tai còn tác động tiêu cực đến môi trường sống như ô nhiễm nguồn nước, sạt lở đất, suy giảm chất lượng môi trường, ảnh hưởng đến hệ sinh thái và điều kiện sinh hoạt của người dân. Các đợt thiên tai liên tiếp cũng làm gia tăng áp lực đối với công tác khắc phục hậu quả, phục hồi sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tổng thiệt hại do thiên tai trong 05 năm nước tính khoảng hơn 8.589 tỷ đồng.

Bảng 7. Tổng hợp thiệt hại do thiên tai trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trong 05 năm gần nhất

TT	Thiệt hại	Thời gian				
		2021	2022	2023	2024	2025
1	Người	-1 người chết do sét đánh - 3 người bị thương	-176 người chết (Trẻ em chết do nước cuốn xã Yên Định, huyện Sơn Động)	1132 người chết, mất tích, bị thương trong đó - 2 người chết, nữ, sét đánh tử vong, huyện Hiệp Hòa & huyện Lạng Giang - 1 người bị thương, huyện Yên Thế	-3 người chết (1 sét đánh, 1 bị nước cuốn, 1 bị lũ cuốn do lật xe trôi kéo mất)	-6 người chết do mưa lũ cuốn trôi, sét đánh -10 người bị thương
2	Nhà ở		-14 nhà thiệt hại: + 4 nhà thiệt hại hoàn toàn +1 nhà thiệt hại rất nặng +2 nhà thiệt hại nặng +7 nhà thiệt hại 1 phần -168 nhà cần di dời tựa Lục Ngạn - 140 nhà dân ngoài đê bị ngập khoảng 1-1,2m xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa	-12 hộ thiệt hại nhà ở: +7 hộ tốc mái nhà - Tân Yên, Yên Dũng +5 hộ thiệt hại do sạt lở đất & sét đánh làm đổ, nứt tường và chập cháy thiết bị điện, huyện Yên Thế - Di dời khẩn cấp 25 hộ xã An Lạc -6 hộ bị ảnh hưởng do sạt lở đất	16994 nhà bị ảnh hưởng: - 158 nhà thiệt hại hoàn toàn - 900 nhà thiệt hại rất nặng - 774 nhà thiệt hại nặng - 15 162 nhà thiệt hại 1 phần	-113 nhà bị thiệt hại đổ, hỏng học, tốc mái - Hơn 16500 nhà bị ngập nước

TT	Thiệt hại	Thời gian				
		2021	2022	2023	2024	2025
3	Nông nghiệp	- Lúa: Ngập 312ha -Rau màu: 14ha	-Lúa: 1884ha -Rau màu: 462ha -Cây ăn quả: 267ha -704ha các loại cây khác -14 169 gia súc, gia cầm chết - 1000 chị bò trâu - 380 đàn ong mật - Hư hỏng đồ ăn nước uống cho gia súc gia cầm: 27,23ha - Cá chết do rút đầm rét hại: 1470kg -Đồ gãy 136 cây xanh đô thị	- Thiệt hại hoàn toàn: + 4ha cây lâm nghiệp + 2,5ha mạ mới gieo bị nước cuốn trôi + 10ha lúa gãy đổ ngập sâu - Thiệt hại nặng: 39ha lúa - Thiệt hại 1 phần: 7,5ha ngô	- Lúa: 21 203,4ha: hoàn toàn: 9805,6ha; rất nặng: 6395,95ha; nặng: 3456,43ha; 1 phần: 1462,41ha - Rau màu: 4079,77ha - Cây trồng hằng năm: 333,44ha - Cây trồng lâu năm: 719,5ha - Cây ăn quả: 6934,642ha - Rừng gãy đổ: 31 953,94ha - Cây xanh đô thị gãy đổ: 97283 cây - Hoa, cây cảnh: 25,82ha - Nhà màng: bị sập 94,729m ² ; bung nilon 99,318m ² -Nhà lưới: bị sập 17,619m ² ; bị bung 45,034m ² nilon:	- Lúa: 7903ha - Cây hàng năm: 3327,8ha - Cây trồng lâu năm: 1950,8ha - Cây lâm nghiệp: 247,9ha

TT	Thiệt hại	Thời gian				
		2021	2022	2023	2024	2025
4	Chăn nuôi, thủy sản			<ul style="list-style-type: none"> - Chết & bị nước cuốn 1000 gia cầm - Tràn ao cá và sạt lở đất 8ha 	<ul style="list-style-type: none"> - Gia súc: 2443 con bị chết, cuốn trôi - Gia cầm: 467621 con bị chết, cuốn trôi - Đàn vật nuôi khác chết, cuốn trôi: 128020 - Thủy sản thiệt hại: 3455,59ha 	<ul style="list-style-type: none"> - Gia súc: 15861 con bị chết, cuốn trôi - Gia cầm: 829068 con - Đàn ong mật: 6780 - Thủy sản thâm canh, bán thâm canh: 4129,26ha - Thủy sản trong bể, lồng, bè: 72,86ha - Hình thức khác : 290,4ha
5	Cơ sở hạ tầng	<p>Ngập lụt, sạt lở gây tràn nước, xói lở đường; ảnh hưởng các tuyến QL31, QL279, ĐT242, ĐT248, ĐT291, tuyến Vô Tranh-Đông Triều, tuyến Mực-Đèo Kiềm, tuyến Mỏ Trang-Thiên Kỳ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sập, tốc mái 885m² - Ngập hồng 4 máy bơm, 2 máy xúc - Gãy đổ 31 cột, 1500m cáp quang viễn thông, 98 cột điện trung thế, hạ thế - 5849m dây điện đứt hồng - 100m vành lao hộ dân - Thiệt hại nặng 1 nhà xưởng chế gỗ 	<ul style="list-style-type: none"> - Đổ 270m tường rào - Tốc 340m² mái che nhà xưởng, chuồng trại 		

TT	Thiệt hại	Thời gian				
		2021	2022	2023	2024	2025
6	Công trình đê điều	<p>-2 sự cố công trình: + Sạt trượt đất đá núi Y Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa + Đá rơi từ vách núi TDP 6, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng - 3 sự cố đê điều</p>	<p>- Sạt trượt mái đê phía sông đoạn K50+900-K50+930 đê tả Cầu thuộc thôn Nội Ninh, xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên. - Tháng 5/2022 sạt lở bãi sông tại tuyến đê bồi Tiên Sơn -Vân Hà: K5+800 đến K6+300; K8+250 đến K8+400 - Bục vòm cống qua đê bồi Tiên Sơn - Vân Hà tại K7+200 thuộc thôn Yên Viên, xã Vân Hà, huyện Việt Yên -Trôi cánh cống Cống Độc Trại tuyến đê Đốc Tiên, thôn Trung, xã Nghĩa Trung - Sạt trượt chân, mái kè khu vực đò Mom - Sạt, trượt mái bờ sông đê bồi thôn Trung Phố, xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang (ngày 1/5/2022) - Sạt, trượt đê bồi Đồng Nghè thôn Hồng Giang, xã Dương Đức, huyện Lạng Giang</p>	<p>-Sạt trượt 1 cống thoát nước qua đường liên xã - Đổ 194 bờ kênh, sạt 20m mái đê bao - 3 sự cố trên tuyến đê cấp III trở lên - 5 sự cố trên tuyến đê dưới cấp III</p>	<p>-104 sự cố công trình đê điều: Hơn km; 8,6km kênh mương; 47 cống; 34 trạm bơm + 57 sự cố trên tuyến đê cấp II, III + 47 sự cố trên tuyến đê cấp IV, V</p>	<p>-53610m có sự cố tràn mặt đê - Sự cố sủi đùn, thấm lậu, rò rỉ mái đê, chân đê: 48 đoạn đê - Sự cố sạt trượt mái đê: 9 sự cố - Sự cố cống: 2 sự cố rò rỉ qua cánh cống - Trạm bơm Dương Đức không hoạt động do ngập - 6 trạm bơm bị ngập 1 phần phải kéo máy lên và kê kích đảm bảo an toàn</p>

TT	Thiệt hại	Thời gian				
		2021	2022	2023	2024	2025
7	Giáo dục		-9 điểm bị ngập - 199 bộ bàn ghế hỏng - 1 máy photo hỏng		-547 điểm trường bị ảnh hưởng - Thiệt hại 363 phòng học - 59 thiệt hại về giáo dục khác	-Hơn 270 điểm trường bị ảnh hưởng: +263 điểm trường bị ngập + 55 phòng học, phòng chức năng công vụ bị ngập thiệt hại gây hỏng thiết bị giáo dục
8	Giao thông		-Trên 200 điểm sạt lở, ách tắc: 4650m - Chiều dài ngập trên các tuyến đường: 1350m	- Sạt lở, hư hỏng 200m đường liên thông, liên xã Sơn Động, Lục Ngạn	-166 điểm sạt lở , ách tắc đường giao thông TW - Đường giao thông địa phương: +304 điểm đường giao thông bị sạt lở +96 vị trí bị xói lở lề đường +17 vị trí hư hỏng mặt đường +29 vị trí hư hỏng cống rãnh	- Hơn 950 điểm tuyến quốc lộ hư hại 839m, ngập 7160m, khối lượng đất đá, bê tông nhựa đường 4000m3 -Tuyến đường địa phương hư hỏng sạt lở 27757m, ngập 54550m, khối lượng đất đá, nhựa đường bê tông 84000m3 - 2 cầu, 19 cống hư hỏng, hơn 700 công trình thiệt hại

TT	Thiệt hại	Thời gian				
		2021	2022	2023	2024	2025
9	Thông tin liên lạc				<ul style="list-style-type: none"> - Đổ, gãy cột điện các loại 2360 cột, đứt 19314 m dây điện trung, hạ thế, hỏng 2 trạm biến thế - 810 cột ăng ten đổ, gãy; 2369 cột treo cáp bị đổ gãy; 11 nhà trạm hư hỏng 	<ul style="list-style-type: none"> - Sự cố 59 lượt đường dây trung áp sau các TBA 110kV - Lưới điện trung áp 17 cột gãy đổ, nứt vỡ; 9 cột nghiêng, sạt lở; 1155m dây bị đứt - Hư hỏng 3 máy trạm biến áp - Lưới điện hạ áp 188 cột gãy đổ, nứt vỡ, 38 cột nghiêng sạt lở, 1345m dây đứt sơ tước

TT	Thiệt hại	Thời gian				
		2021	2022	2023	2024	2025
10	Y tế, văn hóa				<ul style="list-style-type: none"> -104 cơ sở y tế bị ảnh hưởng hư hại -10 cơ sở y tế ngập nước - Hư hại: 256 nhà văn hóa, sân vận động, 75 di tích lịch sử văn hóa, 59 trụ sở cơ quan, 2250 nhà kho phân xưởng, 19 chợ, TTTM và 135 công trình khác 	<ul style="list-style-type: none"> -24 di tích lịch sử bị thiệt hại, ảnh hưởng - 17 di tích thiệt hại liên quan đến hạng mục, công trình tại di tích -1 diêm du lịch cộng đồng Bản Ven mưa lớn gây lũ quét thiệt hại tài sản - 24 nhà văn hóa sinh hoạt bị thiệt hại về cơ sở hạ tầng và thiết bị - 16 trạm y tế và 1 bệnh viện tư nhân bị ngập - 1 bệnh viện Đa khoa Bồ Hạ có các thiết bị máy XQ, CT, MRI bị ngập trong nước
11	Tổng giá trị thiệt hại	17.200.000.000	82.900.000.000	36.324.000.000	5.450.353.730.000	3.003.000.000.000

III. ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI THEO CẤP ĐỘ RRTT

1. Đánh giá về thiên tai

Trên cơ sở về đặc điểm và tình hình thiên tai, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra trong 05 gần đây, tiến hành đánh giá và xác định dấu hiệu cảnh báo, tần suất xuất hiện, thời điểm và thời đoạn xảy ra, khu vực ảnh hưởng, xác định cấp độ rủi ro thiên tai.

Nội dung đánh giá thiên tai được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 8. Tổng hợp đánh giá thiên tai

STT	Loại hình thiên tai	Cấp độ RRTT lớn nhất	Dấu hiệu cảnh báo	Thời gian cảnh báo trước	Tần suất xuất hiện (trận/năm)	Thời điểm xuất hiện	Thời gian diễn ra (số ngày)	Khu vực ảnh hưởng
1	Bão/ATNĐ	3	Khi bão trên Biển Đông; Bão/ATNĐ hoạt động trên Biển Đông, có khả năng di chuyển vào đất liền trong khoảng 48h/24h tới hoặc theo kinh nghiệm của địa phương	3-5 ngày	2-4	Từ tháng 6 đến tháng 10	2-7 ngày	Toàn tỉnh Gây ngập diện rộng, ảnh hưởng đến sản xuất, hạ tầng khu công nghiệp
2	Mưa lớn	3	Hoàn lưu của bão, ATNĐ; Khi xuất hiện dải mây đối lưu mạnh trên radar	1-2 ngày	4-10	Từ tháng 5 đến tháng 10	Tb 2-7 ngày	Toàn tỉnh Gây ngập úng nghiêm trọng tại đô thị, khu công nghiệp, vùng trũng thấp

STT	Loại hình thiên tai	Cấp độ RRTT lớn nhất	Dấu hiệu cảnh báo	Thời gian cảnh báo trước	Tần suất xuất hiện (trận/năm)	Thời điểm xuất hiện	Thời gian diễn ra (số ngày)	Khu vực ảnh hưởng
			thời tiết					
3	Lũ, ngập lụt	3	Khi mực nước trong sông có khả năng vượt mức BĐ1; Xuất hiện mưa kéo dài và mưa lớn ở thượng nguồn các sông chính: Lục Nam, Thương, Cầu, Đuống; Xuất hiện mưa lớn, lũ trên địa bàn	1-2 ngày	3-5	Từ tháng 6 đến tháng 11, cao điểm từ tháng 8-10	2-5	Các xã, phường: Đại Sơn, Vân Sơn, An Lạc, Tây Yên Tử, Trường Sơn, Tam Giang, Yên Phong, Việt Yên, Chũ, Lục Ngạn, Yên Định, Cẩm Lý, Bắc Lũng, Lục Nam, Tân Yên, Mỹ Thái, Lạng Giang, Kép, Đại Lai.
4	Lũ quét, sạt lở đất và sạt lún đất do dòng chảy	2	Mưa với lượng mưa từ 100-200mm trong 1-2 ngày tại vùng có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất, sạt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy như sườn dốc, mái	Ngay khi phát hiện khả năng xuất hiện	1-2	Từ tháng 5 đến tháng 10	Thời gian ngắn trong ngày	Các xã, phường: Vân Sơn, An Lạc, Sơn Động, Tây Yên Tử, Dương Hưu, Tuấn Đạo, Phượng Sơn, Trường Sơn, Nghĩa Phương, Bồng Lai, Bắc Giang, Yên Dũng, Cảnh Thụy, Hợp Thịnh, Hoàng Vân, Yên Thế, Tam Tiến, Xuân Lương, Đồng Kỳ, Tiên Lục, Biên Sơn, Sơn Hải, Tân Sơn, Lục Ngạn, Biể Động, Yên Định, Bắc Lũng, Phù Lãng, Cao Đức

STT	Loại hình thiên tai	Cấp độ RRTT lớn nhất	Dấu hiệu cảnh báo	Thời gian cảnh báo trước	Tần suất xuất hiện (trận/năm)	Thời điểm xuất hiện	Thời gian diễn ra (số ngày)	Khu vực ảnh hưởng
			taluy, bờ sông hoặc theo kinh nghiệm của địa phương					
5	Đông, lốc, sét, mưa đá	2	Vào giai đoạn chuyển mùa; Ảnh hưởng của KKL kết hợp với hội tụ gió trên cao phát triển mạnh; Mây đen kéo đến kèm theo gió mạnh; Mưa rào xuất hiện nhanh	Ngay khi phát hiện khả năng xuất hiện; khoảng 1-2h	1-2	Từ tháng 4 đến tháng 6 và từ tháng 8-9	Thời gian ngắn trong ngày	Phạm vi hẹp, cục bộ. Một số xã phường như Gia Bình, Quế Võ, Thuận Thành, Tam Sơn, Phù Khê, Mão Điền, Đông Cứu ...và khu vực miền núi. Làm thiệt hại về người do sét đánh; tốc mái, hư hỏng nhà cửa; thiệt hại nông nghiệp, lưới điện...
6	Nắng nóng	2	Khi phát hiện nắng nóng có khả năng xảy ra với nhiệt độ không khí cao nhất trong ngày vượt quá 35 ⁰ C, kéo dài trên 3 ngày	2 ngày	10-12	Từ tháng 4-7	3-7 ngày	Toàn tỉnh

STT	Loại hình thiên tai	Cấp độ RRTT lớn nhất	Dấu hiệu cảnh báo	Thời gian cảnh báo trước	Tần suất xuất hiện (trận/năm)	Thời điểm xuất hiện	Thời gian diễn ra (số ngày)	Khu vực ảnh hưởng
7	Rét hại, sương muối, sương mù	2	Ảnh hưởng của các đợt không khí lạnh mạnh từ lục địa Trung Quốc	1-2 ngày	3-5	Từ tháng 12 đến tháng 2 năm sau	3-7 ngày	Toàn tỉnh, khu vực ảnh hưởng nhiều nhất là khu vực miền núi

2. Đánh giá về năng lực ứng phó thiên tai trên cơ sở phương châm 4 tại chỗ

Từ các số liệu thu thập được về nguồn lực phục vụ công tác phòng chống thiên tai (con người, vật tư, phương tiện) tiến hành đánh giá năng lực ứng phó thiên tai của Bắc Ninh, cơ bản nguồn lực hiện có đủ để ứng phó với các loại hình thiên tai trên địa bàn ứng với các cấp độ RRTT từ cấp 1 đến cấp 4 và được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 9. Tổng hợp đánh giá năng lực ứng phó thiên tai trên địa bàn tỉnh

STT	Tên mục	Đơn vị	Cấp xã	Cấp tỉnh	Tổng cộng	Ghi chú
I	Con người					
1	Thành viên BCH PTDS		577		577	
2	Lực lượng quân đội	người	1.439	25.148	47.777	Các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn

STT	Tên mục	Đơn vị	Cấp xã	Cấp tỉnh	Tổng cộng	Ghi chú
3	Lực lượng công an	người	2.171		2.171	
4	Lực lượng xung kích PCTT cấp xã	người	12.454		12.454	Lực lượng XKPCTT các xã, phường
5	Dân quân tự vệ	người	4.138		4.138	
6	LL an ninh trật tự cơ sở	người	1.421		1.421	
7	LL Dự bị động viên	người	4.046		4.046	
8	Hội CTĐ	người	197		197	
9	Lực lượng y tế	người	317		317	Huy động từ các trung tâm y tế huyện, TP
10	Hội Phụ nữ	người	5.692		5.692	
11	Hội Nông dân	người	8.193		8.193	
12	Thanh niên tình nguyện	người	9.501		9.501	
13	LLQL đê nhân dân	người	50		50	
14	LLQL đê chuyên trách	người	50		50	
15	Doanh nghiệp	người	46		46	
16	Lực lượng khác	người	130		130	Huy động từ các doanh nghiệp
II	Phương tiện					
1	Xe 45 chỗ		54	26	80	

STT	Tên mục	Đơn vị	Cấp xã	Cấp tỉnh	Tổng cộng	Ghi chú
2	Xe 25 - 29 chỗ		132	22	154	
3	Xe 16 chỗ		32	23	55	
4	Xe 4 - 7 chỗ		293	40	333	
5	Số ô tô tải		3.016	27	3.043	
6	Số xe máy (ủi, xúc)		144		144	
7	Xe cứu thương		12		12	
8	Xe cứu hộ các loại		17		17	
9	Xe chữa cháy		1		1	
10	Tàu thuyền, cứu nạn		168		168	
11	Ca nô		106		106	
12	Xuồng máy		122		122	
III	Trang thiết bị cứu hộ					
1	Nhà bạt cứu sinh 16m2 - 60m2	bộ	7.112	219	7.544	
2	Phao áo cứu sinh	cái	6.917	13.805	23.405	
3	Phao tròn cứu sinh	cái	1.921	18.795	23.851	
4	Phao bè	cái	23		43	
5	Máy phát điện	cái	46	2	59	

STT	Tên mục	Đơn vị	Cấp xã	Cấp tỉnh	Tổng cộng	Ghi chú
6	Flycam	cái	1		1	
7	Loa cầm tay	cái	104		104	
8	Máy Icom	cái	3		3	
9	Thuyền cao su	cái	7		7	
10	Áo mưa chuyên dùng	cái	1.604		1.604	
11	Ủng	đôi	1.495		1.495	
12	Mũ cối	cái	1.015		1.015	
13	Cưa máy	cái	71	21	92	
14	Đèn pin	cái	1.073		1.073	
15	Dây thừng	m	8.256		8.256	
III	Vật tư					
1	Đá hộc	m3	38.282	45.973	84.255	
2	Đá dăm, sỏi	m3	5.445	2.112	7.557	
3	Cát	m3	5.982	820	6.802	
4	Đất	m3	34.650		34.650	
5	Rọ thép	cái	566	5.881	6.447	
6	Bao tải	cái	217.369	1.156.286	1.373.655	

STT	Tên mục	Đơn vị	Cấp xã	Cấp tỉnh	Tổng cộng	Ghi chú
7	Vải bạt	m2	21.469	61.761	83.230	
8	Tôn lợp	m2	300		300	
9	Cọc tre	cái	8.920		8.920	
10	Vồ đóng cọc	cái	71		71	
11	Cuốc	cái	6.436	12.312	18.748	
12	Cuốc chim	cái	186	846	1.032	
13	Xèng	cái	6.855	15.801	22.656	
14	Xà beng	cái	152		152	

3. Đánh giá về tình trạng dễ bị tổn thương

Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương – đối tượng/lĩnh vực dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai như con người, cơ sở hạ tầng, lĩnh vực sản xuất và tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 10. Tổng hợp đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương

STT	Tên mục	Đơn vị	Tổng	Bắc Ninh cũ	Bắc Giang cũ
I	Con người				
1	Trẻ em dưới 15 tuổi	Người	893.033	389.774	503.259
2	Người già	Người	309.588	134.033	175.555
3	Người khuyết tật	Người	100.400	70.000	30.400
4	Phụ nữ đang mang thai, nuôi con dưới 12 tháng tuổi	Người	60.000	28.500 - 31.500	25.000 - 35.000
5	Phụ nữ đơn thân	Người	40.000	15.000 - 25.000	15.000 - 25.000
6	Số hộ nghèo, cận nghèo	Hộ	27.909	6.839	21.070
7	Tổng số lao động trong các doanh nghiệp	Người	1.800.091	781.800	1.018.291
8	Số lao động trong hợp tác xã	Người	261	-	261
9	Số lao động trong các cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp	Người	1.049.486	425.600	623.886
10	Số lao động công nghiệp	Người	750.344	356.200	394.144
II	Cơ sở hạ tầng		-		
1	Nhà tạm, dễ sập	căn	2.991	1.595	1.396
2	Số cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản	cơ sở	205.713	128.213	77.500
3	Số cơ sở xuất công nghiệp	cơ sở	31.134	14.634	16.500
4	Số trang trại	cơ sở	1.140	554	586
III	Đất nông nghiệp	ha	45.037,90	46.085,90	298.952,00
1	Đất sản xuất nông nghiệp	ha	185.160	40.328,60	144.831,00

STT	Tên mục	Đơn	Tổng	Bắc Ninh	Bắc Giang
2	Đất lâm nghiệp có rừng	ha	146.130	557,80	145.572,00
3	Đất nuôi trồng thủy sản	ha	13.246	4.956,50	8.289,00
4	Đất nông nghiệp khác	ha	503	243,00	260,00

PHẦN 2. CƠ SỞ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013 và Luật số 60/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020; Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 ngày 20/6/2023;

- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/07/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

- Nghị định số 200/2025/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

- Quyết định số 02/QĐ-TWPCTT ngày 18/2/2020 của Trưởng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai;

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về phòng chống thiên tai;

- Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Kết luận số 213-KL/TW ngày 21/11/2025 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh năm 2025;

- Nghị quyết số 1658/NQ-UBTVQH15 ngày 16/06/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bắc Ninh năm 2025.

- Căn cứ Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 02/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt đề cương, dự toán nhiệm vụ: Lập, rà soát Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026-2030 và Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai tỉnh Bắc Ninh;

- Văn bản số 2416/UBND-KTN ngày 19/3/2026 về việc rà soát, điều chỉnh phương án ứng phó thiên tai năm 2026;

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo từng cấp độ rủi ro thiên tai nhằm chủ động phòng ngừa, tổ chức ứng phó kịp thời và hiệu quả với các tình huống thiên tai có thể xảy ra; bảo vệ tính mạng, tài sản của Nhân dân và Nhà nước, giảm thiểu thiệt hại và nhanh chóng khắc phục hậu quả. Cụ thể:

- Chủ động phòng ngừa và ứng phó hiệu quả với thiên tai: Xác định rõ các tình huống thiên tai có thể xảy ra theo từng cấp độ rủi ro, từ đó chủ động triển khai các biện pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước và Nhân dân, bảo vệ môi trường và ổn định đời sống xã hội.

- Làm cơ sở cho công tác chỉ huy, điều hành trong tổ chức ứng phó: Thiết lập cơ chế chỉ huy, điều hành thống nhất, đồng bộ giữa các cấp, các ngành trong quá trình ứng phó thiên tai; Xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong ứng phó với từng cấp độ rủi ro thiên tai; Chủ động bố trí lực lượng, phương tiện, vật tư, trang thiết bị và kinh phí phù hợp với từng cấp độ rủi ro thiên tai; Đảm bảo việc huy động nguồn lực được thực hiện nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả khi thiên tai xảy ra.

- Tổ chức sơ tán, cứu hộ, cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai nhanh chóng, hiệu quả: Xây dựng các kịch bản sơ tán dân cư ở khu vực nguy hiểm, đảm bảo an toàn tính mạng cho người dân; Chuẩn bị phương án cứu hộ, cứu nạn, hỗ trợ nhân dân và nhanh chóng khôi phục sản xuất, ổn định đời sống sau thiên tai.

2. Yêu cầu

Phương án phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị; huy động hiệu quả các nguồn lực theo phương châm ‘bốn tại chỗ’, đồng thời được rà soát, cập nhật thường xuyên để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện thực tế: Phương án phải tuân thủ các quy định của Luật Phòng, chống thiên tai, các nghị định và văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành; Nội dung phương án cần bám sát đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội, loại hình và mức độ rủi ro thiên tai của từng địa phương.

Đảm bảo sự phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng: Quy định rõ cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng vũ trang, các tổ chức chính trị -

xã hội và cộng đồng dân cư; Bảo đảm sự chỉ huy thống nhất theo phương châm “bốn tại chỗ.

Đảm bảo cập nhật, điều chỉnh thường xuyên: Phương án phải được rà soát, cập nhật định kỳ hằng năm hoặc khi có thay đổi về điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng, dân cư hoặc quy định pháp luật; Kết quả các đợt diễn tập, ứng phó thực tế cần được tổng hợp để điều chỉnh, hoàn thiện phương án.

PHẦN 3. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Huy động các nguồn lực để chủ động ứng phó có hiệu quả trước mọi tình huống thiên tai có thể xảy ra trong phạm vi quản lý, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản, tài nguyên thiên nhiên, môi trường, di sản văn hóa, cơ sở hạ tầng và các công trình trọng yếu do thiên tai gây ra, góp phần quan trọng phát triển bền vững kinh tế - xã hội của ngành và địa phương.

- Là căn cứ để các đơn vị, địa phương trên địa bàn được phân công, chủ động xây dựng phương án ứng phó để làm cơ sở xây dựng phương án ứng phó thiên tai ở cấp cao hơn nhằm ứng phó kịp thời, đạt hiệu quả với từng tình huống cụ thể do thiên tai gây ra.

2. Mục tiêu cụ thể

- Chủ động ứng phó trước mọi tình huống thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh. Huy động các nguồn lực để chủ động ứng phó có hiệu quả trước tình huống thiên tai có thể xảy ra.

- Thường xuyên quán triệt và thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phương án ứng phó với thiên tai sát với tình hình thực tế của địa phương, nhằm nâng cao năng lực ứng phó thiên tai của các tổ chức, đơn vị, góp phần hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Đảm bảo an toàn về người và tài sản của Nhân dân, chủ động sơ tán dân ra khỏi vùng nguy hiểm, hạn chế thấp nhất mọi rủi ro gây ra.

- Bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm trên địa bàn; Bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản, nhà cửa của nhân dân, các công trình giao thông, thông tin liên lạc hoạt động thông suốt, bảo đảm an ninh trật tự trong thời gian xảy ra thiên tai.

- Xác định cụ thể những khu vực nguy hiểm, số hộ dân, số người dân cần phải sơ tán, địa điểm sơ tán đến, hậu cần nơi đến sơ tán, phương tiện và nhân lực

thực hiện để chủ động triển khai ứng phó thiên. Nâng cao năng lực xử lý các tình huống, sự cố do thiên tai gây ra.

II. PHƯƠNG CHÂM ỨNG PHÓ THIÊN TAI

Phương án ứng phó thiên tai theo từng cấp độ RRTT được xây dựng và thực hiện theo phương châm:

- Thực hiện “4 tại chỗ”, huy động tối đa nguồn lực sẵn có tại địa phương để ứng cứu kịp thời để đáp ứng mục tiêu “phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả”.

- Ưu tiên cứu người, sau đó mới đến cứu tài sản, hạn chế thiệt hại ở mức thấp nhất có thể.

- Ứng phó phải bình tĩnh, sáng suốt, kịp thời, phù hợp, an toàn, hiệu quả.

Bốn tại chỗ trong ứng phó thiên tai bao gồm:

- **Chỉ huy tại chỗ:** Chính quyền địa phương, Ban Chỉ huy PTDS các cấp trực tiếp tổ chức chỉ đạo, điều hành ứng phó thiên tai ngay tại địa bàn xảy ra thiên tai.

- **Lực lượng tại chỗ:** Huy động lực lượng sẵn có tại địa phương như: Dân quân tự vệ; Công an; Quân đội; Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã; Các tổ chức đoàn thể và người dân trên địa bàn.

- **Phương tiện, vật tư tại chỗ:** Chủ động chuẩn bị phương tiện cứu hộ, cứu nạn; Trang thiết bị; Vật tư dự phòng; Lương thực, thuốc men và nhu yếu phẩm cần thiết.

- **Hậu cần tại chỗ:** Đảm bảo nhu cầu về lương thực, thực phẩm, y tế, nơi sơ tán, thông tin liên lạc, điều kiện sinh hoạt phục vụ ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

III. QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM TRONG ỨNG PHÓ THIÊN TAI

Theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật về điều kiện và được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 200/NĐ-CP ngày 09/7/2025 và Nghị định số 53/NĐ-CP ngày 05/2/2026, một số nội dung quy định về trách nhiệm trong ứng phó thiên tai đối với từng cấp độ RRTT như sau:

1. Quy định về cấp độ RRTT

Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai.

Rủi ro thiên tai được phân thành 05 cấp tăng dần về mức độ rủi ro, bao gồm: Cấp độ 1, cấp độ 2, cấp độ 3, cấp độ 4 và cấp độ 5 (tình trạng khẩn cấp về thiên tai).

2. Quy định về trách nhiệm trong ứng phó thiên tai đối với từng cấp độ RRTT

2.1. Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 1

a. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó kịp thời ngay khi thiên tai xảy ra; hỗ trợ công tác ứng phó khi có đề nghị của các địa phương lân cận; có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền, đảm bảo nguyên tắc minh bạch, đúng quy định của pháp luật để ứng phó thiên tai khi nhận được đề nghị trợ giúp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã khác và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo, chỉ huy của các cơ quan phòng, chống thiên tai cấp trên; đồng thời được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

- Lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã;

- Lực lượng công an, dân quân tự vệ, dân phòng, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện theo quy định của pháp luật; đề nghị người có thẩm quyền huy động lực lượng quân đội trên địa bàn để ứng phó thiên tai theo quy định của pháp luật;

- Vật tư dự trữ do nhân dân chuẩn bị; vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp xã và các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn.

b. Các lực lượng tham gia ứng phó thiên tai trên địa bàn có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ theo sự chỉ huy của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người được ủy quyền.

c. Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hỗ trợ.

2.2. Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 2

a. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó thiên tai; huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

b. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

- Lực lượng quân đội, công an, dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân, lực lượng tìm kiếm cứu nạn, lực lượng kiểm ngư và các tổ chức, cá nhân tình nguyện;

- Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp tỉnh, vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai và của tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn.

c. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ quy định tại mục 2.1; tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên; hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

d. Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo, đề nghị Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia hỗ trợ.

e. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoặc huy động các nguồn lực hỗ trợ ứng phó khi xuất hiện các tình huống thiên tai có diễn biến phức tạp, nguy cơ gây hậu quả lớn hoặc khi nhận được yêu cầu hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Các lực lượng tham gia hỗ trợ phòng, chống thiên tai tại địa phương phải phối hợp chặt chẽ và theo sự chỉ huy thống nhất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người được ủy quyền.

2.3. Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 3

a. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia chỉ đạo các địa phương, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai; quyết định các biện pháp cấp bách và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để hỗ trợ các địa phương ứng phó khi có yêu cầu.

b. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia căn cứ tình huống cụ thể chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo, bố trí sẵn sàng lực lượng, phương tiện triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn và tham gia điều phối các hoạt động ứng phó thiên tai.

c. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các bộ, cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trong phạm vi quản lý, đồng thời

d. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm huy động nguồn lực theo thẩm quyền, chỉ huy triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn.

e. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm c mục 2.2 phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

f. Trường hợp rủi ro thiên tai trên cấp độ 3 hoặc thiên tai có diễn biến phức tạp nguy cơ cao gây hậu quả nghiêm trọng, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia báo cáo Thủ tướng Chính phủ trực tiếp chỉ đạo.

2.4. Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó thiên tai cấp độ 4

a. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương liên quan triển khai các biện pháp ứng phó.

b. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia chịu trách nhiệm tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp ứng phó; tham mưu thành lập Ban chỉ đạo tiền phương để xử lý tình huống đặc biệt, trực tiếp chỉ đạo điều hành tại hiện trường.

c. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo, bố trí, sẵn sàng lực lượng, phương tiện triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn và tham gia điều phối các hoạt động ứng phó thiên tai.

d. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trong phạm vi quản lý, đồng thời tham gia ứng phó thiên tai theo sự chỉ đạo và huy động của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

e. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn, tuân thủ sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

f. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại mục 2.2 phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

2.5. Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó tình trạng khẩn cấp về thiên tai

Trường hợp thiên tai vượt cấp độ 4, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước ban bố tình trạng khẩn cấp về thiên tai.

Việc phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó tình trạng khẩn cấp về thiên tai thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

IV. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI THEO CÁC CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI

1. Bão, ATNĐ

1.1. Xác định thời điểm ứng phó

Đối với tỉnh Bắc Ninh, do nằm sâu trong đất liền nên không chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi bão/ATNĐ. Thời điểm ứng phó với bão/ATNĐ:

- Tin bão khẩn cấp (bão đổ bộ vào đất liền).
- Tin bão/ATNĐ trên đất liền.
- Tin cuối cùng về bão/ATNĐ.

1.2. Xác định kịch bản ứng phó tương ứng với các cấp độ RRTT

Căn cứ vào vị trí địa lý, lịch sử thiên tai, diễn biến thiên tai đã xảy ra trên địa bàn tỉnh, các kịch bản về bão và ATNĐ có thể xảy ra trên địa bàn tỉnh như sau:

- Đối với RRTT cấp 3: Chọn kịch bản khi có bão/ATNĐ hoạt động ở vùng ven bờ có cấp 8-11.

- Đối với RRTT cấp 4: Kịch bản 1: khi có bão đổ bộ vào đất liền khu vực Bắc Bộ, gió mạnh cấp 12-15; Kịch bản 2: Bão trên cấp 16 trên biển Đông, dự kiến dự kiến sẽ vào đất liền trong 24h tới

- Đối với RRTT cấp 5: Chọn kịch bản khi xảy ra siêu bão ven bờ; trên đất liền: có gió mạnh từ cấp 16 trở lên.

1.3. Phạm vi ảnh hưởng

Bảng 12. Phạm vi ảnh hưởng bởi bão, ATNĐ theo từng cấp độ RRTT

Cấp độ rủi ro	Vị trí hoạt động của bão /ATNĐ	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Xác định trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
3	Bão/ATNĐ ven bờ, trên đất liền: có gió mạnh từ cấp 8-11	- Toàn tỉnh, đặc biệt là khu vực ven sông, thấp trũng, khu vực đồi núi dốc	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án đảm bảo an toàn cho người dân khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng bởi bão, hoàn lưu bão sống trong các nhà yếu, nhà tạm (đặc biệt là người già, phụ nữ mang thai và trẻ em). - Các công trình bán kiên cố phải di dời đến nơi an toàn; - Phương án đảm bảo an toàn cơ sở nuôi trồng thủy hải sản trên sông suối, ao hồ; - Phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, thông tin liên lạc, hậu cần khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng bởi hoàn lưu bão,... 	<ul style="list-style-type: none"> - Dân cư thuộc khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng bởi bão, hoàn lưu bão sống trong các nhà yếu, nhà tạm (đặc biệt là người già, phụ nữ mang thai và trẻ em). - Các công trình PCTT: Tuyên đề tá Đuống và hữu Đuống, đề hữu Cầu, đề tá Cầu, đề tá Thương và hữu Thương, đề hữu Thái Bình; hồ chứa, hồ thủy lợi - Khu nuôi trồng thủy hải sản phía ngoài đê và ven đê - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng, hoạt động sản xuất

Cấp độ rủi ro	Vị trí hoạt động của bão /ATNĐ	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Xác định trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
4	Bão rất mạnh ven bờ, trên đất liền: có gió mạnh từ cấp 12-15	- Toàn tỉnh, đặc biệt là khu vực ven sông, thấp trũng, khu vực đồi núi dốc	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án đảm bảo an toàn cho người dân khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng bởi bão, hoàn lưu bão: khu vực thấp trũng, ven sông suối, mái dốc taluy, dân cư sống ở khu vực nhà tạm, nhà yếu, nhà bán kiên cố phải di dời đến nơi an toàn; - Phương án đảm bảo an toàn đối nhà cửa, cơ sở hạ tầng, hoạt động sản xuất. - Phương án đảm bảo an toàn cơ sở nuôi trồng thủy hải sản ven bờ; - Phương án di dân; - Phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, thông tin liên lạc, hậu cần 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng, hoạt động sản xuất. - Dân cư sống trong các nhà yếu, nhà tạm (đặc biệt là người già, phụ nữ mang thai và trẻ em). - Các công trình PCTT: Tuyến đê tả Đuống và hữu Đuống, đê Hữu Cầu, đê hữu Cà Lò, đê tả Cầu; Tuyến đê Hữu Thương từ Km0÷Km43+600; đê Tả Thương từ Km00÷Km27+300; Đập hồ Khuôn Thàn; Đập hồ Cẩm Sơn., đê hữu Thái Bình.

1.4. Nội dung ứng phó theo từng cấp độ RRTT

1.4.1. Đối với RRTT cấp 3

- Kịch bản 1: Bão cấp 8-15 trên biển Đông sẽ đi vào đất liền trong 24h tới;
- Kịch bản 2: Bão cấp 8-11 vùng ven bờ và sẽ đi vào đất liền trong 24h.

a. Công tác chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

Công tác chỉ đạo, chỉ huy được thực hiện đồng thời ở cấp tỉnh và cấp xã. Các nội dung chỉ đạo gồm:

- Chỉ đạo công tác trực ban 24/24h để theo dõi, nắm bắt thông tin, truyền tải thông tin và xử lý kịp thời các tình huống sự cố xảy ra.
- Chỉ đạo công tác thông tin truyền thông về bão/ATNĐ: thông báo trên các phương tiện truyền thông về tình hình bão/ANTĐ, cấp gió, mưa, hướng di chuyển

và những khu vực bị ảnh hưởng.

- Chỉ đạo công tác phòng ngừa, ứng phó: Chỉ đạo bằng các công điện, thông báo, văn bản gửi đến các xã, phường và các cơ quan có liên quan trên địa bàn tỉnh về việc tổ chức phòng, tránh, ứng phó với diễn biến của bão/ATNĐ trên địa bàn quản lý.

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn công trình trọng điểm, công trình PCTT, nhà cửa, cơ sở hạ tầng, chỉ đạo triển khai các biện pháp bảo vệ sản xuất:

+ Rà soát các trọng điểm đê, kè và các công trình PCTT khác trên địa bàn tỉnh và chuẩn bị nguồn lực sẵn sàng ứng phó;

+ Hướng dẫn, kiểm tra việc chằng chống nhà cửa, chặt tỉa cành cây, thu hoạch mùa màng, thu dọn lồng bè trước khi bão đổ bộ vào đất liền;

+ Rà soát, xác định các khu vực bị ảnh hưởng cao.

- Phân giao nhiệm vụ cho các cơ quan, sở ngành theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý;

- Chỉ đạo công tác cứu hộ cứu nạn trong ứng phó với bão: Rà soát lực lượng và phương tiện để đảm bảo sẵn sàng huy động trong tình huống tìm kiếm cứu nạn ở các cấp.

- Công tác chỉ đạo, chỉ huy cụ thể đối với từng cấp ở địa phương:

(i) Đối với cấp tỉnh

Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng ban Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh: Phụ trách chung, chỉ đạo toàn diện công tác PTDS trên địa bàn tỉnh; Phân công nhiệm vụ cho các lực lượng có mặt trên địa bàn; chỉ đạo ngừng/hoãn tất cả các cuộc họp không cần thiết để ứng phó với bão/ANTĐ; Tổ chức họp triển khai các biện pháp ứng phó theo phương án đã được duyệt; Chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung chỉ đạo tại công điện của Ban Chỉ đạo quốc gia.

- Phó chủ tịch UBND tỉnh (phụ trách lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, PCTT) – Phó trưởng ban Thường trực Ban Chỉ huy PTDS trực tiếp chỉ đạo ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai: Tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, rà soát tại khu vực dự kiến chịu ảnh hưởng cao bởi bão/ATNĐ; Chỉ đạo các Sở ngành, địa phương theo nhiệm vụ quản lý triển khai tổ chức trực ban 24/24h, theo dõi chặt chẽ diễn biến thiên tai; tùy theo chức năng, nhiệm vụ triển khai đồng bộ các nội dung sau:

+ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (Cơ quan giúp việc cho Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh): Triển khai công tác hiệp đồng đã ký kết với các đơn vị quân đội đóng

quân trên địa bàn tỉnh về huy động nhân lực và phương tiện phục vụ ứng phó thiên tai; sẵn sàng nhân lực, phương tiện, thiết bị chuyên dùng để hỗ trợ sơ tán người, tài sản, tham gia công tác cứu hộ, cứu nạn.

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường (Cơ quan thường trực, tham mưu cho Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh): Chủ trì tiếp nhận, chuyển tải kịp thời các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh về diễn biến thiên tai và công tác ứng phó thiên tai đến các cơ quan, đơn vị và thông tin rộng rãi đến Nhân dân; tham mưu, dự thảo các văn bản chỉ đạo, công điện của tỉnh về công tác chuẩn bị ứng phó thiên tai; tham mưu Ban Chỉ huy chỉ đạo, huy động lực lượng, vật tư, phương tiện và các nguồn lực theo thẩm quyền; tổng hợp, báo cáo nhanh tình hình thiên tai về Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự; chủ trì dự thảo báo cáo tổng hợp thiệt hại và đề xuất nhu cầu hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai; chỉ đạo vận hành, hạ mực nước hồ chứa để đón lũ, bảo đảm an toàn đê điều và hồ chứa thủy lợi; thường xuyên theo dõi diễn biến mưa, mực nước trên các sông, hồ chứa trên địa bàn tỉnh.

+ Công an tỉnh: Sẵn sàng nhân lực, phương tiện, thiết bị chuyên dùng tham gia ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, tham gia sơ tán dân (nếu cần); sẵn sàng lực lượng để bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ tài sản của nhân dân tại khu vực sơ tán; triển khai lực lượng hướng dẫn giao thông, chốt chặn các tuyến đường và các khu vực nguy hiểm.

+ Đài Khí tượng thủy văn tỉnh: Cung cấp thông tin về diễn biến thiên tai (bản tin, dự báo, cảnh báo).

+ Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh: Phát sóng kịp thời các bản tin về diễn biến thiên tai, các công văn chỉ đạo, các văn bản cảnh báo thiên tai.

+ Sở Khoa học và Công nghệ: Phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và các sở, ban, ngành kiểm tra và sẵn sàng Hệ thống Tổng đài 112 để tiếp nhận, xử lý các thông tin về sự cố trong thiên tai khi cần thiết; Chỉ đạo các nhà mạng viễn thông sẵn sàng đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền và nhu cầu của người dân về những yêu cầu cần được cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ khẩn cấp khi cần thiết.

+ Sở Y tế: Chỉ đạo các Bệnh viện, trung tâm khám chữa bệnh, trạm y tế xã/phường sẵn sàng nguồn lực (phòng bệnh, giường bệnh, đội ngũ y bác sỹ, thuốc men...) để phục vụ cấp cứu, chữa trị cho người bị nạn; chỉ đạo chuẩn bị vật tư xử lý môi trường sau thiên tai.

+ Sở Giáo dục và Đào tạo: Chỉ đạo hiệu trưởng các trường tổ chức cắt tỉa cành cây; di dời, sắp xếp tài sản và các trang thiết bị, đồ dùng học tập đến nơi an toàn. Tuỳ tình hình thiên tai trên địa bàn, xem xét báo cáo cấp có thẩm quyền cho giáo viên và học sinh nghỉ học (nếu cần).

+ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Tổ chức kiểm tra, nhắc nhở tháo dỡ, hạ các biển quảng cáo nguy cơ mất an toàn.

+ Sở Xây dựng: tổ chức cắm biển báo, hướng dẫn, phân luồng giao thông trên các đoạn đường nguy hiểm.

+ Sở Công Thương: Chỉ đạo Công ty Điện lực Bắc Ninh bảo đảm an toàn hệ thống, mạng lưới điện, đảm bảo cung cấp điện trong ứng phó thiên tai;

(ii) Đối với cấp xã

- Chỉ đạo triển khai thực hiện các công điện, thông báo, chỉ đạo của cấp trên;

- Chỉ đạo đài phát thanh xã thông tin, truyền thông về cơn bão/ATNĐ; sẵn sàng kết nối trực tuyến để tiếp nhận chỉ đạo từ cấp trên;

- Chỉ đạo thực hiện công tác thu hoạch mùa màng, chằng chống nhà cửa; đảm bảo an toàn cho người, cơ sở hạ tầng và các hoạt động sản xuất trên địa bàn đảm bảo an toàn trước khi bão đổ bộ;

- Chỉ đạo rà soát các khu vực trũng thấp, các khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng chuẩn bị để di dời, sơ tán dân;

- Chỉ đạo thường trực tại các trọng điểm xung yếu về công trình PCTT và khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng;

- Chỉ đạo kiểm tra, rà soát các hộ gia đình có các đối tượng dễ bị tổn thương để kịp thời hỗ trợ khi cần thiết.

- Chỉ đạo các tổ chức, đơn vị trong phạm vi quản lý thực hiện công tác tuyên truyền về Bão/ATNĐ;

b. Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ

(i) Cấp tỉnh

- Nguồn nhân lực: Xác định đối tượng, số lượng cụ thể của từng lực lượng có thể huy động, sử dụng trong ứng phó thiên tai theo thẩm quyền: Lực lượng quân đội, công an, các doanh nghiệp và tổ chức khác trên địa bàn;

- Phương tiện, thiết bị: Xác định các loại phương tiện, thiết bị có thể huy động từ các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh để trưng dụng trong trường hợp cần thiết: cần

xây dựng danh sách các cơ quan, đơn vị với số lượng, vị trí cụ thể.

(ii) Cấp xã

- Huy động nguồn nhân lực, gồm lực lượng xung kích PCTT cấp xã, lực lượng công an, dân quân tự vệ, dân phòng, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự cơ sở, y tế, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã và phân giao nhiệm vụ cho các lực lượng trong từng công việc đảm bảo hiệu quả, không chồng chéo. Một số công việc cần triển khai:

+ Giúp dân thu hoạch mùa vụ trước khi bão đổ bộ, chằng chống nhà cửa; giúp dân sơ tán lồng bè, cơ sở nuôi trồng thủy sản trên sông, suối, hồ;

+ Hỗ trợ giúp dân sơ tán người và tài sản đến địa điểm an toàn khi có lệnh sơ tán, di dời dân;

+ Tuần tra, túc trực tại các khu vực trũng thấp, các trọng điểm công trình phòng chống thiên tai (đê, kè, cống và các công trình khác), các sự cố xảy ra để sẵn sàng ứng phó;

+ Gia cố, đảm bảo an toàn cho cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã: cột điện, cột ăng ten, cột thu phát sóng...

+ Hỗ trợ các doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã thực hiện các phương án đảm bảo an toàn cho người, tài sản và cơ sở hạ tầng;

+ Kiểm soát chặt chẽ các công trình xây dựng đang thi công, các tuyến đê sông, đê biển,...

+ Tổ chức cấp cứu kịp thời các đối tượng gặp nguy hiểm; tìm kiếm người. phương tiện mất tích; lập các trạm cấp cứu tạm thời hoặc trưng dụng các trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế tại địa bàn đang xảy ra thiên tai để tiếp nhận và cấp cứu kịp thời người bị nạn; huy động nguồn lực để tham gia cứu chữa người bị nạn...

- Xác định các loại phương tiện, thiết bị hiện có và có thể huy động từ các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã, phùng để trưng dụng trong ứng phó; cần xây dựng danh sách các cơ quan, đơn vị với số lượng, vị trí cụ thể.

- Đối với từng lĩnh vực theo ngành dọc thực hiện các nhiệm vụ theo lĩnh vực mình quản lý:

+ Lực lượng công an: đảm bảo an ninh trật tự tại nơi sơ tán; đảm bảo an toàn giao thông, thông suốt khi bão/ATNĐ đổ bộ;

+ Lực lượng điện lực: đảm bảo an toàn điện lưới; khắc phục nhanh các sự cố về điện để phục vụ quá trình chỉ đạo điều hành cũng như triển khai các hoạt động khác trong ứng phó thiên tai;

+ Lực lượng thông tin, truyền thông: Đảm bảo an toàn các cột viễn thông, thông tin liên lạc; đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo điều hành ứng phó;

c. Công tác vật tư, hậu cần tại chỗ

Đối với từng cấp (cấp tỉnh và cấp xã), chuẩn bị theo phạm vi quản lý với các nội dung như sau:

- Chuẩn bị sẵn sàng các loại vật tư sử dụng để ứng phó với bão/ATNĐ:

+ Vật tư dùng để xử lý sự cố các công trình, đặc biệt là các hệ thống đê kè, công trình giao thông: đá hộc, cát, đất, rọ thép, bao tải, vải bạt, cọc tre, cuốc, xẻng, xà beng;

+ Vật tư dùng để giúp dân chằng chống nhà cửa: bao tải, gạch, cát, dây thép, dây thừng..;

+ Sẵn sàng về số lượng lương thực và nhu yếu phẩm sử dụng tại nơi sơ tán và khu vực bị chia cắt;

- Huy động nguồn dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm từ những người dân trên địa bàn xảy ra thiên tai;

- Huy động các phương tiện để hỗ trợ dân trong quá trình sơ tán;

- Đảm bảo hậu cần từ nguồn dự trữ của chính quyền và nhân dân nơi sơ tán;

- Tiếp tục bổ sung, dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm từ những người dân;

- Đảm bảo vật tư dự trữ để xử lý khẩn cấp tại các sự cố về đê điều, hồ đập và các sự cố khác.

1.4.2. Đối với RRTT cấp 4

- Kịch bản 1: khi có bão đổ bộ vào đất liền khu vực Bắc Bộ, gió mạnh cấp 12-15;

- Kịch bản 2: Bão trên cấp 16 trên biển Đông, dự kiến dự kiến sẽ vào đất liền trong 24h tới.

a. Công tác chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

Công tác chỉ đạo, chỉ huy được thực hiện đồng thời ở cấp tỉnh và cấp xã. Các nội dung chỉ đạo gồm:

- Chỉ đạo công tác trực ban 24/24h để theo dõi, nắm bắt thông tin, truyền tải thông tin và xử lý kịp thời các tình huống sự cố xảy ra.

- Chỉ đạo công tác thông tin truyền thông về bão/ATNĐ: thông báo trên các

phương tiện truyền thông về tình hình bão/ANTĐ, cấp gió, mưa, hướng di chuyển và những khu vực bị ảnh hưởng; thông tin các biện pháp ứng và chỉ đạo ứng phó đến người dân ở khu vực bị ảnh hưởng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng tránh, ứng phó với bão.

- Chỉ đạo công tác phòng ngừa, ứng phó: Chỉ đạo bằng các công điện, thông báo, văn bản gửi đến các xã, phường và các cơ quan có liên quan trên địa bàn tỉnh về việc tổ chức phòng, tránh, ứng phó với diễn biến của bão/ATNĐ trên địa bàn quản lý.

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn công trình trọng điểm, công trình PCTT, nhà cửa, cơ sở hạ tầng, chỉ đạo triển khai các biện pháp bảo vệ sản xuất:

+ Rà soát, xác định khu vực dự kiến sẽ bị ảnh hưởng, thiệt hại;

+ Hướng dẫn, kiểm tra việc chằng chống nhà cửa, chặt tỉa cành cây, thu hoạch mùa màng, thu dọn lồng bè trước khi bão đổ bộ vào đất liền;

+ Rà soát các trọng điểm đê, kè và các công trình PCTT khác trên địa bàn tỉnh và chuẩn bị nguồn lực sẵn sàng ứng phó;

- Chỉ đạo công tác sơ tán dân (theo từng cấp): Xác định các hộ cần phải sơ tán nếu bão độ bão (số hộ/số nhân khẩu), chú trọng đến các đối tượng dễ bị tổn thương, người già, trẻ em, người khuyết tật,...

- Phân giao nhiệm vụ cho các cơ quan, sở ngành theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý; xác định rõ vai trò chỉ huy thích hợp theo từng tình huống.

- Chỉ đạo công tác cứu hộ cứu nạn trong ứng phó với bão: Rà soát lực lượng và phương tiện để đảm bảo sẵn sàng huy động trong tình huống tìm kiếm cứu nạn ở các cấp.

Công tác chỉ đạo, chỉ huy cụ thể đối với từng cấp ở địa phương:

(i) Đối với cấp tỉnh:

Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng ban Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh: Phụ trách chung, chỉ đạo toàn diện công tác PTDS trên địa bàn tỉnh; Phân công nhiệm vụ cho các lực lượng có mặt trên địa bàn; chỉ đạo ngừng/hoãn tất cả các cuộc họp không cần thiết để ứng phó với bão/ANTĐ; Tổ chức họp triển khai các biện pháp ứng phó theo phương án đã được duyệt; Chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung chỉ đạo tại công điện của Ban Chỉ đạo quốc gia; Tuỳ tình hình thực tế về diễn biến thiên tai, năng lực ứng phó để đưa ra quyết định ứng phó phù hợp, ban hành lệnh sơ

tán dân, quyết định cho học sinh và cán bộ công chức, viên chức, công nhân nghỉ học, nghỉ làm để đảm bảo an toàn.

- Phó chủ tịch UBND tỉnh (phụ trách lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, PCTT) – Phó trưởng ban Thường trực Ban Chỉ huy PTDS trực tiếp chỉ đạo ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai: Tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, rà soát tại khu vực dự kiến chịu ảnh hưởng cao bởi bão/ATND; Chỉ đạo các Sở ngành, địa phương theo nhiệm vụ quản lý triển khai tổ chức trực ban 24/24h, theo dõi chặt chẽ diễn biến thiên tai; Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn khu vực trũng thấp, khu vực thường xảy ra sự cố, các công trình trọng điểm; Chỉ đạo các đơn vị sẵn sàng lực lượng để cứu hộ cứu nạn khi có yêu cầu; Chỉ đạo thực hiện công tác khắc phục hậu quả nhanh chóng và hiệu quả.

- Theo chức năng, nhiệm vụ các sở ngành triển khai đồng bộ các nội dung sau:

+ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: sẵn sàng nhân lực, phương tiện, thiết bị chuyên dùng (bao gồm cả nguồn lực hiệp đồng đã ký kết với các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn tỉnh) để phục vụ ứng phó thiên tai: tham gia sơ tán người, tài sản; tham gia công tác tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn.

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường (Cơ quan thường trực, tham mưu cho Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh): Chủ trì tiếp nhận, chuyển tải kịp thời các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về diễn biến cơn bão và công tác ứng phó thiên tai đến các cơ quan, đơn vị, thông tin rộng rãi đến Nhân dân; tham mưu, dự thảo các công điện của tỉnh về công tác ứng phó với bão; tham mưu Ban Chỉ huy chỉ đạo, huy động lực lượng, vật tư, phương tiện và các nguồn lực theo thẩm quyền; tổng hợp, báo cáo nhanh tình hình thiên tai về Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự; chủ trì dự thảo báo cáo tổng hợp thiệt hại do thiên tai; chỉ đạo vận hành, hạ mực nước hồ chứa để đón lũ, bảo đảm an toàn đê điều và hồ chứa thủy lợi; thường xuyên theo dõi diễn biến mưa, mực nước trên các sông, hồ chứa trên địa bàn tỉnh.

+ Công an tỉnh: Sẵn sàng nhân lực, phương tiện, thiết bị chuyên dùng tham gia ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, tham gia sơ tán dân; sẵn sàng lực lượng để bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ tài sản của nhân dân tại khu vực sơ tán, bảo đảm an toàn nhà cửa và tài sản người dân tại những khu vực bị ảnh hưởng; triển khai lực lượng hướng dẫn giao thông, chốt chặn các tuyến đường và các khu vực nguy hiểm.

+ Đài Khí tượng thủy văn tỉnh: Cung cấp thông tin về diễn biến cơn bão, rủi ro có thể xảy ra trên địa bàn (bản tin, dự báo, cảnh báo).

+ Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh: Phát sóng kịp thời các bản tin về diễn biến bão, các công văn chỉ đạo, các văn bản cảnh báo thiên tai.

+ Sở Khoa học và Công nghệ: Phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và các sở, ban, ngành triển khai Hệ thống Tổng đài 112 để tiếp nhận, xử lý các thông tin về sự cố xảy ra; Chỉ đạo các nhà mạng viễn thông đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền và nhu cầu của người dân về những yêu cầu cần được cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ khẩn cấp.

+ Sở Y tế: Chỉ đạo các Bệnh viện, trung tâm khám chữa bệnh, trạm y tế xã/phường triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn cho bệnh viện; sẵn sàng nguồn lực (phòng bệnh, giường bệnh, đội ngũ y bác sỹ, thuốc men...) để sẵn sàng tham gia cấp cứu, chữa trị cho dân, cho lực lượng tham gia phòng chống thiên tai; xử lý môi trường sau thiên tai.

+ Sở Giáo dục và Đào tạo: Chỉ đạo hiệu trưởng các trường tổ chức chằng, chống, gia cố cơ sở hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của trường; tổ chức cắt tỉa cành cây; di dời, sắp xếp tài sản và các trang thiết bị, đồ dùng học tập đến nơi an toàn. Tuỳ tình hình thiên tai trên địa bàn, xem xét báo cáo cấp có thẩm quyền cho giáo viên và học sinh nghỉ học; tạo điều kiện cho chính quyền địa phương sử dụng trường học làm nơi sơ tán (nếu cần).

+ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Tổ chức kiểm tra, yêu cầu tháo dỡ, hạ các biển quảng cáo nguy cơ mất an toàn.

+ Sở Xây dựng: Phối hợp với UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, rà soát các công trình đang xây dựng và các tòa nhà cao tầng có nguy cơ mất an toàn; tổ chức cấm biển báo, hướng dẫn, phân luồng giao thông trên các đoạn đường nguy hiểm.

+ Sở Công Thương: Chỉ đạo Công ty Điện lực Bắc Ninh bảo đảm an toàn hệ thống, mạng lưới điện, đảm bảo cung cấp điện trong ứng phó thiên tai; xác định nguồn lương thực dự trữ (đồ ăn nhanh: mì tôm, cháo ăn liền, lương khô, nước uống đóng chai...); đảm bảo bình ổn thị trường hàng hoá trước, trong và sau thiên tai.

+ Sở Nội vụ: Phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh triển khai chính sách hỗ trợ, trợ cấp đối với cá nhân, tập thể tham gia ứng phó thiên tai.

(ii) Đối với cấp xã:

- Chỉ đạo triển khai thực hiện các công điện, thông báo, chỉ đạo của Ban Chỉ huy PTDS tỉnh và Ban Chỉ đạo PTDS quốc gia;

- Chỉ đạo đài phát thanh xã thông tin, truyền thông về cơn bão/ATNĐ; sẵn sàng kết nối trực tuyến để tiếp nhận chỉ đạo từ cấp trên;

- Chỉ đạo các thôn, tổ dân phố thực hiện công tác thu hoạch mùa màng, chằng chống nhà cửa; đảm bảo an toàn cho người, cơ sở hạ tầng và các hoạt động sản xuất trên địa bàn đảm bảo an toàn trước khi bão đổ bộ;

- Chỉ đạo, bố trí người canh gác, thường trực các khu vực trũng thấp, các khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng để ứng phó, hỗ trợ quá trình di dời, sơ tán dân;

- Chỉ đạo bố trí người thường trực tại các trọng điểm xung yếu về công trình PCTT và khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng;

- Tổ chức thực hiện di dời, sơ tán dân đến nơi an toàn;

- Thực hiện các biện pháp cưỡng chế khi cần thiết: người dân không thực hiện lệnh sơ tán, di dời, không tuân thủ các yêu cầu về đảm bảo an toàn trong ứng phó bão;

- Chỉ đạo kiểm tra, hỗ trợ các hộ gia đình có đối tượng dễ bị tổn thương kịp thời khi cần thiết;

- Chỉ đạo các tổ chức, đơn vị trong phạm vi quản lý thực hiện công tác tuyên truyền về Bão/ATNĐ.

b. Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ

(i) Cấp tỉnh

Huy động lực lượng

Căn cứ cấp độ rủi ro thiên tai do bão ở cấp 4, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức rà soát, huy động và điều phối các lực lượng tham gia ứng phó thiên tai theo phương châm “bốn tại chỗ”, bảo đảm kịp thời, thống nhất, hiệu quả, phù hợp với tình huống thực tế.

Các lực lượng huy động bao gồm:

- Lực lượng quân đội, công an;

- Lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã;

- Cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị;

- Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn có đủ điều kiện tham gia hỗ trợ ứng phó thiên tai.

Các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng danh sách cụ thể về số lượng, đầu

mối liên hệ, vị trí đóng quân hoặc nơi thường trực để sẵn sàng huy động khi có tình huống xảy ra.

Huy động phương tiện, trang thiết bị

- Rà soát, lập danh mục các phương tiện, trang thiết bị, vật tư hiện có của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để sẵn sàng huy động, trưng dụng khi cần thiết theo quy định của pháp luật, đặc biệt là các phương tiện và thiết bị chuyên dụng của các đơn vị thuộc lực lượng công an và quân đội.

- Các loại phương tiện, thiết bị bao gồm: Xe ô tô chuyên dụng, xe tải, xe cứu hộ; Máy phát điện, thiết bị chiếu sáng, máy bơm tiêu úng; Thiết bị thông tin liên lạc, thiết bị cảnh báo; Xuồng, thuyền, áo phao, phao cứu sinh.

Các địa phương, cơ quan, đơn vị xác định rõ số lượng, chủng loại, vị trí tập kết, đơn vị quản lý và khả năng huy động của từng loại phương tiện, vật tư để phục vụ công tác chỉ huy, điều hành và ứng phó khi có thiên tai xảy ra.

Tổ chức triển khai nhiệm vụ ứng phó

Các lực lượng được huy động tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Hỗ trợ Nhân dân chằng chống nhà cửa, công trình, cắt tỉa cây xanh nhằm hạn chế thiệt hại do gió mạnh;

- Tổ chức sơ tán người dân tại khu vực nguy hiểm, khu vực trũng thấp, ven sông suối, khu vực có nguy cơ ngập sâu, khu vực có nguy cơ sạt lở đến nơi an toàn;

- Bố trí lực lượng thường trực, tuần tra, canh gác tại các khu vực xung yếu, công trình phòng chống thiên tai trọng điểm;

- Kịp thời xử lý các sự cố phát sinh nhằm bảo đảm thông suốt công tác chỉ huy, điều hành ứng phó thiên tai;

- Tổ chức lực lượng trực ban, ứng trực 24/24 giờ trong thời gian xảy ra thiên tai.

Bảo đảm an toàn công trình, cơ sở hạ tầng

Tổ chức kiểm tra, gia cố và triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn đối với:

- Hệ thống đê điều, công trình thủy lợi, hồ chứa nước;

- Công trình đang thi công, khu công nghiệp, hệ thống điện, viễn thông;

- Trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế và các công trình công cộng khác.

- Bố trí lực lượng, vật tư, phương tiện ứng trực tại các công trình trọng điểm, vị trí xung yếu hoặc khu vực đã xảy ra sự cố để sẵn sàng xử lý ngay từ giờ đầu.

Công tác cứu hộ, cứu nạn và bảo đảm an sinh

Triển khai phương án cứu hộ, cứu nạn phù hợp với từng tình huống thiên tai; tổ chức lực lượng, phương tiện thường trực tại các khu vực trọng điểm nhằm kịp thời triển khai nhiệm vụ khi có yêu cầu.

Nội dung thực hiện gồm:

- Tổ chức sơ tán dân cư khỏi khu vực nguy hiểm; Bố trí lực lượng tại các điểm sơ tán để hỗ trợ người dân;

- Tổ chức tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ người bị nạn, mất tích;

- Huy động cơ sở vật chất hiện có, thuận lợi trong di chuyển để tiếp nhận, chăm sóc người bị ảnh hưởng;

- Bảo đảm thuốc men, lực lượng y tế, lương thực, nước uống và nhu yếu phẩm thiết yếu phục vụ công tác cứu trợ.

Nhiệm vụ của các lực lượng, sở ngành chuyên môn trong huy động lực lượng, phương tiện

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

+ Chủ trì huy động lực lượng, phương tiện quân đội tham gia ứng phó bão và tìm kiếm cứu nạn;

+ Phối hợp với các địa phương triển khai sơ tán dân và thực hiện công tác cứu hộ, cứu nạn;

+ Tổ chức lực lượng ứng trực, sẵn sàng xử lý các tình huống khẩn cấp xảy ra.

- Công an tỉnh

+ Chủ trì bố trí lực lượng bảo đảm an ninh trật tự tại khu vực bị ảnh hưởng bởi bão/ATNĐ, khu vực sơ tán tập trung; lực lượng tổ chức phân luồng, điều tiết giao thông trên địa bàn bị ảnh hưởng bởi bão/ATNĐ;

+ Bố trí lực lượng bảo vệ tài sản của Nhân dân, cơ quan, đơn vị tại khu vực sơ tán;

+ Phối hợp với lực lượng quân đội tổ chức cứu hộ, cứu nạn và xử lý các tình huống khẩn cấp.

- Lực lượng thông tin

+ Duy trì thông tin liên lạc tại các trọng điểm xung yếu bằng hệ thống điện thoại cố định, vô tuyến cố định hiện có;

+ Xử lý kịp thời các sự cố về viễn thông (nếu hệ thống điện thoại cố định bị sự cố thì dùng máy điện thoại di động của các mạng Vinaphone, Mobifone, Viettel,.. Nếu cả mạng cố định và mạng di động đều không liên lạc được thì dùng các máy thông tin vô tuyến lưu động...);

- Sở Công Thương

+ Chỉ đạo Công ty Điện lực bố trí lực lượng thường xuyên kiểm tra, bảo đảm an toàn hệ thống lưới điện trong thời gian xảy ra bão/ATNĐ; bố trí lực lượng sẵn sàng, khẩn trương khắc phục sự cố điện do bão/ATNĐ gây ra;

- Sở Xây dựng

+ Chỉ đạo lực lượng kiểm tra, khắc phục sự cố giao thông do bão/ATNĐ gây ra;

Bố trí người cắm biển cảnh báo, phân luồng và điều tiết giao thông tại khu vực bị ảnh hưởng;

+ Huy động lực lượng, phương tiện xử lý cây đổ gãy và các điểm sạt lở gây ách tắc giao thông nhằm bảo đảm giao thông thông suốt phục vụ công tác ứng phó và cứu hộ, cứu nạn.

Công tác điều phối lực lượng

+ Bố trí lực lượng đã huy động tại các điểm sơ tán;

+ Sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm;

+ Cấp cứu kịp thời các đối tượng bị thương;

+ Tìm kiếm các phương tiện và người bị mất tích;

+ Trưng dụng các cơ sở vật chất hiện có để tiếp nhận các trường hợp bị nạn;

+ Huy động thuốc men để tham gia cấp cứu người bị nạn;

+ Cấp phát lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh,...

Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh thống nhất chỉ huy, điều phối lực lượng (vũ trang, dân quân tự vệ, xung kích,...), phương tiện tham gia ứng phó bão/ATNĐ trên phạm vi toàn tỉnh; bảo đảm phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng quân đội, công an, dân quân tự vệ, lực lượng xung kích và các đơn vị liên quan, tránh chồng chéo nhiệm vụ để nâng cao hiệu quả ứng phó.

(ii) Cấp xã

- Huy động nguồn nhân lực, gồm lực lượng xung kích PCTT cấp xã, lực lượng công an, dân quân tự vệ, dân phòng, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật

tự cơ sở, y tế, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã, phường và phân giao nhiệm vụ cho từng lực lượng trong từng công việc đảm bảo hiệu quả, không chồng chéo. Một số công việc cần triển khai:

+ Giúp dân thu hoạch mùa vụ trước khi bão đổ bộ, chằng chống nhà cửa; giúp dân sơ tán lồng bè, cơ sở nuôi trồng thủy sản trên sông, suối, hồ đến khu vực an toàn;

+ Hỗ trợ giúp dân sơ tán người và tài sản đến địa các điểm tránh trú an toàn (nhà văn hoá thôn/TDP, trụ sở UBND, trụ sở các đơn vị quân đội, trường học) khi có lệnh sơ tán, di dời dân;

+ Tuần tra, túc trực tại các khu vực trũng thấp, các trọng điểm công trình phòng chống thiên tai (đê, kè, cống và các công trình khác), các sự cố xảy ra để sẵn sàng ứng phó;

+ Phối hợp với các lực lượng để gia cố, đảm bảo an toàn cho cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã, phường: cột điện, cột ăng ten, cột thu phát sóng...

+ Hỗ trợ các doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã thực hiện các phương án đảm bảo an toàn cho người, tài sản và cơ sở hạ tầng của doanh nghiệp;

+ Kiểm soát chặt chẽ các công trình xây dựng đang thi công, các tuyến đê; kiểm soát chặt chẽ an toàn hồ chứa nước,...

+ Tổ chức cấp cứu kịp thời các đối tượng gặp nguy hiểm; tìm kiếm người. phương tiện mất tích; lập các trạm cấp cứu tạm thời hoặc trưng dụng các trụ sở cơ quan. trường học, cơ sở y tế tại địa bàn đang xảy ra thiên tai để tiếp nhận và cấp cứu kịp thời người bị nạn; huy động nguồn lực để tham gia cứu chữa người bị nạn...

- Xác định các loại phương tiện, thiết bị hiện có và có thể huy động từ các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã, phường để trưng dụng trong ứng phó: cần xây dựng danh sách các cơ quan, đơn vị với số lượng, vị trí cụ thể.

- Đối với từng lĩnh vực theo ngành dọc thực hiện các nhiệm vụ theo lĩnh vực mình quản lý:

+ Lực lượng công an: đảm bảo an ninh trật tự tại nơi sơ tán; đảm bảo an toàn giao thông, thông suốt khi bão/ATNĐ đổ bộ;

+ Lực lượng điện lực: đảm bảo an toàn điện lưới; khắc phục nhanh các sự cố về điện để phục vụ quá trình chỉ đạo điều hành cũng như triển khai các hoạt động khác trong ứng phó thiên tai;

+ Lực lượng thông tin, truyền thông: Đảm bảo an toàn các cột viễn thông,

thông tin liên lạc; đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo điều hành ứng phó;

c. Công tác vật tư, hậu cần tại chỗ

- Xác định và huy động các loại vật tư sử dụng để ứng phó với bão:

+ Vật tư dùng để xử lý sự cố các công trình, đặc biệt là các hệ thống đê, công trình giao thông ... bao gồm: đá hộc, cát, đất, rọ thép, bao tải, vải bạt, cọc tre, cuốc, xẻng, xà beng.

+ Vật tư dùng để giúp dân chằng chống nhà cửa: bao tải, gạch, cát, dây thừng..;

+ Lương thực, nhu yếu phẩm dùng tại nơi sơ tán và hỗ trợ cho các khu vực có thể bị chia cắt: nước uống, mì tôm, lương khô, thuốc men và một số nhu yếu phẩm khác

Nguồn vật tư, hậu cần được huy động từ nguồn dự trữ của chính quyền và nhân dân tại địa bàn xảy ra bão, trường hợp vượt khả năng của địa bàn thì cần huy động sự hỗ trợ từ bên ngoài: từ cấp trên, địa bàn lân cận....

- Phương án đảm bảo vật tư, nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó bão:

+ Phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị, địa phương bị ảnh hưởng chuẩn bị các lượng thực như gạo, mì tôm, nước uống và các nhu yếu phẩm khác,... phục vụ công tác hậu cần ứng phó với bão; thống kê và báo cáo cấp xã để tổng hợp, điều tiết;

+ Chỉ đạo các doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại xây dựng và triển khai dự trữ hàng hóa thiết yếu; chủ yếu là mì gói, lương khô, nước uống đóng chai, lương thực, xăng dầu đảm bảo sẵn sàng cung cấp cho các vùng chịu ảnh hưởng của bão, mưa lũ và sự điều động của cấp trên;

+ Chuẩn bị các nhu yếu phẩm về cơ số thuốc, hóa chất, dụng cụ y tế để sẵn sàng cung ứng khi có lệnh điều động. Phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị trên các địa bàn sẵn sàng cung cấp khi có yêu cầu;

Tổ chức phương án đảm bảo hậu cần từ nguồn dự trữ của chính quyền và nhân dân tại nơi sơ tán;

Tiếp tục bổ sung, dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm từ những người dân;

Đảm bảo vật tư dự trữ để xử lý khẩn cấp tại các sự cố về đê điều, hồ đập và các sự cố khác.

2. Phương án ứng phó với mưa lớn

2.1. Xác định thời điểm ứng phó với mưa lớn, gồm các thời điểm

- Khi lượng mưa trong 24h: từ 100-200mm trong 1-2 ngày;
- Khi lượng lượng mưa 24h: từ 100-200mm trong 2-4 ngày;
- Khi lượng mưa 24h: từ 200-400mm trong 2-4 ngày.

2.2. Xác định các kịch bản ứng phó với mưa lớn

Căn cứ vào bản tin dự báo, cảnh báo và tình hình mưa lớn đã xảy ra ở địa phương để xây dựng các kịch bản do mưa lớn có thể xảy ra. Giả định các kịch bản:

- Kịch bản với RRTT cấp 1: thời gian mưa từ 1-2 ngày, lượng mưa 24h từ 100-200mm trong hoặc lượng mưa 12h từ 50-100mm.
- Kịch bản với RRTT cấp độ 2: Lượng mưa 24h từ 100-200mm trong 2-4 ngày ở vùng Trung du, miền núi và vùng đồng bằng;
- Kịch bản với RRTT cấp độ 3: Lượng mưa 24h từ 200-400mm trong 2-4 ngày ở vùng Trung du, miền núi hoặc đồng bằng.

2.3. Xác định phạm vi ảnh hưởng

Bảng 13. Phạm vi ảnh hưởng bởi mưa lớn theo từng cấp độ RRTT

Cấp độ rủi ro	Cường độ mưa và thời gian mưa	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
1	Lượng mưa 24h từ 100-200mm và mưa xảy ra từ 1-2 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực, địa bàn xã, phường có xảy ra mưa lớn; - Hạ lưu các sông, suối; hạ lưu các hồ chứa; - Vùng trũng thấp, ven sông suối; - Khu vực miền núi có địa chất yếu đã bị bão hòa nước; - Khu vực Đô thị; phường Bắc Ninh, Bắc Giang. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án ứng phó đối với các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân và các khu công nghiệp thuộc khu vực, địa bàn bị ảnh hưởng; - Phương án đảm bảo an toàn cho người khi đi qua các tuyến đường giao thông, khu vực ngầm tràn, cầu, cống,... 	<ul style="list-style-type: none"> - Các hồ đã chứa đầy nước; - Các khu vực thấp trũng có thể xảy ra ngập lụt, sạt lở;

Cấp độ rủi ro	Cường độ mưa và thời gian mưa	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
2	<p>Lượng mưa từ 100 - 200mm trong 24 giờ hoặc từ 50 - 100 mm trong 12 giờ, kéo dài từ 2 - 4 ngày</p>	<p>- Khu vực, địa bàn xã, phường có xảy ra mưa lớn; - Hạ lưu các sông, suối; hạ lưu các hồ chứa; - Vùng trũng thấp; vùng đồng bằng; - Khu vực miền núi có địa chất yếu đã bị bão hòa nước; - Vùng ngoài đê; - Khu vực Đô thị; phường Bắc Ninh, Bắc Giang.</p>	<p>- Phương án ứng phó tiêu thoát nước đê; - Phương án ứng phó đối với các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân khu vực bị ảnh hưởng; - Phương án đảm bảo an toàn cho người qua các tuyến đường giao thông, khu vực ngầm tràn, cầu, cống. - Phương án chỉ đạo phòng chống lũ hồ chứa khi hồ đầy nước do mưa lớn; - Phương án chỉ đạo phòng chống lũ quét, sạt lở đất có thể xảy ra do mưa lớn.</p>	<p>- Các hồ đã chứa đầy nước; - Các khu vực có thể xảy ra ngập lụt, sạt lở: ven sông, suối, mái dốc lớn, đê, kè</p>

Cấp độ rủi ro	Cường độ mưa và thời gian mưa	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
3	Lượng mưa từ trên 200-400 mm trong 24 giờ kéo dài từ 2-4 ngày	- Khu vực, địa bàn xã, phường có xảy ra mưa lớn; - Hạ lưu các sông, suối; hạ lưu các hồ chứa; - Vùng trũng thấp; - Vùng đồng bằng; - Khu vực miền núi có địa chất yếu đã bị bão hòa nước; - Vùng ngoài đê; - Khu vực Đô thị; phường Bắc Ninh, Bắc Giang.	- Phương án ứng phó tiêu thoát nước đê; - Phương án ứng phó đối với các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân khu vực bị ảnh hưởng; - Phương án đảm bảo an toàn cho người qua các tuyến đường giao thông, khu vực ngầm tràn, cầu, cống; - Phương án chỉ đạo phòng chống lũ quét, sạt lở đất có thể xảy ra do mưa lớn; - Phương án đảm bảo an toàn các công trình phòng chống thiên tai, tiêu thoát nước, cầu,	- Các hồ đã chứa đầy nước; - Các khu vực có thể xảy ra ngập lụt, sạt lở; - Các khu vực ven sông, ven suối;

2.4. Nội dung ứng phó theo từng cấp độ RRTT

2.4.1. RRTT cấp 1

Kịch bản: thời gian mưa từ 1-2 ngày, lượng mưa 24h từ 100-200mm trong hoặc lượng mưa 12h từ 50-100mm

Đối với kịch bản này, cấp xã chủ yếu tập trung vào công tác chỉ đạo, chỉ huy như sau:

- Thực hiện các công điện, thông báo, chỉ đạo của trung ương và cấp tỉnh;
- Thực hiện các nội dung trong ứng phó:
 - + Thông tin truyền thông về tình hình mưa lớn, các sự cố có thể xảy ra do mưa lớn... tới bà con trên địa bàn quản lý;

+ Chỉ đạo huy động lực lượng xung kích PCTT để hỗ trợ người dân ứng phó với mưa lớn;

+ Kiểm tra, rà soát các hoạt động sinh hoạt và sản xuất của người dân thuộc vùng bị ảnh hưởng bởi mưa lớn;

+ Phối hợp với các lực lượng dân quân tự vệ, xung kích cấp xã để kiểm tra, rà soát các khu vực ngầm tràn, vùng trũng thấp, hạ lưu các lưu vực sông; các trọng điểm đối với các công trình phòng chống lũ.

2.4.2. RRTT cấp độ 2

Kịch bản: Lượng mưa 24h từ 100-200mm, có thể gây lũ trên các sông Cầu, Thương và Lục Nam.

Phương án ứng phó gồm các nội dung:

a. Công tác Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

(i) Cấp tỉnh

Công tác chỉ đạo chỉ huy sẽ được thực hiện ở cấp tỉnh và cấp xã. Nội dung chỉ đạo gồm:

- Chỉ đạo công tác trực ban 24/24h để theo dõi, nắm bắt thông tin, truyền tải thông tin và xử lý các tình huống khi xảy ra sự cố;

- Tổ chức triển khai các biện pháp ứng phó; triển khai thực hiện các chỉ đạo của Trung ương;

- Thực hiện theo các nội dung công điện của BCD;

- Chỉ đạo công tác thông tin truyền thông về thiên tai: thông báo trên các phương tiện truyền thông về tin mưa lớn và cảnh báo lũ, ngập lụt có thể xảy ra kèm mưa lớn, dự báo những vùng bị ảnh hưởng; thông tin về các chỉ đạo ứng phó với mưa lớn đến người dân ở khu vực bị ảnh hưởng;

- Chỉ đạo công tác đảm bảo tiêu thoát nước hạn chế ngập úng tại các vùng trũng thấp;

- Chỉ đạo bằng công điện về việc:

+ Triển khai phương án đảm bảo an toàn cho người dân, các hoạt động sinh hoạt và sản xuất của người dân bị ảnh hưởng của mưa lớn, đặc biệt các khu tập trung dân cư ở khu vực thấp trũng, vùng có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất, lũ quét để sẵn sàng triển khai ứng phó: Rà soát, xác định các khu vực bị ảnh hưởng; Hướng dẫn việc đi lại của người dân trong vùng ảnh hưởng; Kiểm soát các hoạt động sản

xuất, sinh hoạt của người dân; Cấm các hoạt động vớt củi trên sông, suối.

+ Chỉ đạo công tác sơ tán dân: Chỉ đạo các xã, phường xác định các hộ khu vực vùng trũng thấp, sạt lở, ngoài đê phải cần phải sơ tán (số hộ/số nhân khẩu), chú trọng đến các đối tượng dễ bị tổn thương, người già, trẻ em, người khuyết tật,.... ;

- Chỉ đạo Công an tỉnh đảm bảo an toàn, an ninh khu vực sơ tán dân;

- Tổ chức các đoàn kiểm tra, rà soát các công trình xung yếu có thể bị ảnh hưởng bởi mưa lớn tại các xã, phường; kiểm tra các sự cố các công trình, quy trình vận hành hồ chứa;

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, sở ngành theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý trong việc đảm bảo an toàn trước thiên tai mưa lớn;

- Chỉ đạo Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và Công an tỉnh sẵn sàng công tác cứu hộ, cứu nạn trong ứng phó với mưa lớn có thể kèm theo lũ, ngập lụt;

(ii) Cấp xã

- Triển khai thực hiện các công điện, thông báo, chỉ đạo của cấp trên về ứng phó với mưa lớn;

- Thực hiện một số các phương án ứng phó như sau:

+ Thông tin, truyền thông đến toàn thể nhân dân, các doanh nghiệp trên địa bàn về các biện pháp ứng phó với mưa lớn đã được cấp trên chỉ đạo;

+ Chỉ đạo các thôn, tổ dân phố tổ chức rà soát, xác định các khu vực thấp trũng, khu vực miền núi có mái dốc lớn có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi ngập úng, sạt lở, lũ quét do mưa lớn;

+ Hướng dẫn việc đi lại của người dân và cấm biển cảnh báo trong vùng bị ảnh hưởng; cấm các hoạt động vớt củi trên sông, suối;

+ Kiểm soát các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân và các doanh nghiệp trên địa bàn;

+ Cử người canh gác tại các các khu vực trũng thấp, các khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng để kịp thời ứng phó;

+ Chỉ đạo các thôn, tổ dân phố và người dân đảm bảo lương thực, nhu yếu phẩm tại nơi sơ tán.

+ Báo cáo thường xuyên, kịp thời về tình hình mưa, lượng mưa và mực nước trên các sông với cấp trên để có những chỉ đạo ứng phó kịp thời.

- Triển khai thực hiện công tác sơ tán dân khi có lệnh của cấp trên:
 - + Xác định số hộ thuộc khu vực vùng trũng thấp, sạt lở, ngoài đê phải cần phải sơ tán (số hộ/số nhân khẩu), chú trọng đến các đối tượng dễ bị tổn thương, người già, trẻ em, người khuyết tật,....
- Thường xuyên cử người kiểm tra, rà soát các công trình xung yếu có thể bị ảnh hưởng bởi mưa lớn tại trên địa bàn xã, phường;
 - + Cử cán bộ trực tiếp kiểm tra việc tuân tra, canh gác đê theo cấp báo động;
 - + Sẵn sàng các phương án đê hộ đê, ứng phó với lũ khi mưa lớn làm nước sông dâng cao;

b. Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ

(i) Cấp tỉnh

- Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng Ban Chỉ huy PTDS tỉnh giao nhiệm vụ cho Bộ chỉ huy quân sự, Công an tỉnh, các sở ngành, UBND các xã, phường chuẩn bị nhân lực và phương tiện, thiết bị chuyên dùng của đơn vị mình để sẵn sàng huy động ứng phó với mưa lớn khi cần thiết, báo cáo cụ thể về: danh sách, số lượng, địa điểm cất giữ;
 - Giao nhiệm vụ cụ thể cho các lực lượng theo chức năng nhiệm vụ, bao gồm:
 - + Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh: bố trí lực lượng, phương tiện triển khai công tác tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn trong ứng phó với mưa lớn;
 - + Sở Nông nghiệp và Môi trường: Tuân tra canh gác đê; tổ chức thực hiện phương án hộ đê; phương án đảm bảo an toàn hồ chứa; thực hiện tích nước xả lũ hợp lý nhằm hạn chế ngập lụt vùng hạ du;
 - + Công an tỉnh: Huy động nhân lực các cấp đảm bảo an ninh trật tự khu vực bị ảnh hưởng; Bố trí lực lượng bảo vệ tài sản, cơ sở hạ tầng tại khu vực bị ảnh hưởng; Phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh bố trí lực lượng, phương tiện triển khai công tác tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn khi cần thiết;
 - + Lực lượng thông tin: Duy trì thông tin liên lạc tại các trọng điểm xung yếu bằng hệ thống điện thoại cố định, vô tuyến cố định hiện có; Xử lý kịp thời các sự cố về viễn thông; Tăng cường giám sát mạng lưới, khi xảy ra sự cố, chỉ đạo ứng cứu, xử lý kịp thời, theo thứ tự ưu tiên;
 - + Sở Xây dựng: Khắc phục, xử lý ách tắc giao thông vùng mưa lớn, ngập lụt; Cấm biển báo hiệu tại khu vực bị ảnh hưởng; bố trí cán bộ điều khiển giao thông;

phân luồng giao thông để các phương tiện được lưu thông dễ dàng; Xử lý, khắc phục những tuyến đường bị ách tắc do sạt lở do mưa lớn, cây cối đổ gãy hoặc các sự cố khác do mưa lớn gây ra;

+ Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh: Chỉ đạo các doanh nghiệp chuẩn bị nhân lực và phương tiện để sẵn sàng đảm bảo an toàn về người, tài sản, dây chuyền sản xuất của đơn vị mình khi xảy ra tình huống ngập lụt do mưa lớn.

(ii) Cấp xã

Giao nhiệm vụ cụ thể cho các lực lượng trên địa bàn, bao gồm:

- Lực lượng xung kích PCTT, dân quân tự vệ:

+ Tuần tra canh gác đê; tổ chức thực hiện phương án hộ đê; Hỗ trợ, giúp dân sơ tán đối với vùng mưa lớn, bị ngập lũ nặng

+ Hỗ trợ dân thu hoạch lúa, hoa màu; di chuyển các lồng bè nuôi trồng thủy sản đến nơi an toàn;

- Lực lượng phụ trách xây dựng, giao thông, thủy lợi: Tổ chức cấm biển báo, bố trí lực lượng ứng trực chốt, chặn, cấm người, phương tiện qua lại ở những đoạn đường bị ngập; Khắc phục, xử lý ách tắc giao thông vùng mưa lớn.

- Lực lượng công an: Đảm bảo an ninh trật tự khu vực bị ảnh hưởng; Bố trí lực lượng bảo vệ tài sản, cơ sở hạ tầng của nhà nước và nhân dân tại khu vực bị ảnh hưởng và tại nơi sơ tán dân tập chung.

- Thống kê phương tiện, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn của các đơn vị và địa phương; Phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị/địa phương sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi có lệnh điều động.

c. Công tác vật tư, hậu cần tại chỗ

- Xác định, chuẩn bị sẵn sàng các loại vật tư, lương thực, nhu yếu phẩm có thể huy động để ứng phó với mưa lớn:

+ Vật tư dùng để xử lý sự cố các công trình, đặc biệt là các hệ thống đê, các sự cố về đê điều, kè công, công trình phòng chống sạt lở, công trình giao thông: vật tư dự trữ tại các kho của xã, khi cần thì huy động thêm từ nhân dân trên địa bàn.

+ Lương thực, nhu yếu phẩm hỗ trợ cho các khu vực bị có thể bị chia cắt, khu vực sơ tán tập chung: Lương thực, nhu yếu phẩm dự trữ tại kho của xã, phường và do cá nhân, gia đình tự chuẩn bị.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại triển khai dự trữ hàng hóa thiết yếu; chủ yếu là mì gói, lương khô, nước uống đóng chai, lương thực xăng dầu. sẵn sàng cung cấp cho các vùng bị chia cắt bởi mưa lớn gây ngập lụt kéo dài.

2.4.3. RRTT cấp 3

Kịch bản: Lượng mưa 24h từ 200 – 400mm có thể gây lũ trên các sông Cầu, Thương và Lục Nam, gây ngập úng cục bộ ở vùng trũng thấp, hoặc gây sạt lở đất ở khu vực miền núi.

a. Công tác chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

(i) Cấp tỉnh

Công tác chỉ đạo chỉ huy sẽ được thực hiện ở cấp tỉnh và cấp xã. Nội dung chỉ đạo gồm:

- Chỉ đạo công tác trực ban 24/24h để theo dõi, nắm bắt thông tin, truyền tải thông tin và xử lý các tình huống khi xảy ra sự cố;

- Tổ chức triển khai các biện pháp ứng phó; triển khai thực hiện các chỉ đạo của Trung ương;

- Thực hiện theo các nội dung công điện của BCD;

- Chỉ đạo công tác thông tin truyền thông về thiên tai: thông báo trên các phương tiện truyền thông về tin mưa lớn và cảnh báo lũ, ngập lụt có thể xảy ra kèm mưa lớn, dự báo những vùng bị ảnh hưởng; thông tin về các chỉ đạo ứng phó với mưa lớn đến người dân ở khu vực bị ảnh hưởng;

- Chỉ đạo công tác đảm bảo tiêu thoát nước hạn chế ngập úng tại các vùng trũng thấp; Chỉ đạo phương án phòng chống lũ do mưa lớn để đảm bảo an toàn cho hạ du, đặc biệt là hệ thống đê điều, các khu tập trung dân cư ở bãi sông, khu vực thấp trũng, vùng có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất, lũ quét để sẵn sàng triển khai ứng phó;

- Chỉ đạo bằng công điện về việc:

+ Triển khai phương án đảm bảo an toàn cho người dân, các hoạt động sinh hoạt và sản xuất của người dân bị ảnh hưởng của mưa lớn, đặc biệt các khu tập trung dân cư ở khu vực thấp trũng, vùng có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất, lũ quét để sẵn sàng triển khai ứng phó: Rà soát, xác định các khu vực bị ảnh hưởng; Hướng dẫn việc di dời của người dân trong vùng ảnh hưởng; Kiểm soát các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân; Nghiêm cấm và cấm biển cảnh báo nghiêm cấm các hoạt động vớt củi trên sông, suối.

+ Chỉ đạo công tác sơ tán dân: Chỉ đạo các xã, phường xác định các hộ khu vực vùng trũng thấp, sạt lở, ngoài đê phải cần phải sơ tán (số hộ/số nhân khẩu), chú trọng đến các đối tượng dễ bị tổn thương, người già, trẻ em, người khuyết tật,.... ;

- Tổ chức các đoàn kiểm tra, rà soát các công trình xung yếu có thể bị ảnh hưởng bởi mưa lớn tại các xã, phường; kiểm tra các sự cố các công trình, quy trình vận hành hồ chứa:

+ Cử cán bộ trực tiếp đến hiện trường để kiểm tra việc tuân tra, canh gác đê theo cấp báo động;

+ Sẵn sàng các phương án đê hộ đê, ứng phó với lũ khi mưa lớn làm nước sông dâng cao;

- Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định cho học sinh nghỉ học để đảm bảo an toàn;

- Chỉ đạo Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và Công an tỉnh sẵn sàng công tác cứu hộ, cứu nạn trong ứng phó với mưa lớn có thể kèm theo lũ, ngập lụt;

- Chỉ đạo Công an tỉnh đảm bảo an toàn, an ninh khu vực sơ tán dân;

- Chỉ đạo Sở Xây dựng thực hiện công tác đảm bảo về giao thông, thông tuyến đối với các khu vực bị ảnh hưởng;

- Tùy tình huống cụ thể mà phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, sở ngành theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý trong việc đảm bảo an toàn trước thiên tai mưa lớn;

- Tùy theo tình hình để đưa ra các quyết định ứng phó.

(ii) Cấp xã:

- Triển khai thực hiện các công điện, thông báo, chỉ đạo của cấp trên về ứng phó với mưa lớn;

- Thực hiện một số các phương án ứng phó như sau:

+ Thông tin, truyền thông đến toàn thể nhân dân, các doanh nghiệp trên địa bàn về các biện pháp ứng phó với mưa lớn đã được cấp trên chỉ đạo;

+ Chỉ đạo các thôn, tổ dân phố tổ chức xác định các khu vực thấp trũng, khu vực miền núi có mái dốc lớn có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi ngập úng, sạt lở, lũ quét do mưa lớn;

+ Hướng dẫn, quản lý chặt chẽ việc đi lại của người dân, cấm biển cảnh báo và cử người canh gác trong vùng bị ảnh hưởng; nghiêm cấm các hoạt động vớt củi

trên sông, suối;

+ Kiểm soát các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân và các doanh nghiệp trên địa bàn phải luôn được đảm bảo an toàn;

+ Cử người canh gác tại các khu vực trũng thấp, các khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng để kịp thời ứng phó;

+ Chỉ đạo các thôn, tổ dân phố và người dân đảm bảo lương thực, nhu yếu phẩm tại nơi sơ tán.

+ Báo cáo thường xuyên, kịp thời về tình hình mưa, lượng mưa và mực nước trên các sông với cấp trên để có những chỉ đạo ứng phó kịp thời.

- Tổ chức di dời, sơ tán dân khi có lệnh của cấp trên:

+ Lập danh sách số hộ thuộc khu vực vùng trũng thấp, sạt lở, ngoài đê cần phải sơ tán, di dời (số hộ/số nhân khẩu), chú trọng đến các đối tượng dễ bị tổn thương, người già, trẻ em, người khuyết tật,... ; danh sách các hộ sơ tán tại chỗ đảm bảo an toàn về người và tài sản

- Thường xuyên cử người kiểm tra, rà soát các công trình xung yếu có thể bị ảnh hưởng bởi mưa lớn tại trên địa bàn xã, phường;

+ Cử cán bộ trực tiếp kiểm tra việc tuân tra, canh gác đê theo cấp báo động;

+ Sẵn sàng các phương án đê hộ đê, ứng phó với lũ khi mưa lớn làm nước sông dâng cao;

- Chỉ đạo việc chuẩn bị, đảm bảo lương thực và nhu yếu phẩm tại nơi sơ tán

b. Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ

(i) Cấp tỉnh

- Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng Ban Chỉ huy PTDS tỉnh giao nhiệm vụ cho Bộ chỉ huy quân sự, Công an tỉnh, các sở ngành, UBND các xã, phường chuẩn bị nhân lực và phương tiện, thiết bị chuyên dùng của đơn vị mình để sẵn sàng huy động ứng phó với mưa lớn khi cần thiết, báo cáo cụ thể về: danh sách, số lượng, địa điểm cất giữ;

- Giao nhiệm vụ cụ thể cho các lực lượng theo chức năng nhiệm vụ, bao gồm:

+ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh: bố trí lực lượng, phương tiện triển khai công tác tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn trong ứng phó với mưa lớn; hỗ trợ các địa phương thực hiện công tác sơ tán dân;

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường: Tổ chức tuần tra canh gác đê; tổ chức thực hiện phương án hộ đê và phương án đảm bảo an toàn hồ chứa; thực hiện tích nước xả lũ hợp lý nhằm hạn chế ngập lụt vùng hạ du; quản lý chặt chẽ quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi;

+ Công an tỉnh: Huy động nhân lực các cấp đảm bảo an ninh trật tự khu vực bị ảnh hưởng; Bố trí lực lượng bảo vệ tài sản, cơ sở hạ tầng tại khu vực bị ảnh hưởng; Phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh bố trí lực lượng, phương tiện triển khai công tác tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn khi cần thiết; hỗ trợ các địa phương triển khai công tác sơ tán dân, ổn định an ninh trật tự tại nơi sơ tán;

+ Lực lượng thông tin: Duy trì thông tin liên lạc tại các trọng điểm xung yếu bằng hệ thống điện thoại cố định, vô tuyến cố định hiện có; Xử lý kịp thời các sự cố về viễn thông; Tăng cường giám sát mạng lưới, khi xảy ra sự cố, chỉ đạo ứng cứu, xử lý kịp thời, theo thứ tự ưu tiên;

+ Sở Xây dựng: Khắc phục, xử lý ách tắc giao thông vùng mưa lớn, ngập lụt; Cấm biển báo hiệu tại khu vực bị ảnh hưởng; bố trí cán bộ điều khiển giao thông, phân luồng giao thông để các phương tiện được lưu thông dễ dàng; Xử lý, khắc phục những tuyến đường bị ách tắc do sạt lở do mưa lớn, cây cối đổ gãy hoặc các sự cố khác do mưa lớn gây ra; đảm bảo các tuyến đường huyết mạch được thông suốt để đảm bảo thuận lợi khi sơ tán, di dời dân đến nơi an toàn, đảm bảo cho công tác cứu hộ, cứu nạn được diễn ra kịp thời;

+ Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh: Chỉ đạo các doanh nghiệp chuẩn bị nhân lực và phương tiện để sẵn sàng đảm bảo an toàn về người, tài sản, dây chuyền sản xuất của đơn vị mình khi xảy ra tình huống ngập lụt do mưa lớn; Khi vượt quá khả năng cần báo cáo để nhận sự hỗ trợ từ bên ngoài.

(ii) Cấp xã

Huy động và giao nhiệm vụ cụ thể cho các lực lượng trên địa bàn, bao gồm:

- Lực lượng xung kích PCTT, dân quân tự vệ, thanh niên:

+ Tuần tra canh gác đê; tổ chức thực hiện phương án hộ đê; Hỗ trợ, giúp dân sơ tán đối với vùng mưa lớn, bị ngập lũ nặng;

+ Hỗ trợ dân thu hoạch lúa, hoa màu; di chuyển các lồng bè nuôi trồng thủy sản đến nơi an toàn;

+ Phối hợp với lực lượng quân đội, công an tổ chức sơ tán người ra khỏi các khu vực nguy hiểm, nơi không bảo đảm an toàn; tập trung triển khai biện pháp bảo

đảm an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp;

- Lực lượng phụ trách xây dựng, giao thông, thuỷ lợi: Tổ chức cấm biển báo, bố trí lực lượng ứng trực chốt, chặn, cấm người, phương tiện qua lại ở những đoạn đường bị ngập; Khắc phục, xử lý ách tắc giao thông vùng mưa lớn; Tổ chức trực tại các trạm đo mực nước trên sông để có phương án kịp thời khi nước sông dâng cao do mưa lớn;

- Lực lượng công an: Đảm bảo an ninh trật tự khu vực bị ảnh hưởng; Bố trí lực lượng bảo vệ tài sản, cơ sở hạ tầng của nhà nước và nhân dân tại khu vực bị ảnh hưởng và tại nơi sơ tán dân tập chung; Tham gia tổ chức sơ tán người ra khỏi các khu vực nguy hiểm, nơi không bảo đảm an toàn;

Thống kê phương tiện, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn của các đơn vị và địa phương; Phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị/địa phương sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi có lệnh điều động.

c. Công tác vật tư, hậu cần tại chỗ

- Xác định, chuẩn bị sẵn sàng các loại vật tư, lương thực, nhu yếu phẩm có thể huy động để ứng phó với mưa lớn:

+ Vật tư dùng để xử lý sự cố các công trình, đặc biệt là các hệ thống đê, các sự cố về đê điều, kè cống, công trình phòng chống sạt lở, công trình giao thông: vật tư dự trữ tại các kho của xã và huy động thêm từ nhân dân trên địa bàn những vật tư sẵn có.

+ Lương thực, nhu yếu phẩm hỗ trợ cho các khu vực bị có thể bị chia cắt, khu vực sơ tán tập chung: Lương thực, nhu yếu phẩm dự trữ tại kho của xã, phường và bổ sung dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm từ những người dân trên địa bàn.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại triển khai dự trữ hàng hóa thiết yếu; chủ yếu là mì gói, lương khô, nước uống đóng chai, lương thực xăng dầu. sẵn sàng cung cấp cho các vùng bị chia cắt bởi mưa lớn gây ngập lụt kéo dài.

Tổ chức hoạt động tìm kiếm cứu nạn người, phương tiện bị mất tích, cuốn trôi, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng do mưa lớn gây ra và tại địa điểm sơ tán.

d. Phương án sơ tán dân

- Đối tượng sơ tán: các hộ dân sinh sống ven sông, ngoài, các hộ dân vùng trũng thấp, khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất, sạt lở bờ sông.

- Hình thức sơ tán:

+ Sơ tán tại chỗ: Người dân di dời người và đồ đạc lên tầng cao, vẫn đảm bảo điều kiện sinh hoạt hàng ngày.

+ Sơ tán xen ghép: Người dân tự di dời, sơ tán tại nhà người thân ở nơi cao ráo không ảnh hưởng bởi lũ, tạm di dời lên mặt đê ở đoạn đê cao không bị ngập lụt.

3. Phương án ứng phó với lũ, ngập lụt

3.1. Thời điểm ứng phó với lũ và ngập lụt, gồm các thời điểm

- Khi tin cảnh báo lũ ở mức BĐ 2-3 ở một trong các sông: sông Lục Nam, sông Thương, sông Cầu, sông Đuống, sông Thái Bình.

- Khi tin cảnh báo lũ trên mức BĐ3 ở một số lưu vực sông: sông Lục Nam, sông Thương, sông Cầu, sông Đuống, sông Thái Bình; cảnh báo ngập lụt ở một số khu vực trên địa bàn tỉnh.

- Khi tin cảnh báo lũ lịch sử, mức độ ngập lụt cao.

- Khi tin cảnh báo lũ vượt mức lịch sử; mức độ ngập lụt rất cao.

3.2. Xác định các kịch bản ứng phó với lũ, ngập lụt

Căn cứ vào bản tin dự báo, cảnh báo và tình hình lũ, ngập lụt đã xảy ra ở địa phương, dự kiến các kịch bản ứng phó với lũ, ngập lụt trên địa bàn Bắc Ninh gồm:

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Mức nước lũ trên sông từ BĐ1 đến dưới BĐ2 tại các sông: Thương (trạm Cầu Sơn, Phủ Lạng Thương); Lục Nam (trạm Chũ, Cẩm Đàn, Lục Nam); Cầu (trạm Phúc Lộc Phương, Đáp Cầu); Đuống (trạm Bến Hồ).

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2, gồm các kịch bản:

+ *Mức nước lũ trên sông từ BĐ2 đến dưới BĐ3 tại các sông:* Thương (trạm Cầu Sơn, Phủ Lạng Thương); Lục Nam (trạm Chũ, Cẩm Đàn, Lục Nam); Cầu (trạm Phúc Lộc Phương, Đáp Cầu); Đuống (trạm Bến Hồ).

+ *Mức nước lũ trên sông từ BĐ3 đến dưới (BĐ3 + 0,3m) tại các sông:* Thương (trạm Cầu Sơn); Lục Nam (trạm Chũ, Cẩm Đàn); Cầu (trạm Phúc Lộc Phương); Đuống (trạm Bến Hồ).

+ *Mức nước lũ trên sông từ (BĐ3 + 0,3m) đến dưới (BĐ3 + 1m) tại các sông:* Thương (trạm Cầu Sơn); Lục Nam (trạm Chũ, Cẩm Đàn); Cầu (trạm Phúc Lộc

Phuong); Đuống (trạm Bến Hồ).

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3, gồm các kịch bản:

+ *Mức nước lũ trên sông từ BĐ3 đến dưới (BĐ3 + 0,3m) tại các sông:* Thương (trạm Phủ Lạng Thương); Lục Nam (trạm Lục Nam); Cầu (Đáp cầu).

+ *Mức nước lũ trên sông từ (BĐ3 + 0,3m) đến dưới (BĐ3 + 1m) tại các sông:* Thương (trạm Phủ Lạng Thương); Lục Nam (trạm Lục Nam); Cầu (Đáp cầu).

+ *Mức nước lũ trên sông từ (BĐ3 + 1m) đến mức nước lũ lịch sử tại các sông:* Thương (trạm Cầu Sơn, Phủ Lạng Thương); Lục Nam (trạm Chũ, Cẩm Đàn, Lục Nam); Cầu (trạm Phúc Lộc Phương, Đáp Cầu); Đuống (trạm Bến Hồ).

+ *Mức nước lũ trên sông ở cao hơn mức nước lũ lịch sử tại các sông:* Thương (trạm Cầu Sơn, Phủ Lạng Thương); Lục Nam (trạm Chũ, Cẩm Đàn, Lục Nam); Cầu (trạm Phúc Lộc Phương, Đáp Cầu); Đuống (trạm Bến Hồ).

3.3. Xác định phạm vi ảnh hưởng

Bảng 14. Phạm vi ảnh hưởng bởi lũ, ngập lụt theo từng cấp độ RRTT

Cấp độ rủi ro	Mức báo động lũ tại các lưu vực sông	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
1	Mức nước lũ trên sông từ BĐ1 đến dưới BĐ2 tại các sông: Thương (trạm Cầu Sơn, Phủ Lạng Thương); Lục Nam (trạm Chũ, Cẩm Đàn, Lục Nam); Cầu (trạm Phúc Lộc Phương, Đáp Cầu); Đuống (trạm Bến Hồ).	- Người dân sinh sống ở khu vực phía ven sông, ngoài đê. - Hoạt động sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp của người dân trong vùng ảnh hưởng	Phương án đảm bảo an toàn cho người, cho hoạt động sản xuất vùng ven đê, bãi sông;	- Dân cư sinh sống ở các bãi ven sông, ngoài đê; - Các công trình PCTT: đê, kè, cống. - Các hoạt động sản xuất vùng bãi sông;
2	+ <i>Mức nước lũ trên sông từ BĐ2 đến dưới BĐ3 tại các sông:</i> Thương (trạm Cầu Sơn, Phủ Lạng Thương); Lục Nam (trạm Chũ, Cẩm Đàn, Lục Nam); Cầu (trạm Phúc Lộc Phương, Đáp Cầu); Đuống (trạm	- Khu vực bãi sông ngoài đê, ven sông; - Khu vực trũng thấp ven sông; - Sinh hoạt, hoạt động sản xuất của người dân vùng	- Phương án đảm bảo an toàn cho người, tài sản trong vùng bị ảnh hưởng: khu vực bãi sông ngoài đê, ven sông, khu vực	- Dân cư sinh sống trong vùng bị ảnh hưởng, đặc biệt là đối tượng dễ bị tổn thương. - Các công trình PCTT như đê, kè, cống, hồ chứa

Cấp độ rủi ro	Mức báo động lũ tại các lưu vực sông	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
	<p>Bến Hồ).</p> <p>+Mức nước lũ trên sông từ BĐ3 đến dưới (BĐ3 + 0,3m) tại các sông: Thương (trạm Cầu Sơn); Lục Nam (trạm Chũ, Cẩm Đàn); Cầu (trạm Phúc Lộc Phương); Đuống (trạm Bến Hồ).</p> <p>+ Mức nước lũ trên sông từ (BĐ3 + 0,3m) đến dưới (BĐ3 + 1m) tại các sông: Thương (trạm Cầu Sơn); Lục Nam (trạm Chũ, Cẩm Đàn); Cầu (trạm Phúc Lộc Phương); Đuống (trạm Bến Hồ)</p>	ảnh hưởng.	<p>thấp trũng ven sông.</p> <p>- Phương án đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, thủy sản thuộc vùng bị ảnh hưởng.</p> <p>- Phương án đảm bảo an toàn giao thông đi lại trong vùng bị ảnh hưởng;</p> <p>- Phương án đảm bảo an toàn công trình đê, kè, cống, hồ chứa khi xảy ra sự cố.</p>	<p>Công trình giao thông bị ảnh hưởng bởi ngập lụt.</p> <p>- Các hoạt động sản xuất vùng bãi sông, ven sông, vùng thấp trũng.</p>
3	<p>+ Mức nước lũ trên sông từ BĐ3 đến dưới (BĐ3 + 0,3m) tại các sông: Thương (trạm Phủ Lạng Thương); Lục Nam (trạm Lục Nam); Cầu (Đáp cầu).</p> <p>+ Mức nước lũ trên sông từ (BĐ3 + 0,3m) đến dưới (BĐ3 + 1m) tại các sông: Thương (trạm Phủ Lạng Thương); Lục Nam (trạm Lục Nam); Cầu (Đáp cầu).</p> <p>+ Mức nước lũ trên sông từ (BĐ3 + 1m) đến mức nước lũ lịch sử tại</p>	<p>- Khu vực bãi sông ngoài đê, ven sông;</p> <p>- Khu vực trũng thấp ven sông;</p> <p>- Khu vực hạ lưu hồ chứa;</p> <p>- Sinh hoạt, hoạt động sản xuất của người dân, doanh nghiệp trong vùng ảnh hưởng.</p>	<p>- Phương án đảm bảo an toàn cho người, tài sản trong vùng bị ảnh hưởng: khu vực bãi sông ngoài đê, ven sông, khu vực thấp trũng ven sông.</p> <p>- Phương án đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, thủy sản thuộc vùng bị ảnh hưởng.</p>	<p>- Dân cư sinh sống trong vùng bị ảnh hưởng, đặc biệt là đối tượng dễ bị tổn thương.</p> <p>- Các công trình PCTT đê, kè, cống, hồ chứa: Tuyến đê Hữu Thương từ K0÷K43+600; đê Tả Thương từ Km00÷Km27+300; Đập hồ Khuôn Thàn; Đập hồ Cẩm Sơn.</p> <p>- Công trình giao thông bị ảnh hưởng bởi ngập lụt.</p> <p>- Các hoạt động sản</p>

Cấp độ rủi ro	Mức báo động lũ tại các lưu vực sông	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
	<p><i>các sông:</i> Thương (trạm Cầu Sơn, Phủ Lạng Thương); Lục Nam (trạm Chũ, Cẩm Đàn, Lục Nam); Cầu (trạm Phúc Lộc Phương, Đáp Cầu); Đuống (trạm Bến Hồ).</p> <p>+ <i>Mức nước lũ trên sông ở cao hơn mực nước lũ lịch sử tại các sông:</i> Thương (trạm Cầu Sơn, Phủ Lạng Thương); Lục Nam (trạm Chũ, Cẩm Đàn, Lục Nam); Cầu (trạm Phúc Lộc Phương, Đáp Cầu); Đuống (trạm Bến Hồ).</p>		<p>- Phương án xuất nông nghiệp, đảm bảo an toàn công nghiệp vùng bãi giao thông khu vực bị ngập lụt;</p> <p>- Phương án đảm bảo thông tin liên lạc khu vực bị ngập lụt;</p> <p>- Phương án đảm bảo an toàn công trình đê, kè, cống, hồ chứa khi xảy ra sự cố;</p>	<p>xuất nông nghiệp, công nghiệp vùng bãi sông, ven sông, vùng thấp trũng.</p>

3.4. Nội dung phương án ứng phó theo từng cấp độ RRTT

Các xã, phường chịu ảnh hưởng bởi lũ, ngập lụt: Đại Sơn, Vân Sơn, An Lạc, Tây Yên Tử, Trường Sơn, Tam Giang, Yên Phong, Việt Yên, Chũ, Lục Ngạn, Yên Định, Cẩm Lý, Bắc Lũng, Lục Nam, Tân Yên, Mỹ Thái, Lạng Giang, Kép, Đại Lai.

3.4.1. Rủi ro thiên tai cấp độ 1

Kịch bản: Mực nước lũ trên sông từ BĐ1 đến dưới BĐ2 tại các sông: Thương (trạm Cầu Sơn, Phủ Lạng Thương); Lục Nam (trạm Chũ, Cẩm Đàn, Lục Nam); Cầu (trạm Phúc Lộc Phương, Đáp Cầu); Đuống (trạm Bến Hồ). Nội dung ứng phó tập trung vào công tác chỉ đạo, chỉ huy tại cấp xã như sau:

- Thực hiện công tác theo dõi chặt chẽ diễn biến của lũ và tình hình ngập lụt; theo dõi và triển khai kịp thời các thông tin, chỉ đạo của cấp trên;

- Thực hiện các hoạt động ứng phó với lũ và ngập lụt:

+ Thông tin, cảnh báo tới các thôn, tổ dân phố và người dân trên địa bàn về

tình hình lũ, ngập lụt;

+ Truyền thông hướng dẫn các biện pháp ứng phó với lũ, ngập lụt trên các phương tiện truyền thanh của xã, phường; hướng dẫn người dân chủ động đảm bảo an toàn cho người, tài sản, hoạt động sản xuất trong vùng bị ảnh hưởng của lũ, ngập lụt;

+ Tuần tra, kiểm tra, rà soát các hoạt động sinh hoạt và sản xuất của người dân tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi lũ, ngập lụt.

- Chỉ đạo lực lượng dân quân tự vệ, xung kích PCTT cấp xã thường xuyên kiểm tra, rà soát các trọng điểm công trình đê kè, cống, hồ chứa để phát hiện kịp thời những sự cố, nguy cơ tiềm ẩn (rò rỉ nước, mạch đùn, mạch sủi, sạt lở bờ sông, sạt lở kè...) để kịp thời xử lý.

- Chỉ đạo lực lượng công an đảm bảo an toàn, an ninh tại khu vực bị ảnh hưởng bởi lũ, ngập lụt

- Rà soát, thống kê thiệt hại và báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Thủy lợi) tổng hợp.

3.4.2. Rủi ro thiên tai cấp độ 2

Căn cứ lịch sử thiên tai lũ, ngập lụt đã xảy ra trên địa bàn tỉnh trong 05 gần nhất tại Bảng 3, lựa chọn kịch bản: Mức nước lũ trên sông từ BĐ2 đến BĐ3 tại các sông: Thương (trạm Cầu Sơn); Lục Nam (trạm Chũ, Cẩm Đàn); Cầu (trạm Phúc Lộc Phương). Nội dung ứng phó bao gồm:

a. Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

(i) Cấp tỉnh

- Chỉ đạo công tác trực ban 24/24h để theo dõi, nắm bắt thông tin, truyền tải thông tin và xử lý các tình huống khi xảy ra sự cố;

- Chỉ đạo công tác thông tin truyền thông về tình hình lũ, ngập lụt, vùng bị ảnh hưởng, những cảnh báo, dự báo về lũ, ngập lụt;

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn cho người dân vùng trũng thấp, vùng ven sông, ngoài đê, vùng có nguy cơ bị sạt lở; xác định các hộ cần phải sơ tán, chú trọng đến các đối tượng dễ bị tổn thương;

- Chỉ đạo công tác kiểm tra, rà soát phát hiện các sự cố công trình: Tuần tra canh gác đê, phát hiện kịp thời các sự cố về công trình đê, kè, cống để xử lý kịp thời;

- Chỉ đạo công tác cứu hộ, cứu nạn, tìm kiếm người và phương tiện bị mất tích;
- Chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng ứng phó tại các khu vực trũng thấp, ngập sâu để chủ động kiểm soát người, phương tiện đi qua các khu vực nguy hiểm;
- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn tài sản, cơ sở hạ tầng, sản xuất tại khu vực ảnh hưởng bởi lũ, ngập lụt.
- Phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, sở ngành theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý; xác định rõ vai trò chỉ huy thích hợp theo từng tình huống:
 - + Sở Nông nghiệp và Môi trường: Truyền tải các văn bản chỉ đạo Ban Chỉ đạo Quốc gia về PTDS và của Ban Chỉ huy PTDS tỉnh đến các cơ quan, đơn vị liên quan; dự thảo văn bản chỉ đạo về chuẩn bị ứng phó, tổ chức tuần tra canh gác đê, phát hiện kịp thời các sự cố về công trình đê, kè, cống, hồ chứa và tổ chức xử lý giờ đầu đối với hệ thống đê điều; Chỉ đạo các đơn vị quản lý hạ mực nước hồ chứa để đón lũ; theo dõi mực nước trên các sông, hồ chứa; Dự thảo báo cáo tổng hợp thiệt hại, đề xuất nhu cầu hỗ trợ, khắc phục.
 - + Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Tổ chức công tác ứng trực cứu hộ, cứu nạn; hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị Quân đội đóng quân trên địa bàn tỉnh về số lượng nhân sự, phương tiện, thiết bị chuyên dùng phục vụ ứng phó với lũ, ngập lụt: sơ tán người, tài sản, tham gia công tác cứu hộ, cứu nạn tại khu vực bị ảnh hưởng;
 - + Công an tỉnh: Chỉ đạo các cấp sẵn sàng nhân lực, phương tiện phục vụ ứng phó lũ, ngập lụt; đảm bảo an toàn, an ninh tại khu vực sơ tán tập chung và tại khu vực bị ảnh hưởng.
 - + Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh: Cung cấp thông tin về diễn biến lũ, ngập lụt thông qua các bản tin, văn bản, công văn...
 - + Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh: Tổ chức phát các bản tin về diễn biến lũ, ngập lụt, các tin cảnh báo thiên tai.
 - + Sở Khoa học và Công nghệ: Chỉ đạo các nhà mạng viễn thông trên địa bàn tỉnh đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền và nhu cầu hỗ trợ của người dân trong ứng phó lũ, ngập lụt.
 - + Sở Xây dựng: Triển khai lực lượng hướng dẫn giao thông, chốt chặn, cấm biển cảnh báo tại các tuyến đường và các khu vực nguy hiểm.

+ Sở Công Thương: Chỉ đạo Công ty Điện lực Bắc Ninh bảo đảm an toàn lưới điện, ưu tiên cấp điện phục vụ bảo vệ công trình đê, kè, cống; cấp điện nơi sơ tán tập chung.

+ Sở Giáo dục và Đào tạo: Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn cơ sở hạ tầng trường học, tổ chức kê cao đồ đạc, thiết bị và đồng dùng dạy và học; đề xuất quyết định cho học sinh nghỉ học; phối hợp tạo điều kiện cho chính quyền địa phương sử dụng trường học làm nơi sơ tán (nếu cần).

+ Sở Y tế: Chỉ đạo các cơ sở y tế sẵn sàng tham gia cấp cứu, chữa trị cho người dân và lực lượng tham gia phòng chống thiên tai khi gặp sự cố; xử lý môi trường sau thiên tai.

(ii) Cấp xã

Chủ tịch UBND xã, phường - Trưởng Ban Chỉ huy PTDS cấp xã trực tiếp chỉ huy, điều hành, phân công nhiệm vụ cho các lực lượng trên địa bàn trong triển khai ứng phó với lũ, ngập lụt. Các nội dung chỉ đạo:

- Chỉ đạo triển khai thực hiện các công điện, chỉ đạo của cấp trên về ứng phó với lũ, ngập lụt;

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn cho người dân: Đảm bảo an toàn về người cho nhân dân ở vùng trũng thấp, vùng ven sông, ngoài đê, vùng có nguy cơ bị sạt lở; xác định các hộ cần phải sơ tán khi bị ngập lụt cao, đặc biệt là người dân các vùng ngoài đê, vùng trũng thấp, vùng hạ lưu hồ chứa xả lũ,... chú trọng đến các đối tượng dễ bị tổn thương, người già, trẻ em, người khuyết tật, ..

- Chỉ đạo công tác kiểm tra, rà soát phát hiện các sự cố công trình:

+ Tổ chức tuần tra canh gác đê, phát hiện kịp thời các sự cố về công trình đê, kè, cống, hồ chứa;

+ Tổ chức thực hiện xử lý giờ đầu đối với hệ thống đê điều theo phương châm 4 tại chỗ.

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn tài sản, cơ sở hạ tầng tại khu vực bị ảnh hưởng:

+ Hướng dẫn, kiểm tra việc dọn dẹp, kê cao đồ đạc trong nhà khi bị ngập nước;

+ Hướng dẫn thu hoạch mùa màng, sản phẩm nuôi trồng thủy sản tại lồng bè, ao hồ;

Chỉ đạo các lực lượng theo chức năng, nhiệm vụ triển khai đồng bộ các nội dung sau:

- Đài Phát thanh xã thường xuyên phát tin về tình hình lũ, ngập lụt;

- Lực lượng công an, dân quân tự vệ, xung kích PCTT xã: Thực hiện di dời, sơ tán dân đến nơi an toàn; đảm bảo an ninh trật tự nơi sơ tán; tuần tra, túc trực tại các khu vực trũng thấp, các công trình phòng chống thiên tai; cử người kiểm soát hoạt động vớt củi, tắm sông, đi qua khu vực ngập sâu, ngầm tràn hoặc đi qua dòng chảy lũ;

- Lực lượng quản lý đê nhân dân, dân quân tự vệ: Tổ chức tuần tra canh gác đê, phát hiện kịp thời các sự cố về công trình đê, kè, cống, hồ chứa;

- Lực lượng giao thông, xây dựng, thủy lợi: Bố trí người chốt chặn, cấm biển cảnh báo cấm người và phương tiện giao thông đi qua các khu vực nguy hiểm như: các tuyến đường, cầu, ngầm tràn bị ngập sâu hoặc mất an toàn do lũ gây ra; các khu vực có nguy cơ sạt lở đất do lũ hoặc dòng chảy lớn;

- Lực lượng công an, quân đội: Bố trí con người, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn và tìm kiếm người, phương tiện, cơ sở hạ tầng bị thiệt hại.

- Các doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại: Dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc phòng chữa bệnh để đảm bảo cung cấp cho nhân dân; tuyên truyền vận động các hộ dân chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, nước uống trong khoảng 05 ngày.

b. Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ

- Xác định đối tượng, số lượng cụ thể của từng lực lượng để có kế hoạch huy động trong ứng phó với lũ, ngập lụt: gồm các lực lượng: xung kích PCTT xã, dân quân tự vệ, tổ dân quân tự quản, công an, quân đội,...;

- Xác định các loại phương tiện của các đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp đóng trên địa bàn có thể huy động và trưng dụng trong trường hợp cần thiết: yêu cầu lập danh sách, số lượng, địa điểm cất giữ;

- Giao nhiệm vụ cho các lực lượng đã huy động, tùy tình hình phối hợp triển khai các công việc sau:

+ Giúp dân thu hoạch mùa vụ, sản phẩm nuôi trồng thủy sản;

+ Hỗ trợ sơ tán dân khu vực thấp trũng bị ngập lụt, khu vực ngoài đê khi lũ dâng cao;

+ Hướng dẫn người dân chuẩn bị lương thực, thực phẩm để đủ dùng cho các ngày bị ngập lụt (05 ngày); hướng dẫn người dân kiểm tra các thiết bị điện trong nhà, kê cao đồ đạc;

+ Tuần tra, túc trực tại các khu vực trũng thấp, các công trình phòng chống thiên tai;

+ Kiểm soát, nghiêm cấm các thực hiện hoạt động vớt củi trên sông khi có lũ; cấm biển cảnh báo nguy hiểm.

+ Tham gia tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, tìm kiếm người bị lũ cuốn trôi;

+ Bố trí lực lượng chốt chặn, cấm biển cảnh báo cấm người và phương tiện giao thông đi qua các khu vực nguy hiểm như: các tuyến đường, cầu, ngầm tràn bị ngập sâu, các khu vực có nguy cơ sạt lở đất;

c. Công tác vật tư, hậu cần tại chỗ

- Xác định các loại vật tư có thể trưng dụng để ứng phó với lũ, ngập lụt: Vật tư dùng để xử lý sự cố các công trình, đặc biệt là các hệ thống đê, kè, cống và xử lý sạt lở công trình giao thông: đất, cát, đá, bao tải, bạt chống thấm....; Trong trường hợp phát sinh tình huống khẩn cấp thì huy động sự hỗ trợ từ nhân dân và các doanh nghiệp trên địa bàn;

- Xác định lương thực, nhu yếu phẩm, nước uống, vật tư y tế để phục vụ ứng phó với lũ, ngập lụt trong trường hợp có khu vực người dân bị chia cắt, sơ tán. Các vật tư này được huy động tại kho dự trữ của các xã, phường hoặc các doanh nghiệp/cửa hàng trên địa bàn hoặc nguồn dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm từ những người dân;

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các lực lượng tại địa phương:

+ Lực lượng phụ trách đê điều, phòng chống thiên tai, thủy lợi, giao thông: Chuẩn bị vật tư dùng để xử lý sự cố các công trình, đặc biệt là các hệ thống đê, kè, cống và xử lý sạt lở công trình giao thông;

+ Bộ phận phụ trách quản lý lương thực dự trữ của xã, phường: chuẩn bị lương thực sẵn có tại kho và hiệp đồng với các doanh nghiệp về lĩnh vực thương mại: Dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm để cung cấp cho người dân trong vùng bị ảnh hưởng;

+ Lực lượng y tế: Chuẩn bị vật tư y tế, thuốc men, hoá chất khử trùng...;

- Tùy vào tình hình cụ thể để tổ chức, hướng dẫn sơ tán dân, tài sản đến nơi an toàn và tổ chức cấp cứu kịp thời các đối tượng bị thương, huy động thuốc men để

tham gia cấp cứu người bị nạn, cấp phát lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh kịp thời cho người dân.

d. Phương án sơ tán dân

- Đối tượng sơ tán: các hộ dân sinh sống ven sông, ngoài, các hộ dân vùng trũng thấp, khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất, sạt lở bờ sông.

- Hình thức sơ tán: Sơ tán tại chỗ. Người dân di dời người và đồ đạc lên tầng cao, vẫn đảm bảo điều kiện sinh hoạt hàng ngày.

3.4.3. Rủi ro thiên tai cấp độ 3

Theo lịch sử thiên tai lũ, ngập lụt đã xảy ra trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trong 05 gần nhất được tổng hợp tại Bảng 3, kịch bản được lựa chọn để xây dựng phương án ứng phó là: Mực nước lũ trên sông từ (BĐ3 + 1m) đến mực nước lũ lịch sử và trên mực nước lũ lịch sử tại các sông: Thương (trạm Cầu Sơn, Phủ Lạng Thương); Lục Nam (trạm Chũ, Cẩm Đàn, Lục Nam); Cầu (trạm Phúc Lộc Phương, Đập Cầu); Đuống (trạm Bến Hồ). Nội dung ứng phó bao gồm:

a. Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

(i) Cấp tỉnh

- Chỉ đạo công tác trực ban 24/24h để theo dõi, nắm bắt thông tin về lũ, ngập lụt, truyền tải thông tin và xử lý các tình huống khi xảy ra sự cố;

Thực hiện theo các nội dung công điện của BCD quốc gia và Thủ tướng Chính phủ;

- Chỉ đạo công tác thông tin truyền thông về tình hình lũ, ngập lụt, vùng bị ảnh hưởng, những cảnh báo, dự báo về lũ, ngập lụt; thông tin các biện pháp, chỉ đạo ứng phó đến mọi người dân trong khu vực bị ảnh hưởng; tăng cường truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân, doanh nghiệp các biện pháp phòng tránh, ứng phó;

- Chỉ đạo công tác ứng phó: Chỉ đạo bằng các công điện, văn bản chỉ đạo đến các xã, phường và các cơ quan có liên quan nghiêm túc tổ chức tuần tra, canh gác ứng phó với lũ, ngập lụt, thường xuyên báo cáo tình hình với cấp trên;

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn cho người dân vùng trũng thấp, vùng ven sông, ngoài đê, vùng có nguy cơ bị sạt lở: rà soát, xác định các hộ, số người cần phải sơ tán, đặc biệt chú trọng đến các đối tượng dễ bị tổn thương;

- Ban hành lệnh sơ tán dân; nghỉ học; nghỉ làm đối với khu vực bị ảnh hưởng;

- Chỉ đạo công tác kiểm tra, rà soát phát hiện các sự cố công trình: Tuần tra canh gác đê, phát hiện kịp thời các sự cố về công trình đê, kè, cống để xử lý kịp thời;
- Chỉ đạo công tác cứu hộ, cứu nạn, tìm kiếm người và phương tiện bị mất tích;
- Chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng ứng phó tại các khu vực trũng thấp, ngập sâu để chủ động kiểm soát người, phương tiện đi qua các khu vực nguy hiểm; Cấm các hoạt động vớt củi trên sông;
- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn tài sản, cơ sở hạ tầng, sản xuất tại khu vực ảnh hưởng bởi lũ, ngập lụt;
- Tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, rà soát các công trình xung yếu, sự cố các công trình, quy trình vận hành, xả lũ hồ chứa,...
- Phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, sở ngành theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý; xác định rõ vai trò chỉ huy thích hợp theo từng tình huống:
 - + Sở Nông nghiệp và Môi trường: Truyền tải các văn bản chỉ đạo Ban Chỉ đạo Quốc gia về PTDS và của Ban Chỉ huy PTDS tỉnh đến các sở ngành, cơ quan, đơn vị liên quan; dự thảo văn bản chỉ đạo về chuẩn bị ứng phó, tổ chức tuần tra canh gác đê 24/24 đặc biệt tại những trọng điểm xung yếu, phát hiện kịp thời các sự cố về công trình đê, kè, cống, hồ chứa và tổ chức xử lý giờ đầu đối với hệ thống đê điều đồng thời báo cáo kịp thời đến BCD quốc gia về PTDS trong trường hợp phát sinh tình huống vượt tầm kiểm soát; Chỉ đạo các đơn vị quản lý hồ hạ mực nước hồ chứa để đón lũ; theo dõi mực nước trên các sông, hồ chứa; Dự thảo báo cáo tổng hợp thiệt hại, đề xuất nhu cầu hỗ trợ, khắc phục.
 - + Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Tổ chức công tác ứng trực cứu hộ đê 24/24, sẵn sàng triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn người và phương tiện, thiết bị; hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị Quân đội đóng quân trên địa bàn tỉnh về số lượng nhân sự, phương tiện, thiết bị chuyên dùng phục vụ ứng phó với lũ, ngập lụt trong công tác sơ tán người, tài sản, tham gia công tác cứu hộ, cứu nạn tại khu vực bị ảnh hưởng;
 - + Công an tỉnh: Chỉ đạo các cấp sẵn sàng nhân lực, phương tiện phục vụ ứng phó lũ, ngập lụt; tham gia ứng trực cứu hộ đê, tìm kiếm cứu nạn người và phương tiện, thiết bị; đảm bảo an toàn, ăn ninh tại khu vực sơ tán tập chung và tại khu vực bị ảnh hưởng.
 - + Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh: Thường xuyên cập nhật, cung cấp thông tin về diễn biến lũ, ngập lụt thông qua các bản tin, văn bản, công văn...

+ Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh: Tổ chức phát các bản tin về diễn biến lũ, ngập lụt, các tin cảnh báo thiên tai; truyền thông đến cộng đồng người dân tại khu vực bị ảnh hưởng các biện pháp đảm bảo an toàn cho người, tài sản.

+ Sở Khoa học và Công nghệ: Chỉ đạo các nhà mạng viễn thông trên địa bàn tỉnh đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền và nhu cầu hỗ trợ của người dân trong ứng phó lũ, ngập lụt.

+ Sở Xây dựng: Bố trí lực lượng ứng trực tại những khu vực nguy hiểm, có thể xảy ra sạt lở; bố trí người hướng dẫn giao thông, bố trí chốt chặn, cấm biển cảnh báo tại các tuyến đường và các khu vực nguy hiểm.

+ Sở Công Thương: Chỉ đạo Công ty Điện lực Bắc Ninh bảo đảm an toàn lưới điện, ưu tiên cấp điện phục vụ bảo vệ công trình đê, kè, cống; cấp điện nơi sơ tán tập chung.

+ Sở Giáo dục và Đào tạo: Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn cơ sở hạ tầng trường học, tổ chức kê cao đồ đạc, thiết bị và đồng dùng dạy và học; đề xuất quyết định cho học sinh nghỉ học; sẵn sàng cơ sở hạ tầng phòng học để chính quyền địa phương sử dụng làm nơi sơ tán tập chung.

+ Sở Y tế: Chỉ đạo các cơ sở y tế sẵn sàng tham gia cấp cứu, chữa trị cho người dân và lực lượng tham gia phòng chống thiên tai khi gặp sự cố; chuẩn bị thuốc men, vật dụng y tế để hỗ trợ người dân trong vùng bị ảnh hưởng và tại khu vực sơ tán tập chung; chuẩn bị thuốc sát khuẩn để xử lý môi trường sau thiên tai.

+ Chủ tịch UBND các xã, phường thuộc khu vực bị ảnh hưởng sẵn sàng phương án sơ tán dân đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của người dân.

(ii) Cấp xã

Chủ tịch UBND xã, phường - Trưởng Ban Chỉ huy PTDS cấp xã trực tiếp chỉ huy, điều hành, phân công nhiệm vụ cho các lực lượng trên địa bàn trong triển khai ứng phó với lũ, ngập lụt. Các nội dung chỉ đạo:

- Chỉ đạo triển khai thực hiện các công điện, chỉ đạo của cấp trên về biện pháp đảm bảo an toàn đê điều, an toàn tính mạng người dân;

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn tài sản, cơ sở hạ tầng tại khu vực bị ảnh hưởng:

+ Hướng dẫn, kiểm tra việc dọn dẹp, kê cao đồ đạc trong nhà khi bị ngập nước;

+ Hướng dẫn thu hoạch mùa màng, sản phẩm nuôi trồng thủy sản tại lồng bè, ao hồ;

- Triển khai công tác ứng trực đê 24/24 để xử lý cứu hộ đê, hồ chứa kịp thời;

- Triển khai công tác đảm bảo an toàn cho người dân ở vùng trũng thấp, vùng ven sông, ngoài đê, vùng có nguy cơ bị sạt lở; lập danh sách số các hộ, số nhân khẩu cần phải sơ tán (cụ thể về số lượng, đối tượng, vị trí) đặc biệt là người dân các vùng ngoài đê, vùng trũng thấp, vùng hạ lưu hồ chứa xả lũ,... chú trọng đến các đối tượng dễ bị tổn thương, người già, trẻ em, người khuyết tật; Tổ chức di dời dân đến nơi an toàn;

Chỉ đạo các lực lượng theo chức năng, nhiệm vụ triển khai đồng thời các nội dung sau:

- Đài Phát thanh xã thường xuyên phát tin về tình hình lũ, ngập lụt;

- Lực lượng công an, dân quân tự vệ, xung kích PCTT xã: Thực hiện di dời, sơ tán dân đến nơi an toàn; đảm bảo an ninh trật tự nơi sơ tán; tuần tra, túc trực tại các khu vực trũng thấp, các công trình phòng chống thiên tai; cử người kiểm soát hoạt động vớt củi, tắm sông, đi qua khu vực ngập sâu, ngầm tràn hoặc đi qua dòng chảy lũ;

- Lực lượng quản lý đê nhân dân, dân quân tự vệ: Tổ chức tuần tra canh gác đê, phát hiện kịp thời các sự cố về công trình đê, kè, cống, hồ chứa;

- Lực lượng giao thông, xây dựng, thủy lợi: Bố trí người chốt chặn, cắm biển cảnh báo cấm người và phương tiện giao thông đi qua các khu vực nguy hiểm như: các tuyến đường, cầu, ngầm tràn bị ngập sâu hoặc mất an toàn do lũ gây ra; các khu vực có nguy cơ sạt lở đất do lũ;

- Lực lượng công an, quân đội: Bố trí người, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn và tìm kiếm người, phương tiện, cơ sở hạ tầng bị thiệt hại.

- Các doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại: Dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc phòng chữa bệnh để đảm bảo cung cấp cho nhân dân; tuyên truyền vận động các hộ dân chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, nước uống đảm bảo đủ dùng trong 05 ngày.

b. Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ

- Xác định đối tượng, số lượng cụ thể của từng lực lượng để huy động trong ứng phó với lũ, ngập lụt, gồm các lực lượng: xung kích PCTT xã, dân quân tự vệ, tổ dân quân tự quản, công an, quân đội, đoàn thanh niên,...;

- Xác định các loại phương tiện của các đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp đóng trên địa bàn có thể huy động và trưng dụng trong trường hợp cần thiết: yêu cầu lập danh sách, số lượng, địa điểm cất giữ. Phương tiện cần huy động gồm các loại xe oto chở người, xe tải, xe cứu thương, xe cứu hộ, tàu, thuyền, cano, xuồng máy...;

- Giao nhiệm vụ cho các lực lượng đã huy động, tùy tình hình phối hợp triển khai các công việc sau:

+ Giúp dân thu hoạch sản phẩm nuôi trồng thủy sản, hoa màu có nguy cơ bị ngập úng;

+ Hỗ trợ sơ tán dân khu vực thấp trũng bị ngập lụt, khu vực ngoài đê khi lũ dâng cao đến nơi tránh trú an toàn. Địa điểm sơ tán tập trung là UBND xã/phường, trường học các cấp trên địa bàn xã/phường, nhà văn hoá thôn/tổ dân phố;

+ Hướng dẫn người dân chuẩn bị lương thực, thực phẩm để đủ dùng cho các ngày bị ngập lụt (05 ngày); hướng dẫn người dân kiểm tra các thiết bị điện trong nhà, kê cao đồ đạc;

+ Tuần tra, túc trực tại các khu vực trũng thấp, các công trình phòng chống thiên tai;

+ Kiểm soát, nghiêm cấm các thực hiện hoạt động vớt củi trên sông khi có lũ; cấm biển cảnh báo nguy hiểm.

+ Tham gia tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, tìm kiếm người bị lũ cuốn trôi;

+ Bố trí lực lượng chốt chặn, cấm biển cảnh báo cấm người và phương tiện giao thông đi qua các khu vực nguy hiểm như: các tuyến đường, cầu, ngầm tràn bị ngập sâu, các khu vực có nguy cơ sạt lở đất;

c. Công tác vật tư, hậu cần tại chỗ

- Xác định các loại vật tư có thể trưng dụng để ứng phó với lũ, ngập lụt: Vật tư dùng để xử lý sự cố các công trình, đặc biệt là các hệ thống đê, kè, cống và xử lý sạt lở công trình giao thông: đất, cát, đá, bao tải, bạt chống thấm, rọ thép, cọc tre, cuỗ, xẻng, xà beng...Vật tư này được trữ tại các điểm canh đê, kho lưu trữ vật tư tại một số địa phương do Chi cục Thủy lợi quản lý; Trong trường hợp phát sinh tình huống khẩn cấp thì huy động sự hỗ trợ từ nhân dân và các doanh nghiệp trên địa bàn;

- Xác định lương thực (mì tôm, lương khô, cháo ăn liền...), nhu yếu phẩm, nước uống, vật tư y tế để phục vụ ứng phó với lũ, ngập lụt trong trường hợp có khu vực người dân bị chia cắt, sơ tán. Các vật tư này được huy động tại kho dự trữ của

các xã, phường hoặc các doanh nghiệp/cửa hàng trên địa bàn hoặc nguồn dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm từ những người dân;

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các lực lượng tại địa phương:

+ Lực lượng phụ trách đê điều, phòng chống thiên tai, thủy lợi, giao thông: Chuẩn bị vật tư dùng để xử lý sự cố các công trình, đặc biệt là các hệ thống đê, kè, cống và xử lý sạt lở công trình giao thông;

+ Bộ phận phụ trách quản lý lương thực dự trữ của xã, phường: chuẩn bị lương thực sẵn có tại kho và hiệp đồng với các doanh nghiệp về lĩnh vực thương mại: Dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm để cung cấp cho người dân trong vùng bị ảnh hưởng;

+ Lực lượng y tế: Chuẩn bị vật tư y tế, thuốc men, hoá chất khử trùng...;

- Tùy vào tình hình cụ thể để tổ chức, hướng dẫn sơ tán dân, tài sản đến nơi an toàn và tổ chức cấp cứu kịp thời các đối tượng bị thương, huy động thuốc men để tham gia cấp cứu người bị nạn, cấp phát lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh kịp thời cho người dân.

d. Phương án sơ tán dân

- Đối tượng sơ tán: các hộ dân sinh sống ven sông, ngoài, các hộ dân vùng trũng thấp, khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất, sạt lở bờ sông.

- Hình thức sơ tán:

+ Sơ tán tại chỗ: Người dân di dời người và đồ đạc lên tầng cao, vẫn đảm bảo điều kiện sinh hoạt hàng ngày.

+ Sơ tán xen ghép: Người dân tự di dời, sơ tán tại nhà người thân ở nơi cao ráo không ảnh hưởng bởi lũ, tạm di dời lên mặt đê ở đoạn đê cao không bị ngập lụt.

+ Sơ tán tập trung: Trường hợp nước lũ lên cao gây ngập sâu trên diện rộng thì ban hành lệnh sơ tán dân tập chung tại các địa điểm là nhà văn hoá, trường học, trụ sở cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, trụ sở các đơn vị quân đội trên địa bàn. Ưu tiên các đối tượng dễ bị tổn thương: người già, trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật.

4. Lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất

4.1. Xác định thời điểm ứng phó với lũ quét, sạt lở, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, bao gồm:

- Khi tổng lượng mưa 24h từ 100-200ml và thời gian mưa trước đó từ 1 -2

ngày.

- Khi tổng lượng mưa 24h từ trên 200-400ml và thời gian mưa trước đó từ 2 ngày trở lên

- Khi tổng lượng mưa 24h trên 400ml và thời gian mưa trước đó từ 2 ngày trở lên

4.2. Xác định các kịch bản ứng phó với lũ quét, sạt lở

Trên cơ sở số liệu về thiên tai lũ quét, sạt lở trong những năm gần đây, trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh chưa xảy ra lũ quét, hiện tượng sạt lở đất, sạt lở bờ sông cũng diễn ra trong phạm vi hẹp, không gây thiệt hại lớn về người và tài sản.

Đối với địa bàn tỉnh Bắc Ninh, dự kiến các kịch bản:

- Kịch bản về RRTT cấp độ 1: Thời gian mưa trước đó từ 1-2 ngày, lượng 24h mưa từ 100-200mm, vùng có nguy cơ ảnh hưởng cao và rất cao; hoặc thời gian mưa trước đó trên 2 ngày, lượng mưa 24h trên 400mm, vùng có nguy cơ ảnh hưởng trung bình;

- Kịch bản về RRTT cấp độ 2: Thời gian mưa trước đó trên 2 ngày, lượng mưa 24h trên 200 - 400mm và vùng nguy cơ ảnh hưởng rất cao hoặc lượng mưa 24h trên 400mm và vùng nguy cơ ảnh hưởng cao và rất cao.

4.3. Xác định phạm vi ảnh hưởng

Bảng 15. Phạm vi ảnh hưởng bởi lũ quét, sạt lở đất theo từng cấp độ RRTT

Cấp độ rủi ro	Cường độ mưa (lượng mưa 24h)	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng bảo vệ
1	Thời gian mưa trước đó từ 1-2 ngày, lượng 24h mưa từ 100-200mm, vùng có nguy cơ ảnh hưởng cao và rất cao (đồi núi độ dốc cao); hoặc thời gian mưa trước đó trên 2 ngày, lượng mưa 24h	Khu dân cư, nhà cửa và cơ sở hạ tầng, diện tích đất canh tác ven đồi núi, ven các sông: sông Lục Nam, sông Thương, sông Đuống (xã Cao Đức, phường Bồng Lai), sông Cầu (phường Yên Dũng, xã Hợp Thịnh, xã Hoàng Vân)	- Cảnh báo khả năng xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến người dân trong vùng bị ảnh hưởng - Phương án di dời sơ tán dân; - Phương án tìm kiếm cứu nạn người; - Phương án khắc phục giao thông bị ảnh hưởng	Đảm bảo an toàn người, tài sản trong vùng có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất; Đảm bảo an toàn cho sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm nuôi trồng thủy sản;

Cấp độ rủi ro	Cường độ mưa (lượng mưa 24h)	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng bảo vệ
	trên 400mm, vùng có nguy cơ ảnh hưởng trung bình (độ dốc thấp)			
2	Thời gian mưa trước đó trên 2 ngày, lượng mưa 24h trên 200 - 400mm và vùng nguy cơ ảnh hưởng rất cao (đồi núi độ dốc cao) hoặc lượng mưa 24h trên 400mm và vùng nguy cơ ảnh hưởng cao và rất cao (độ dốc thấp)		<ul style="list-style-type: none"> - Cảnh báo khả năng xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến người dân trong vùng bị ảnh hưởng - Phương án di dời sơ tán dân; - Phương án tìm kiếm cứu nạn người; - Phương án khắc phục giao thông bị ảnh hưởng 	Ưu tiên đảm bảo an toàn cho người dân sinh sống trong vùng có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất;

4.4. Xây dựng phương án ứng phó với các cấp độ RRTT

Trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, các khu vực từng chịu ảnh hưởng bởi lũ quét: Tam Tiến, Đồng Kỳ; các xã ảnh hưởng bởi sạt lở đất, đá: Yên Dũng, Cảnh Thụy, Hoàng Vân, Yên Thế, Biên Sơn, Xuân Lương, Vân Sơn, Sơn Động; Một số xã xảy ra sạt lở bờ sông: Hợp Thịnh, Bắc Lũng, Cao Đức.

4.4.1. RRTT cấp độ 1

Đối với cấp độ RRTT này, cấp xã chủ yếu tập trung vào công tác chỉ đạo, chỉ huy tại địa phương:

- Thông tin truyền thông bằng đài phát thanh, loa cầm tay, hoặc thông báo trực tiếp... tới các thôn bản, hộ gia đình sinh sống trong khu vực bị ảnh hưởng;
- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân luôn chủ động đảm bảo an toàn cho người và tài sản có giá trị cao, đề phòng xảy ra sạt lở đất và lũ quét do mưa lớn, nhất là vào ban đêm;
- Thường xuyên phát đi các nội dung tuyên truyền đến người dân về dấu hiệu

nhận biết lũ quét và sạt lở đất;

- Khuyến cáo đến người dân: Khi phát hiện các dấu hiệu bất thường trong điều kiện có mưa lớn, cần nhanh chóng di chuyển người và tài sản đến nơi an toàn, tránh trú tại khu vực cao ráo, xa sườn dốc và lòng suối; đồng thời thông báo ngay cho chính quyền địa phương và lực lượng phòng chống thiên tai để kịp thời xử lý.

4.4.2. RRTT cấp độ 2

a. Chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ

(i) Cấp tỉnh

- Chỉ đạo, thực hiện công tác trực ban, theo dõi chặt chẽ diễn biến của mưa (thời gian, cường độ);

- Chỉ đạo các đơn vị sẵn sàng lực lượng để cứu hộ cứu nạn khi có yêu cầu;

- Chỉ đạo công tác chuẩn bị ứng phó với mưa lớn. Tùy tình hình cụ thể về diễn biến mưa để cảnh báo lũ quét, sạt lở đất trên địa bàn các khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng.

- Tổ chức triển khai các biện pháp ứng phó;

- Tổ chức các đoàn công tác kiểm tra hiện trường, khắc phục nhanh để sớm ổn định đời sống của nhân dân vùng bị ảnh hưởng;

- Tùy theo tình hình để đưa ra các quyết định ứng phó;

- Chỉ đạo lực lượng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh thực hiện việc ứng phó, cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn.

(ii) Cấp xã

- Thông tin truyền thông bằng đài phát thanh, loa cầm tay, hoặc thông báo trực tiếp... tới các thôn bản, hộ gia đình, các nhân sinh sống trong khu vực bị ảnh hưởng;

- Thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn người dân luôn chủ động đảm bảo an toàn cho người và tài sản có giá trị cao, đề phòng xảy ra sạt lở đất và lũ quét do mưa lớn, nhất là vào ban đêm;

- Khi phát hiện các dấu hiệu bất thường trong điều kiện có mưa lớn, cần nhanh chóng di chuyển người và tài sản đến nơi an toàn, tránh trú tại khu vực cao ráo, xa sườn dốc và lòng suối; đồng thời thông báo ngay cho chính quyền địa phương và lực lượng phòng chống thiên tai để kịp thời xử lý.

b. Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ

- Về lực lượng: Giao từng đơn vị sẵn sàng lực lượng thực hiện nhiệm vụ ứng phó, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn khi cần thiết như Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh, lực lượng xung kích PCTT cấp xã, thanh niên trên địa bàn. Từng đơn vị lập danh sách số lượng, điện thoại liên hệ.

- Về phương tiện: Huy động từ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn những phương tiện, thiết bị có thể trưng dụng trong trường hợp cần thiết. Các đơn vị cần thống kê danh sách, số lượng, vị trí cất giữ các lực lượng, thiết bị để thuận lợi khi cần trưng dụng.

- Các công việc cần phân giao cho các lực lượng đã huy động bao gồm:

+ Tìm hiểu, rà soát, xác định các địa điểm sơ tán tạm thời với yêu cầu đảm bảo tối thiểu về diện tích chỗ ở, cao ráo, xa sườn dốc và lòng suối;

+ Trường hợp cần sơ tán tập chung nhiều ngày thì nơi sơ tán cần đảm bảo yêu cầu về chỗ ở an toàn, chất đốt, nước sạch, lương thực, dịch vụ y tế, vệ sinh môi trường;

+ Hỗ trợ, di dời dân đến nơi an toàn trước khi xảy ra lũ quét hoặc sạt lở đất. Chú ý ưu tiên sơ tán trước các đối tượng dễ bị tổn thương: người già, phụ nữ, trẻ em, người tàn tật, v.v.

+ Thực hiện hoạt động tìm kiếm, cứu nạn người bị vùi lấp, mất tích; cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị sạt lở; hỗ trợ chỗ ở cho những hộ bị mất nhà ở do lũ quét, sạt lở đất gây ra;

+ Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của nhà nước và nhân dân tại khu vực sơ tán và khu vực xảy ra lũ quét, sạt lở đất;

+ Xử lý các điểm ách tắc giao thông do sạt lở gây ra;

c. Công tác vật tư, hậu cần tại chỗ

- Xác định các loại vật tư có thể trưng dụng để ứng phó với lũ quét, sạt lở đất: cuốc, xẻng, cáng cứu thương, ủng, dây thừng, vải bạt, lều bạt các loại,....

- Xác định, chuẩn bị số lượng lương thực, nhu yếu phẩm, nước uống, thuốc men...để hỗ trợ cho các khu vực bị có thể bị chia cắt, nơi sơ tán.

4.2.3. Dấu hiệu nhận biết lũ quét và sạt lở đất

- Dấu hiệu nhận biết lũ quét:

+ Mưa lớn kéo dài nhiều giờ hoặc nhiều ngày liên tiếp.

+ Nước ở các khe suối, sông nhỏ dâng lên rất nhanh, dòng chảy mạnh bất

thường.

+ Nước suối chuyển màu đục, xuất hiện nhiều bùn đất, cành cây, gỗ, đá trôi theo dòng nước.

+ Nghe thấy tiếng âm âm bất thường từ thượng nguồn như tiếng đá lăn, cây đổ hoặc nước chảy xiết.

+ Mực nước suối thay đổi đột ngột, có thể giảm bất thường trước khi xuất hiện dòng lũ lớn từ thượng nguồn đổ về.

+ Xuất hiện dòng chảy mạnh trên các sườn núi, khe dốc vốn khô ráo.

- Dấu hiệu nhận biết sạt lở đất

+ Xuất hiện các vết nứt mới trên mặt đất, taluy đường, sân nhà hoặc tường nhà; các vết nứt có xu hướng mở rộng theo thời gian.

+ Đất đá trên sườn dốc có hiện tượng trượt, lún hoặc dịch chuyển.

+ Cây cối, cột điện, hàng rào bị nghiêng bất thường.

+ Cửa nhà, cửa sổ bị kẹt, khó đóng mở do nền đất hoặc kết cấu công trình bị dịch chuyển.

+ Nước ngầm, nước từ sườn đồi chảy ra nhiều hơn bình thường hoặc xuất hiện các điểm rò rỉ nước mới.

+ Có tiếng răng rắc, tiếng đất đá nứt vỡ hoặc tiếng cây gãy phát ra từ sườn dốc.

+ Đá nhỏ, đất vụn liên tục rơi từ mái taluy, vách núi.

Khu vực cần đặc biệt cảnh giác:

+ Chân các sườn núi dốc, khu vực có địa chất yếu.

+ Ven suối, khe núi, thung lũng hẹp.

+ Khu vực từng xảy ra lũ quét, sạt lở đất.

+ Những nơi có hoạt động đào, cắt taluy, khai thác khoáng sản hoặc phá rừng làm thay đổi địa hình tự nhiên.

5. Rét hại, sương muối

5.1. Thời điểm ứng phó

- Khi dự báo nhiệt độ trung bình từ 4-8 độ ở vùng miền núi, từ 8-13 độ ở vùng đồng bằng;

- Khi dự báo nhiệt độ trung bình 0-4 độ ở vùng miền núi; từ 4-8 độ ở vùng đồng bằng;

- Khi dự báo nhiệt độ dưới 0 độ ở vùng miền núi; trung bình từ 0-4 độ ở vùng đồng bằng.

5.2. Kịch bản ứng phó thiên tai

- RRTT cấp 1: Khi nhiệt độ trung bình từ 4-8 độ, thời gian kéo dài 5-10 ngày ở vùng miền núi hoặc thời gian kéo dài 3-5 ngày ở vùng đồng bằng;

- RRTT cấp 2: Khi dự báo nhiệt độ trung bình 0-4 độ ở vùng miền núi và từ 4-8 độ ở vùng đồng bằng, thời gian kéo dài 5-10 ngày.

5.3. Phạm vi ảnh hưởng

Bảng 16. Phạm vi ảnh hưởng bởi rét hại theo từng cấp độ RRTT

Cấp độ rủi ro	Nhiệt độ trung bình ngày	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
1	Khi nhiệt độ trung bình từ 4-8 độ, thời gian kéo dài 5-10 ngày ở vùng miền núi hoặc thời gian kéo dài 3-5 ngày ở vùng đồng bằng	Toàn tỉnh, đặc biệt là các xã khu vực miền núi.	Phương án đảm bảo an toàn cho người và vật nuôi; Phương án đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất hoa màu	Sức khỏe con người và vật nuôi. Hoa màu.
2	Khi dự báo nhiệt độ trung bình 0-4 độ ở vùng miền núi và từ 4-8 độ ở vùng đồng bằng, thời gian kéo dài 5-10 ngày	Toàn tỉnh, đặc biệt là các xã khu vực miền núi.	Phương án phòng chống rét cho người, vật nuôi Phương án đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất.	Sức khỏe con người đặc biệt là người già, trẻ em và người khuyết tật Bảo vệ gia súc, gia cầm. Đảm bảo cho hoạt động sản xuất.

5.4. Nội dung ứng phó theo các cấp độ rủi ro thiên tai

5.4.1. Rủi ro thiên tai cấp 1

Cấp xã tập chung chỉ đạo, chỉ huy các nội dung:

- Theo dõi chặt chẽ các bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết

- Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền về kỹ năng ứng phó đến người dân:

+ Đối với con người: Giữ ấm cơ thể bằng cách mặc ấm, sử dụng chăn, đệm, uống nước ấm... đặc biệt đối với người già, trẻ em, phụ nữ mang thai và người có bệnh nền; Hạn chế ra ngoài vào ban đêm và sáng sớm khi nhiệt độ xuống thấp; Giữ ấm nhà bằng cách đóng kín cửa, sử dụng đèn sưởi; Tuyệt đối không sử dụng bếp than, củi hoặc các thiết bị đốt nhiên liệu trong phòng kín để tránh ngộ độc khí; Khi ra ngoài trời, người dân nên mặc quần áo nhiều lớp, giữ ấm phần đầu, cổ, ngực, đeo khẩu trang; Bảo đảm chế độ dinh dưỡng, ăn uống đủ chất, uống nước ấm để tăng cường sức đề kháng;

+ Đối với vật nuôi: Chủ động dự trữ thức ăn, nước uống và vật tư phòng chống rét cho vật nuôi; Gia cố chuồng trại, che chắn tránh gió lùa; giữ nền chuồng khô ráo, sạch sẽ; Không chăn thả gia súc khi nhiệt độ xuống thấp hoặc xuất hiện băng giá, sương muối; Đối với nuôi trồng thủy sản, duy trì mực nước phù hợp, hạn chế đánh bắt hoặc thu hoạch trong thời gian rét đậm, rét hại;

+ Đối với cây trồng: Che phủ nilon, lưới hoặc vật liệu phù hợp để bảo vệ cây trồng; Không gieo cấy hoặc chăm sóc cây trồng trong thời gian nhiệt độ quá thấp.

5.4.2. Rủi ro thiên tai cấp 2

a) Cấp tỉnh

- Ban Chỉ đạo PTDS tỉnh chỉ đạo cập nhật các bản tin cảnh báo sớm và tham mưu, ban hành các công điện, văn bản chỉ đạo ứng phó với rét hại, sương muối tới các sở ngành, địa phương để chủ động phòng tránh.

- Chỉ đạo UBND các xã căn cứ tình hình thực tế khẩn trương triển khai Phương án, Kế hoạch phòng, chống, ứng phó với rét hại, sương muối đối với vật nuôi, cây trồng và hoạt động sản xuất.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, Sở Giáo dục theo chức năng, nhiệm vụ quản lý để có các phương án ứng phó, hướng dẫn cấp xã thực hiện công tác ứng phó với rét hại, sương muối theo lĩnh vực quản lý.

- Ra Quyết định cho học sinh nghỉ học.

b) Cấp xã

- Theo dõi chặt chẽ các bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết;

- Tăng cường thông tin, cảnh báo rét đậm, rét hại và sương muối đến người dân;

- Rà soát các đối tượng dễ bị tổn thương để có biện pháp hỗ trợ kịp thời;

- Hướng dẫn các biện pháp bảo vệ sản xuất nông nghiệp, giảm thiểu thiệt hại do thời tiết lạnh gây ra;

- Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền về kỹ năng ứng phó đến người dân:

+ Đối với con người: Giữ ấm cơ thể bằng cách mặc ấm, sử dụng chăn, đệm, uống nước ấm... đặc biệt đối với người già, trẻ em, phụ nữ mang thai và người có bệnh nền; Hạn chế ra ngoài vào ban đêm và sáng sớm khi nhiệt độ xuống thấp; Giữ ấm nhà bằng cách đóng kín cửa, sử dụng đèn sưởi; Tuyệt đối không sử dụng bếp than, củi hoặc các thiết bị đốt nhiên liệu trong phòng kín để tránh ngộ độc khí; Khi ra ngoài trời, người dân nên mặc quần áo nhiều lớp, giữ ấm phần đầu, cổ, ngực, đeo khẩu trang; Bảo đảm chế độ dinh dưỡng, ăn uống đủ chất, uống nước ấm để tăng cường sức đề kháng;

+ Đối với vật nuôi: Chủ động dự trữ thức ăn, nước uống và vật tư phòng chống rét cho vật nuôi; Gia cố chuồng trại, che chắn tránh gió lùa; giữ nền chuồng khô ráo, sạch sẽ; Không chăn thả gia súc khi nhiệt độ xuống thấp hoặc xuất hiện băng giá, sương muối; Đối với nuôi trồng thủy sản, duy trì mực nước phù hợp, hạn chế đánh bắt hoặc thu hoạch trong thời gian rét đậm, rét hại;

+ Đối với cây trồng: Che phủ nilon, lưới hoặc vật liệu phù hợp để bảo vệ cây trồng; Không gieo cấy hoặc chăm sóc cây trồng trong thời gian nhiệt độ quá thấp.

6. Phương án ứng phó với lốc, sét, mưa đá

Loại hình thiên tai lốc, sét, mưa đá ở Bắc Ninh xảy ra trên phạm vi hẹp, cục bộ. Một số xã phường từng xảy ra như Gia Bình, Quế Võ, Thuận Thành, Tam Sơn, Phù Khê, Mão Điền, Đông Cứu. Loại hình thiên tai này gây thiệt hại về người do sét đánh; tóc mái, hư hỏng nhà cửa; thiệt hại nông nghiệp, lưới điện...

6.1. Rủi ro thiên tai cấp 1

Cấp xã thực hiện công tác chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ với các nội dung:

- Chủ động cập nhật các bản tin cảnh báo sớm về lốc, sét, mưa đá; Truyền tải các bản tin dự báo, cảnh báo dông, lốc, sét, mưa đá... và cung cấp kiến thức về dấu hiệu nhận biết, kỹ năng ứng phó trên hệ thống phát thanh của xã, phường đến với người dân trên địa bàn.

- Căn cứ vào dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biến thực tế của lốc, sét, mưa đá để chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ phục vụ ứng phó kịp thời ngay khi xảy ra thiên tai.

- Khi có cảnh báo về lốc, sét, mưa sẽ xảy ra trên địa bàn, triển khai một số nội dung để đảm bảo an toàn cho người:

+ Khuyến cáo người dân không ở trong những căn nhà tạm và tìm nơi trú ẩn an toàn khi có lốc và mưa đá; không đứng gần cửa sổ, cửa ra vào, vật dụng kim loại, nguồn nước. Khi đang ngoài đường: nên dừng xe và tìm nơi trú ẩn an toàn, không trú dưới các gốc cây lớn, nhà tạm, cột điện, khu vực đồi cao hoặc trống trải; nên ngồi thu mình thấp nhất có thể, không nằm sát đất, không được lại gần nơi có dây điện rơi xuống. Không tụ tập thành nhóm đông người tại khu vực trống.

+ Khuyến cáo việc sử dụng điện thoại, điện gia dụng khi có sấm sét: rút phích cắm, ăng ten tivi và những đồ điện tử đang sử dụng. Trường hợp trực trực lưới điện chung thì tốt nhất nên ngắt cầu dao hoặc rút hết phích cắm của các đồ điện trong gia đình ra khỏi ổ điện.

+ Không nên ra ngoài lúc trời có mưa dông kèm theo sấm sét.

6.2. Rủi ro thiên tai cấp 2

a) Cấp tỉnh

- Theo dõi các bản tin thời tiết và cảnh báo kịp thời đến người dân về khả năng xảy ra lốc, sét, mưa đá thông qua đài phát thanh, phương tiện thông tin đại chúng, các trang mạng xã hội (zalo, face book, viber) hoặc tin nhắn SMS;

- Chỉ đạo công tác phòng ngừa, ứng phó với lốc, sét, mưa đá: ban hành các công điện, thông báo về chỉ đạo ứng phó với thiên tai lốc, sét, mưa đá tới các cấp, các ngành để chủ động phòng tránh.

- Chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho các đơn vị nắm chắc tình hình trên địa bàn; căn cứ vào bản tin dự báo, cảnh báo và tình hình diễn biến cụ thể của lốc, sét, mưa đá để triển khai các hoạt động ứng phó;

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ quản lý để có các phương án ứng phó theo lĩnh vực quản lý:

+ Ngành điện chủ động cắt điện cục bộ tại nơi xảy ra sự cố ngay khi phát hiện tình trạng mất an toàn trong vận hành lưới điện do bị ảnh hưởng của dông, lốc, sét, mưa đá. Sau khi khắc phục, sửa chữa và đảm bảo chắc chắn an toàn của hệ thống điện thì phải khôi phục lại ngay việc cung cấp điện cho khu vực để nhân dân ổn định sinh hoạt và sản xuất;

+ Ban Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh: Huy động lực lượng, phương tiện để hỗ trợ các gia đình sửa chữa gia cố công trình, nhà ở dân cư bị hư hỏng, thu dọn cây xanh bị ngã đổ và xử lý vệ sinh môi trường theo quy định;

+ Sở y tế: Huy động lực lượng, phương tiện y tế để kịp thời cứu trợ các cá nhân, hộ gia đình bị thiệt hại sau thiên tai; xử lý môi trường sau thiên tai.

b) Cấp xã

Thực hiện công tác chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ:

- Chủ động cập nhật các bản tin cảnh báo sớm về lốc, sét, mưa đá.

- Truyền tải các bản tin dự báo, cảnh báo dông, lốc, sét, mưa đá...và cung cấp kiến thức về dấu hiệu nhận biết, kỹ năng ứng phó trên hệ thống phát thanh của xã, phường đến với người dân trên địa bàn.

- Căn cứ vào dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biến thực tế của lốc, sét, mưa đá để chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ phục vụ ứng phó kịp thời ngay khi xảy ra thiên tai.

- Khi có cảnh báo về lốc, sét, mưa sẽ xảy ra trên địa bàn, triển khai một số nội dung để đảm bảo an toàn cho người:

+ Khuyến cáo người dân không ở trong những căn nhà tạm và tìm nơi trú ẩn an toàn khi có lốc và mưa đá; không đứng gần cửa sổ, cửa ra vào, vật dụng kim loại, nguồn nước. Khi đang ngoài đường: nên dừng xe và tìm nơi trú ẩn an toàn, không trú dưới các gốc cây lớn, nhà tạm, cột điện, khu vực đồi cao hoặc trống trải; nên ngồi thu mình thấp nhất có thể, không nằm sát đất, không được lại gần nơi có dây điện rơi xuống. Không tụ tập thành nhóm đông người tại khu vực trống.

+ Khuyến cáo việc sử dụng điện thoại, điện gia dụng khi có sấm sét: rút phích cắm, ngắt tivi và những đồ điện tử đang sử dụng. Trường hợp trực trực lưới điện chung thì tốt nhất nên ngắt cầu dao hoặc rút hết phích cắm của các đồ điện trong gia đình ra khỏi ổ điện.

+ Không nên ra ngoài lúc trời có mưa dông kèm theo sấm sét.

- Huy động lực lượng dân quân tự vệ, xung kích PCTT cấp xã, đoàn thanh niên ...và tổ chức cứu hộ, cứu nạn kịp thời khi có tình huống xấu xảy ra: người gặp nạn, nhà cửa bị sập đổ do lốc, sét gây ra; hỗ trợ nhà ở tạm cho các hộ dân bị mất nhà ở.

6.3. Dấu hiệu nhận biết dông, lốc, sét, mưa đá

- Trời xuất hiện mây đen kéo đến nhanh, bầu trời tối sầm.
- Gió chuyển hướng đột ngột, xuất hiện các đợt gió giật mạnh bất thường.
- Nhiệt độ giảm nhanh, không khí trở nên oi bức trước khi xảy ra dông.
- Có tiếng sấm, chớp hoặc nhìn thấy tia chớp từ xa. Khoảng thời gian từ khi nhìn thấy tia chớp đến khi nghe tiếng sấm ngày càng ngắn.
- Tóc dựng đứng, da có cảm giác tê rần, nghe tiếng lách tách từ các vật kim loại (dấu hiệu sét có thể đánh rất gần).
- Có thể xuất hiện mưa lớn hoặc mưa đá nhỏ trước khi xuất hiện các hạt mưa đá lớn.

7. Ứng phó với nắng nóng, hạn hán

7.1. Thời điểm ứng phó

- Nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 37°C đến 39°C.
- Nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 39°C đến 41°C.
- Nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 41°C.

7.2. Xác định các kịch bản ứng phó

- Kịch bản 1: Nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 37°C đến 41°C kéo dài 5-10 ngày (RRTT cấp 1).
- Kịch bản 2: Nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 41°C kéo dài 5-10 ngày (RRTT cấp 2).

7.3. Xác định phạm vi ảnh hưởng theo cấp độ RRTT

Bảng 17. Phạm vi ảnh hưởng bởi nắng nóng theo từng cấp độ RRTT

Cấp độ rủi ro	Nhiệt độ cao nhất trong ngày và thời gian diễn ra	Phạm vi ảnh hưởng	Phương án ứng phó	Mục tiêu trọng điểm, đối tượng cần bảo vệ
1	Nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 37°C đến 41°C kéo dài 5-10 ngày	Toàn tỉnh	Phương án đảm bảo sức khỏe cho người; Phương án đảm bảo hoạt động sản xuất.	Con người; Hoạt động sản xuất.
2	Nhiệt độ cao	Toàn tỉnh	Phương án đảm bảo	Con người;

	nhất trong ngày trên 41°C kéo dài 5- 10 ngày		cho người; Phương án đảm bảo hoạt động sản xuất; Phương án đảm bảo các sự cố về điện	Hoạt động sản xuất;
--	--	--	--	---------------------

7.4. Nội dung ứng phó theo cấp độ RRTT cấp 1 và 2

(i) Cấp tỉnh

Cập nhật các bản tin cảnh báo sớm và ban hành các văn bản để chỉ đạo ứng phó với nắng nóng tới các cấp, các ngành và các huyện, xã bị ảnh hưởng để chủ động phòng tránh;

Căn cứ vào dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biến thực tế để chỉ đạo triển khai biện pháp ứng phó phù hợp với từng tình huống cụ thể;

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường; chỉ đạo các bệnh viện, các trung tâm y tế đảm bảo tốt nhất việc khám chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu người bệnh trong những ngày nắng nóng.

(ii) Cấp xã

- Sử dụng hệ thống truyền thanh của địa phương để truyền tải các bản tin dự báo, cảnh báo về nắng nóng và hướng dẫn kiến thức, kỹ năng ứng phó với nắng nóng;

- Triển khai các biện pháp bảo vệ sức khỏe, phòng bệnh, đặc biệt là cho trẻ em và người già;

- Khuyến cáo người dân hạn chế ra đường trong những ngày nắng nóng, khi ra đường phải có biện pháp bảo vệ, che tránh;

- Phân luồng giao thông, tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy định, đảm bảo cho người dân tham gia giao thông thông suốt, nhất là trong những giờ cao điểm nắng nóng;

- Chỉ đạo công tác phòng, chống đuối nước;

- Thực hiện các biện pháp tiết kiệm nguồn nước; xây dựng kế hoạch sản xuất hợp lý, bố trí diện tích và cơ cấu, thời vụ gieo trồng phù hợp với năng lực nguồn nước hiện có, phòng chống sâu bệnh, dịch bệnh, đặc biệt cần chú ý đến tình huống cháy rừng trong thời gian xảy ra nắng nóng;

- Tăng cường công tác nạo vét, gia cố, duy tu sửa chữa hệ thống kênh tưới để đảm bảo đủ cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sinh hoạt. Chuẩn bị phương tiện, trang thiết bị hỗ trợ cấp nước phòng, chống hạn khi cần thiết;

- Tổ chức vận hành các công trình thủy lợi, các công lấy nước, trạm bơm nước tưới đảm bảo điều kiện các công trình thủy lợi vận hành tốt, cung cấp đủ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phòng, chống cháy rừng, hạn chế ô nhiễm nguồn nước;

- Rà soát cây trồng trên các tuyến phố, thực hiện trồng mới thay thế cây có dấu hiệu chết, khô héo;

- Khuyến khích các tổ chức kinh tế, xã hội, người dân lắp đặt hệ thống thu năng lượng mặt trời; nhằm giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của nắng nóng đồng thời cung cấp năng lượng sạch, phục vụ cho nhu cầu sản xuất, sinh hoạt.

(Tổng hợp các trọng điểm công trình trong ứng phó thiên tai trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh xem tại Phụ lục 1)

(Khu vực bị ảnh hưởng bởi lũ, ngập lụt; số hộ bị ảnh hưởng, địa điểm sơ tán trong ứng phó lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất chi tiết xem tại Phụ lục 2, 3, 4, 5)

(Lực lượng, phương tiện, thiết bị dự phòng phục vụ ứng thiên tai trên địa bàn tỉnh chi tiết xem tại Phụ lục 6, 7, 8, 9)

8. Xây dựng bản đồ rủi ro, sơ họa phương án ứng phó thiên tai

Bản đồ được xây dựng dựa trên cơ sở số liệu, dữ liệu phân tích lịch sử thiên tai trên địa bàn tỉnh và được thu thập được từ các xã, phường, từ đó đánh giá nguy cơ, mức độ dễ bị tổn thương và khoanh vùng các xã, phường có nguy cơ rủi ro thiên tai tương ứng với từng loại hình thiên tai.

Bản đồ rủi ro thiên tai gồm 02 mảnh tương ứng với 02 nhóm thiên tai:

01. Bản đồ RRTT do bão/ATNĐ và mưa lớn gây lũ, ngập lụt

02. Bản đồ RRTT do lũ quét, sạt lở đất

(Chi tiết xem tại bản đồ rủi ro thiên tai tỉnh Bắc Ninh.)

IV. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh

Các thành viên BCH PTDS trực tiếp chỉ đạo, điều hành công tác PCTT theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công tại Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 và Thông báo số 205/TB-BCH ngày 03/10/2025 Chủ tịch UBND tỉnh kiêm Trưởng BCH PTDS tỉnh.

BCH PTDS tỉnh có trách nhiệm tham mưu giúp UBND tỉnh chỉ huy, điều hành, xử lý nhanh chóng kịp thời và hiệu quả công tác ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành, gồm:

- Chỉ đạo thực hiện phương án ứng phó thiên tai theo từng cấp độ rủi ro thiên tai của tỉnh, phương án bảo vệ trọng điểm, phương án hộ đê toàn tuyến và ứng phó với trường hợp lũ vượt tần suất thiết kế...

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành và nhân dân thực hiện các biện pháp ứng phó thiên tai kịp thời để đảm bảo an toàn cho người, tài sản, cơ sở hạ tầng của Nhân dân và Nhà nước.

- Tổ chức tổng kết, đánh giá hoạt động ứng phó thiên tai khắc phục hậu quả sau mỗi đợt thiên tai để đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và bài học kinh nghiệm trong ứng phó thiên tai. Tổ chức tổng kết, đánh giá hàng năm trước khi bước vào mùa mưa lũ trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở ban ngành trên địa bàn tỉnh

2.1. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn đối với các loại hình thiên tai: bão, ATNĐ, mưa lớn, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất...; phương án hợp đồng tác chiến giữa cấp tỉnh, cấp xã và các đơn vị đóng quân trên địa bàn để sẵn sàng huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chuyên dùng tham gia ứng phó với thiên tai khi có yêu cầu; phối hợp với Công an tỉnh xây dựng phương án phối hợp tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn có yếu tố nước ngoài tham gia.

Tổ chức ký kết hiệp đồng lực lượng, phương tiện với các đơn vị Quân đội của Bộ, Quân khu đóng quân trên địa bàn tỉnh; đồng thời phối kết hợp với các Ban chỉ huy quân sự các cấp để phân chia lực lượng phù hợp.

2.2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Tổ chức công tác ứng trực PCTT; Thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình diễn biến thiên tai và kịp thời báo cáo, tham mưu cho BCH PTDS tỉnh, UBND tỉnh để chỉ đạo các ngành, các xã/ phường chủ động phòng tránh, ứng phó khi thiên tai xảy ra, đảm bảo kịp thời, hiệu quả, không gián đoạn.

Chỉ đạo các xã, phường, các cơ quan, đơn vị triển khai ứng phó thiên tai phương châm 4 tại chỗ.

Chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn công tác đảm bảo an toàn công trình đê điều, hồ đập, kè, cống...: chỉ đạo về việc theo dõi, kiểm tra, vận hành công trình; chỉ đạo việc kiểm tra và xử lý các sự cố công trình đê điều, hồ đập, kè, cống và các công trình PCTT khác; chỉ đạo công tác vận hành hồ chứa; chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả thiên tai, khôi phục sản xuất sau thiên tai

Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các xã, phường triển khai công tác đảm bảo an toàn trong sản xuất nông nghiệp: công tác tiêu thoát nước đê; bảo vệ cây trồng, vật nuôi, gia súc, gia cầm, cơ sở nuôi trồng thủy sản, lồng, bè...

Chủ trì chỉ đạo các xã phường thực hiện công tác đánh giá, thống kê, báo cáo thiệt hại do thiên tai gây ra; Chủ trì tổng hợp thiệt hại trên địa bàn các xã, phường và báo cáo BCH PTDS.

2.3. Công an tỉnh

Chỉ đạo các đơn vị trong phạm vi quản lý thực hiện phương án đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội khi xảy ra thiên tai; bố trí lực lượng, phối hợp với các lực lượng khác trên địa bàn tổ chức phân luồng, hướng dẫn giao thông tại khu vực nguy hiểm do thiên tai gây ra, kiểm soát chặt chẽ phương tiện giao thông qua các đoạn đường ngập, các bến đò ngang, đò dọc, ngầm tràn.

Chỉ đạo việc huy động lực lượng, phương tiện trong lĩnh vực quản lý để phối hợp với lực lượng quân đội và chính quyền địa phương tham gia cứu hộ, cứu nạn, sơ tán dân, hỗ trợ nhân dân bảo vệ tài sản, nhà cửa, cơ sở hạ tầng tại nơi xảy ra thiên tai.

2.4. Sở Khoa học và Công nghệ

Triển khai phương án đảm bảo thông tin liên lạc, chỉ đạo, chỉ huy kịp thời 24/24h trong mọi tình huống từ tỉnh đến xã phường và các trọng điểm, đặc biệt trong trường hợp xuất hiện lũ lớn kéo dài gây sự cố mất điện lưới.

Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị viễn thông, bưu chính trên địa bàn tỉnh đảm bảo thông tin liên lạc theo phương án được duyệt phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành

việc phòng tránh, ứng phó với bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất... và công tác tìm kiếm cứu nạn tại khu vực xảy ra thiên tai.

Phối hợp với Ban chỉ huy PTDS các cấp, Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh, các đơn vị trên địa bàn thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền phổ biến kiến thức về phòng ngừa, ứng phó với lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, rét hại, sương muối,... đến cộng đồng người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

2.5. Sở Công Thương

Chỉ đạo thực hiện phương án dự trữ, đảm bảo cung cấp hàng hóa, nhu yếu phẩm cần thiết, nhất là lương thực và nước uống sẵn sàng cung cấp cho vùng bị thiên tai, khu vực sơ tán, khu vực bị chia cắt bởi lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất khi có yêu cầu.

Chỉ đạo Công ty Điện lực có phương án cung cấp điện để đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành, công tác tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn trong mọi tình huống thiên tai.

2.6. Sở Xây dựng

Chỉ đạo chuẩn bị đầy đủ vật tư, phương tiện dự phòng theo phương châm “4 tại chỗ” để ứng cứu, khắc phục sự cố giao thông bị ảnh hưởng bởi thiên tai một cách nhanh chóng, kịp thời đặc biệt là các tuyến đường huyết mạch phục vụ công tác tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn trong tình huống thiên tai.

Chỉ đạo việc thực hiện tổ chức ứng trực, cấm biển cảnh báo, canh gác tại những khu vực giao thông đi lại nguy hiểm do ảnh hưởng bởi thiên tai.

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc tham mưu khắc phục, xử lý sự cố các công trình xây dựng, giao thông do thiên tai gây ra.

2.7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện phương án bảo đảm an toàn cho giáo viên, học sinh, sinh viên và an toàn trường, lớp học khi có tính huống thiên tai bão, lũ, ngập lụt, rét hại.... Có kế hoạch bảo đảm chương trình, thời gian học cho học sinh các xã vùng bị ảnh hưởng của bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất, rét đậm, rét hại, đặc biệt ưu tiên các khối lớp cuối cấp đảm bảo thời lượng chương trình học.

2.8. Sở Y tế

Tổ chức thực hiện phương án cấp cứu, điều trị, chăm sóc sức khỏe nhân dân, vệ sinh môi trường, nguồn nước sinh hoạt, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm, xử lý ổ dịch xuất hiện sau thiên tai trên địa bàn toàn tỉnh.

Xây dựng, thực hiện phương án sơ tán, di dời cơ sở y tế khi xảy ra ngập lụt, sập đổ trụ sở để nhanh chóng thu dung cấp cứu, điều trị nạn nhân trong mọi tình huống khẩn cấp về thiên tai, đảm bảo điều kiện cho các cơ sở y tế hoạt động cứu chữa người bị thương.

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở y tế chủ động kiểm tra, giám sát bảo đảm an toàn môi trường, tránh bùng phát dịch bệnh do hậu quả thiên tai.

2.9. Sở Nội vụ

Phối hợp tham mưu công tác khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị bảo đảm chế độ, chính sách đối với lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai theo quy định của pháp luật.

2.10. Sở Tài Chính

Phối hợp với các sở, ban, ngành, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kịp thời kinh phí đảm bảo cho công tác ứng phó thiên tai, khắc phục hậu quả, hỗ trợ khó khăn cho vùng bị ảnh hưởng thiên tai và tu sửa công trình PCTT bị hư hại do thiên tai.

2.11. Sở Tư pháp

Hướng dẫn xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình huy động lực lượng, phương tiện, vật tư và thực hiện các biện pháp khẩn cấp trong ứng phó thiên tai theo quy định.

Phối hợp giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình hỗ trợ, cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai

2.12. Sở Dân tộc và Tôn Giáo

Nắm bắt tình hình tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo bị ảnh hưởng bởi thiên tai; kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền.

Phối hợp huy động các tổ chức tôn giáo tham gia hoạt động hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ, khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định của pháp luật.

Hướng dẫn các cơ sở tôn giáo thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, tài sản và công trình tôn giáo trước, trong và sau thiên tai.

Phối hợp với chính quyền địa phương hỗ trợ ổn định đời sống Nhân dân, nhất là các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương sau thiên tai.

2.13. Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh

Phối hợp chặt chẽ với Đài KTTV tỉnh, Ban chỉ huy PTDS tỉnh đăng tải, đưa tin đúng, đủ, kịp thời, đúng quy định về dự báo, cảnh báo thiên tai và công tác chỉ đạo, điều hành, hoạt động ứng phó thiên tai của các cấp, các ngành, cộng đồng dân cư trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Đài KTTV tỉnh và các đơn vị có liên quan thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về kỹ năng ứng phó một số loại hình tai như lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, rét hại, nắng nóng...

2.14. Đài Khí tượng Thủy văn Bắc Ninh

Tổ chức thực hiện cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai trên địa bàn tỉnh; thường xuyên cập nhật thông tin về diễn biến thời tiết thủy văn của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, các đài Khí tượng khu vực, tổng hợp phát hành các bản tin thông báo, dự báo, cảnh báo về thiên tai đặc biệt là bão/ATNĐ, mưa, lũ, lũ quét, sạt lở đất trên địa bàn toàn tỉnh. Yêu cầu dự báo phải chính xác, kịp thời, có chất lượng cao.

Phối hợp chặt chẽ với Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh chi tiết hóa bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai được Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia ban hành, thông báo về Ban Chỉ huy PTDS tỉnh. Tổ chức dự báo, cảnh báo và truyền tin về thiên tai, cấp độ RRTT trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định tại Quyết định số 18/2021/QĐ- TTg.

2.15. Công ty Điện lực Bắc Ninh

Tổ chức thực hiện phương án bảo vệ an toàn hệ thống lưới điện trong mọi tình huống để đảm bảo cấp điện an toàn, ổn định phục vụ ứng phó thiên tai. Triển khai thực hiện phương án đảm bảo cấp điện 24/24h phục vụ vận hành tràn các trạm bơm tiêu khi có yêu cầu.

2.16. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp trong khu công nghiệp xây dựng, rà soát và tổ chức thực hiện phương án ứng phó thiên tai, bảo đảm phù hợp với đặc điểm sản xuất, kinh doanh và điều kiện thực tế của từng doanh nghiệp.

Tổ chức kiểm tra, đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho người lao động, nhà xưởng, kho tàng, máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và hàng hóa trước khi thiên tai xảy ra.

Phối hợp với các sở, ngành, địa phương và đơn vị quản lý hạ tầng khu công nghiệp triển khai các biện pháp phòng, chống ngập úng, bảo đảm tiêu thoát nước, an toàn hệ thống điện, viễn thông, cấp nước và các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp.

Chỉ đạo các doanh nghiệp tạm dừng hoặc hạn chế các hoạt động sản xuất, thi công có nguy cơ mất an toàn khi thiên tai diễn biến phức tạp theo chỉ đạo của BCH PTDS tỉnh.

Tổ chức kiểm tra, rà soát các công trình đang xây dựng, các hạng mục có nguy cơ mất an toàn để kịp thời gia cố, khắc phục, hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra.

Phối hợp với lực lượng chức năng và chính quyền địa phương tổ chức sơ tán người lao động, bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản khi có tình huống khẩn cấp.

Duy trì thông tin liên lạc và phương án sản xuất an toàn nhằm hạn chế gián đoạn chuỗi cung ứng và hoạt động sản xuất của doanh nghiệp

Tổng hợp tình hình thiệt hại, công tác ứng phó và nhu cầu hỗ trợ của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp; báo cáo kịp thời về Ban Chỉ huy PTDS tỉnh và UBND tỉnh theo quy định.

Phối hợp huy động lực lượng, phương tiện, vật tư của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai khi có yêu cầu của Ban Chỉ huy PTDS tỉnh và UBND tỉnh.

Chỉ đạo các đơn vị quản lý, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp bố trí lực lượng, phương tiện, vật tư ứng trực; sẵn sàng xử lý các sự cố về ngập úng, điện, thông tin liên lạc, giao thông nội bộ và các tình huống khẩn cấp khác phát sinh do thiên tai.

Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức khắc phục hậu quả, nhanh chóng khôi phục hoạt động sản xuất, kinh doanh sau thiên tai.

2.17. UBND cấp xã

UBND cấp xã là lực lượng trực tiếp tổ chức triển khai các hoạt động ứng phó tại cơ sở, thực hiện phương châm "bốn tại chỗ" và là cấp đầu tiên xử lý các tình huống thiên tai xảy ra trên địa bàn. UBND cấp xã có trách nhiệm trong ứng phó thiên tai như sau:

Tổ chức triển khai thực hiện các chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn.

Xây dựng, rà soát, cập nhật và tổ chức thực hiện phương án ứng phó thiên tai của xã, phường phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế của địa phương; xác định các khu vực trọng điểm, xung yếu, khu vực có nguy cơ xảy ra ngập lụt, lũ, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, khu vực có nguy cơ mất an toàn để chủ động triển khai các biện pháp ứng phó.

Theo dõi chặt chẽ diễn biến thiên tai; tổ chức thông tin, cảnh báo kịp thời đến người dân bằng các hình thức phù hợp; hướng dẫn người dân chủ động thực hiện các biện pháp phòng tránh, ứng phó thiên tai.

Huy động và sử dụng hiệu quả lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, dân quân tự vệ, công an, các tổ chức chính trị - xã hội và lực lượng tại chỗ để triển khai công tác ứng phó theo phương châm "bốn tại chỗ".

Tổ chức chằng chống nhà cửa, bảo vệ công trình công cộng, trường học, trạm y tế, cơ sở hạ tầng thiết yếu; hỗ trợ người dân bảo vệ tài sản, vật nuôi, cây trồng trước khi thiên tai xảy ra.

Tổ chức sơ tán người dân, tài sản ra khỏi khu vực nguy hiểm; bố trí nơi sơ tán an toàn; bảo đảm các điều kiện thiết yếu phục vụ người dân trong thời gian sơ tán.

Tổ chức tuần tra, canh gác, cấm biển cảnh báo tại các khu vực nguy hiểm; kiểm soát người và phương tiện qua các khu vực ngập sâu, khu vực có nguy cơ mất an toàn; kiên quyết không để người dân ở lại hoặc đi vào khu vực nguy hiểm.

Chủ động chuẩn bị lực lượng, vật tư, phương tiện, nhu yếu phẩm thiết yếu phục vụ công tác ứng phó, cứu hộ cứu nạn và hỗ trợ người dân khi xảy ra thiên tai.

Tổ chức lực lượng thường trực, ứng trực 24/24 giờ trong thời gian xảy ra thiên tai; kịp thời xử lý các tình huống phát sinh theo thẩm quyền và báo cáo cấp có thẩm quyền đối với các tình huống vượt khả năng xử lý.

Phối hợp với các lực lượng quân đội, công an, cơ quan chuyên môn và các đơn vị liên quan trong công tác cứu hộ, cứu nạn, bảo đảm an ninh trật tự và khắc phục hậu quả thiên tai.

Thông kê, đánh giá thiệt hại; tổng hợp nhu cầu hỗ trợ của người dân; tổ chức khắc phục hậu quả, vệ sinh môi trường, ổn định đời sống và khôi phục sản xuất sau thiên tai.

Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định; kịp thời đề xuất UBND cấp tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ lực lượng, vật tư, phương tiện và kinh phí khi cần thiết.

V. NHIỆM VỤ CỤC THỂ CỦA MỘT SỐ ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH

1. Ban Chỉ huy PTKV 1 - Chũ

- Phối hợp với các xã, phường tiến hành kiểm tra, rà soát, xác định các khu vực trọng điểm thiên tai, các khu vực nguy cơ xảy ra sạt lở đất đá, tuyến đê, kè, hồ, đập xung yếu, các khu vực ngập lụt, chia cắt; chuẩn bị lượng đất, đá dự phòng trên các khu vực trọng điểm, tối thiểu là 2.000 m³ đất đá/1km đập và các loại vật chất, phương tiện khác theo quy định. Có các phương án phòng chống lũ ống, lũ quét, sạt lở đất các tuyến giao thông trên địa bàn đảm nhiệm;

- Chủ động chuẩn bị đầy đủ lực lượng phương tiện, cơ sở vật chất; hiệp đồng chặt chẽ với Trung đoàn 18/Sư đoàn 325/QĐ12, Trường bắn Quốc gia KV1, Lữ đoàn Công binh 575, Trung đoàn 462/f338/QK1, Lữ đoàn Công binh - Công trình DBĐV 45/Binh đoàn 19, tham gia làm nhiệm vụ PCTT&TKCN, PCCN, CR, CS và khắc phục hậu quả trên địa bàn đảm nhiệm. Đồng thời, sẵn sàng huy động dDBĐV khi có lệnh.

- Tổ chức lực lượng tuần tra, canh gác, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm Luật Bảo vệ đê điều, kịp thời phát hiện các sự cố về đê, đập, kè, cầu, cống; có biện pháp khắc phục bảo đảm an toàn các công trình phòng chống thiên tai do địa phương quản lý; khi có tình huống ngập úng trên các tuyến đường xã, phường cử người canh trực không cho người và phương tiện đi lại.

- Xây dựng phương án sơ tán người, tài sản của Nhà nước và Nhân dân ra khỏi khu vực chập lũ, khu vực có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét và ngập sâu đến nơi an toàn; chỉ huy điều hành lực lượng, phương tiện thuộc quyền tham gia khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra khi có tình huống;

- Sử dụng lực lượng BĐDP và DQCD xã, phường, trang bị, phương tiện đầy đủ bảo đảm sẵn sàng tham gia chữa cháy, sẵn sàng cơ động tham gia cứu sập hầm khai thác than của Nhà máy nhiệt điện Sơn Động thuộc xã Tây Yên Tử khi có lệnh.

2. Ban Chỉ huy PTKV 2 - Lạng Giang

Phối hợp với các xã, phường tiến hành kiểm tra, rà soát, xác định các khu vực trọng điểm thiên tai, các khu vực nguy cơ xảy ra sạt lở đất đá, tuyến đê, kè, hồ, đập xung yếu, các khu vực ngập lụt, chia cắt; chuẩn bị lượng đất, đá dự phòng trên các khu vực trọng điểm, tối thiểu là 2.000 m³ đất đá/1km đê. Các vị trí khác từ 200 đến 500 m³/1km đê; tại các cống dưới đê có từ 50 - 100 m³, các cống lớn có 200 m³;

mỗi xã giáp sông, ngoài đê phải có 40 - 50 chiếc thuyền nan và các loại vật chất, phương tiện khác theo quy định. Chủ động chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, cơ sở vật chất; hiệp đồng chặt chẽ với Sư đoàn BB3/QK1, Sư đoàn 306/QK1; Sư đoàn 365/QCPK-KQ; Trường Quân Sự/QĐ12 tham gia làm nhiệm vụ PCTT&TKCN, làm nhiệm vụ ứng cứu hộ đê:

- Tuyến đê Tả Thương (đê cấp II): Từ K0 đến K27+300 (xã Mỹ Thái, phường Tân Tiến, phường Tân An) toàn tuyến tiềm ẩn các sự cố sạt trượt, sủi, đùn, xấp xỉ tràn; sạt trượt mái đê phía sông đoạn từ K22+500 đến K22+600 (TDP Xuân Trung, phường Tân Tiến); rò rỉ ở sát chân đê phía đồng tại K22+800 (TDP Tân Mỹ, phường Tân An) và tại K26+250 (TDP Hồng Sơn, phường Tân An) xuất hiện do ảnh hưởng cơn bão số 3 - Yagi năm 2024.

- Tuyến đê Hữu Thương (đê cấp III): Đoạn từ K41 đến K43+400 do dòng chảy áp sát bờ, lòng sông gần bờ và sâu; nạn khai thác cát trái phép những năm trước đây gây sụt chân đê, chân đê xuất hiện hàm ếch ăn sâu gây sạt trượt, lở chân đê, riêng tại vị trí K43+230 đến K43+364,5 tuyến đê hữu Thương, phường Tiên Phong mới được sửa chữa, gia cố xử lý lún, nứt (khu vực TDP Sòi, TDP Tân Mỹ, TDP Phan Sơn, phường Tiên Phong).

- Tuyến đê Tả Thương Dương Đức (đê cấp III): Từ K0 đến K7+ 033 (xã Tiên Lục, xã Mỹ Thái) toàn tuyến tiềm ẩn các sự cố sạt trượt, sủi, đùn, xấp xỉ tràn; đoạn Từ K0 (thôn Bến Tuần, xã Mỹ Hà) đến K5+150 (thôn Đức Thọ, xã Mỹ Thái).

- Tuyến đê Hữu Lục nam (đê cấp III): Từ K0 đến K15+450 (xã Lục Nam, xã Bắc Lũng) toàn tuyến tiềm ẩn các sự cố sạt trượt, sủi, đùn, xấp xỉ tràn; xử lý sạt lở bãi sông đê hữu sông Lục Nam đoạn K2+800 đến K2+900 (thôn Trầm Mới, xã Lục Nam); đoạn K6+ 450 đến K6+650 (thôn Hạ, xã Bắc Lũng); đoạn K14 đến K14+400 (thôn Chiến Thắng, xã Bắc Lũng); chống thấm lậu, sạt trượt mái cơ đê phía đồng đoạn từ K13+800 đến K14+700 (xã Bắc Lũng).

- Tuyến đê Tả Cầu Ba tổng đoạn từ K0 (TDP Tân Sơn, phường Yên Dũng) đến K21+350 (thôn Nam, xã Đồng Việt); tuyến đê Tả sông Thương từ phường Bắc Giang đến phường Tân An; tuyến đê Hữu sông Thương từ phường Đa Mai đến xã Đồng Việt;

3. Ban Chỉ huy PTKV3 - Tân Yên

- Phối hợp với các xã, phường tiến hành kiểm tra, rà soát, xác định các khu vực trọng điểm thiên tai, các khu vực nguy cơ xảy ra sạt lở đất đá, tuyến đê, kè, hồ, đập xung yếu, các khu vực ngập lụt, chia cắt; chuẩn bị lượng đất, đá dự phòng trên

các khu vực trọng điểm, tối thiểu là 2.000 m³ đất đá/1km đê. Các vị trí khác từ 200 đến 500 m³/1km đê; tại các cống dưới đê có từ 50 - 100 m³, các cống lớn có 200 m³; mỗi xã giáp sông, ngoài đê phải có 40 - 50 chiếc thuyền nan và các loại vật chất, phương tiện khác theo quy định. Chủ động chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, cơ sở vật chất; hiệp đồng chặt chẽ với Tiểu đoàn 15, 16, 17, 18/Sư đoàn BB3/QK1; Lữ đoàn PB675/BTLBP; Trường Cao đẳng Biên phòng/BĐBP; Kho K23/CKT; Lữ đoàn 409/QK1, Trung đoàn 831 tham gia làm nhiệm vụ PCTT&TKCN trên địa bàn, ứng cứu hộ đê:

- Tuyến đê Tả Cầu (đê cấp III): Từ K0 đến K60+ 458 (xã Hiệp Hòa, Xuân Cẩm, Hợp Thịnh, phường Vân hà, phường Nénh) toàn tuyến tiềm ẩn các sự cố sạt trượt, sủi, đùn, xấp xỉ tràn; đoạn từ K33 đến K34+00 (thôn Xuân Thành, xã Xuân Cẩm); đoạn từ K39+600 (thôn Yên Ninh, xã Hiệp Hòa) đến K60+500 (TDP Một, phường Nénh); xử lý sạt trượt mái phía sông đoạn K39+900 đến K40+135; K42 đến K42+600; K47+400 đến K52; đoạn từ K58 đến K58+800; K59+670 đến K60+500; K53+500 đến K53+550 và K60+500 (TDP Quang Biểu, phường Nénh);

- Xử lý các sự cố về cống: Cống xả trạm bơm Cẩm Bào tại K20+300 đê tả Cầu, xã Xuân Cẩm; Cống Đại La đoạn K15+500 (thôn Trung Hưng, xã Hợp Thịnh); Cống tiêu Xuân Thành đoạn K 35+500 (thôn Xuân Thành, xã Xuân Cẩm); Cống Yên Ninh đoạn K38+600 (thôn Yên Ninh, xã Hiệp Hòa).

4. Ban Chỉ huy PTKV4 - Hạp Lĩnh

- Phối hợp với các xã, phường tiến hành kiểm tra, rà soát, xác định các khu vực trọng điểm thiên tai, các khu vực nguy cơ xảy ra sạt lở đất đá, tuyến đê, kè, hồ, đập xung yếu, các khu vực ngập lụt, chia cắt; chuẩn bị lượng đất, đá dự phòng trên các khu vực trọng điểm, tối thiểu là 2.000 m³ đất đá/1km đê. Các vị trí khác từ 200 đến 500 m³/1km đê; tại các cống dưới đê có từ 50 - 100 m³, các cống lớn có 200 m³; mỗi xã giáp sông, ngoài đê phải có 40 - 50 chiếc thuyền nan và các loại vật chất, phương tiện khác theo quy định;

- Chủ động chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, cơ sở vật chất; hiệp đồng chặt chẽ với Lữ đoàn 164, Lữ đoàn 673, Lữ đoàn 203/QĐ12, Sư đoàn BB3, Lữ đoàn Công binh 575/QK1; Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh; Trung đoàn 284/f365/QCPKKQ; Tiểu đoàn 62/f361/Quân chủng PKKQ; Trường Sĩ quan Chính trị; Bệnh viện Quân y 110/CHC-KT/QK1; Viettel Bắc Ninh/Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội tham gia làm nhiệm vụ PCTT&TKCN trên địa bàn, ứng cứu hộ đê:

+ Bảo vệ an toàn tuyến đê hữu sông Cầu từ phường Kinh Bắc, phường Vũ Ninh đến xã Nhân Hòa;

+ Bảo vệ an toàn tuyến đê hữu sông Cầu từ phường Nhân Hòa đến hết xã Phù Lãng;

+ Bảo vệ an toàn tuyến đê hữu sông Đuống từ Phường Thuận Thành, Mão Điền đến xã Đại Lai, Nhân Thắng;

+ Sẵn sàng tham gia tìm kiếm cứu nạn trên các địa bàn khác khi Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh yêu cầu;

5. Quân đoàn 12

Quân đoàn chỉ đạo đơn vị thuộc quyền hiệp đồng chặt chẽ với Ban Chỉ huy PTKV 1- Chũ, Ban Chỉ huy PTKV 2 - Lạng Giang, Ban Chỉ huy PTKV 4 - Hạp Lĩnh và chính quyền địa phương các xã, phường trên địa bàn đảm nhiệm; tổ chức trình sát thực địa, xây dựng kế hoạch, sẵn sàng huy động 4.250 đồng chí và phương tiện tham gia ứng cứu hộ đê, đập, cống, xử lý các sự cố do thiên tai gây ra, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn đảm nhiệm. Cụ thể:

a) Ứng cứu hộ đê, đập tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả lũ ống, lũ quét, ngập lụt trên địa bàn các xã, phường thuộc Ban Chỉ huy PTKV 1- Chũ đảm nhiệm quân số 400 đồng chí eBB 18/f325. Các trọng điểm:

- Lũ ống, lũ quét, ngập lụt trên địa bàn các xã: Đại Sơn, Yên Định, Tuấn Đạo, Đèo Gia, Nam Dương, phường Chũ. Thôn Nhân Lý, thôn Đàng xã Trường Sơn (nguy cơ lũ, ngập lụt cục bộ khi có mưa lớn). Phường Tân An, phường Yên Dũng;

- Đập của 2 hồ: Đập đất của hồ Lân, đập đất của hồ Khuôn Thắm, xã Đại Sơn.

- Đập Trại Muối xã Lục Ngạn;

- Đập Khuôn Thân, xã Kiên Lao; đập Hàm Rồng, xã Nam Dương; đập Đá Mai, phường Chũ;

- Đập đất của hồ Đá Cốc, đập đất của hồ Cửa Cốc xã Nghĩa Phương; đập đất của hồ Khoanh Song, xã Trường Sơn.

b) Đảm nhiệm ứng cứu hộ đê, đập tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả lũ ống, lũ quét, ngập lụt trên địa bàn các xã, phường thuộc Ban Chỉ huy PTKV 2- Lạng Giang đảm nhiệm quân số 700 đ/c (TQS/QĐ12). Các trọng điểm:

- Tuyến đê Tả Thương (đê cấp II): Từ K0 đến K27+300 (xã Mỹ Thái, phường Tân Tiến, phường Tân An) toàn tuyến tiềm ẩn các sự cố sạt trượt, sủi, đùn, xấp xỉ

tràn; sạt trượt mái đê phía sông đoạn từ K22+500 đến K22+600 (TDP Xuân Trung, phường Tân Tiến); rò rỉ ở sát chân đê phía đồng tại K22+800 (TDP Tân Mỹ, phường Tân An) và tại K26+250 (TDP Hồng Sơn, phường Tân An) xuất hiện do ảnh hưởng cơn bão số 3 - Yagi năm 2024;

- Tuyến đê Hữu Thương (đê cấp III): Đoạn từ K41 đến K43+400 do dòng chảy áp sát bờ, lòng sông gần bờ và sâu; nạn khai thác cát trái phép những năm trước đây gây sụt chân đê, chân đê xuất hiện hàm ếch ăn sâu gây sạt trượt, lở chân đê, riêng tại vị trí K43+230 đến K43+364,5 tuyến đê hữu Thương, phường Tiên Phong mới được sửa chữa, gia cố xử lý lún, nứt (khu vực TDP Sòi, TDP Tân Mỹ, TDP Phấn Sơn, phường Tiên Phong);

- Tuyến đê Tả Thương Dương Đức (đê cấp III): Từ K0 đến K7+ 033 (xã Tiên Lục, xã Mỹ Thái) toàn tuyến tiềm ẩn các sự cố sạt trượt, sủi, đùn, xấp xỉ tràn; đoạn Từ K0 (thôn Bến Tuần, xã Mỹ Hà) đến K5+150 (thôn Đức Thọ, xã Mỹ Thái);

- Tuyến đê Hữu Lục nam (đê cấp III): Từ K0 đến K15+450 (xã Lục Nam, xã Bắc Lũng) toàn tuyến tiềm ẩn các sự cố sạt trượt, sủi, đùn, xấp xỉ tràn; xử lý sạt lở bãi sông đê hữu sông Lục Nam đoạn K2+800 đến K2+900 (thôn Trầm Mới, xã Lục Nam); đoạn K6+ 450 đến K6+650 (thôn Hạ, xã Bắc Lũng); đoạn K14 đến K14+400 (thôn Chiến Thắng, xã Bắc Lũng); chống thấm lậu, sạt trượt mái cơ đê phía đồng đoạn từ K13+800 đến K14+700 (xã Bắc Lũng);

- Tuyến đê Tả Cầu Ba tổng đoạn từ K0 (TDP Tân Sơn, phường Yên Dũng) đến K21+350 (thôn Nam, xã Đông Việt); tuyến đê Tả sông Thương từ phường Bắc Giang đến phường Tân An; tuyến đê Hữu sông Thương từ phường Đa Mai đến xã Đông Việt.

c) Đảm nhiệm ứng cứu hộ đê, đập tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả lũ ống, lũ quét, ngập lụt trên địa bàn các xã, phường thuộc Ban Chỉ huy PTKV 4 - Hạng Lĩnh đảm nhiệm (Quân số 3.150 đồng chí). Các trọng điểm:

- Bảo vệ an toàn tuyến đê hữu sông Cầu từ phường Kinh Bắc, phường Vũ Ninh đến xã Nhân Hòa: 600 đ/c (Lũ 164=250 đồng chí, Lũ 673=200 đ/c, Lũ 203=150 đồng chí);

- Bảo vệ an toàn tuyến đê hữu sông Cầu từ phường Nhân Hòa đến hết xã Phù Lãng: 1.550 đồng chí (Quân số e101=1.100 đồng chí, dTT=450);

- Bảo vệ an toàn tuyến đê hữu sông Đuống từ Phường Thuận Thành, Mão Điền đến xã Đại Lai, Nhân Thắng: e95=1000 đồng chí;

d) Sẵn sàng tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các sự cố khác trên các địa bàn tỉnh khi Ban Chỉ huy PTDS tỉnh yêu cầu.

6. Sư đoàn BB3/QK1

Chỉ đạo đơn vị thuộc quyền hiệp đồng chặt chẽ với Ban Chỉ huy PTKV 1-Chũ, Ban Chỉ huy PTKV 2 - Lạng Giang, Ban Chỉ huy PTKV 3 - Tân Yên, Ban Chỉ huy PTKV 4- Hạp Lĩnh và chính quyền địa phương các xã, phường trên địa bàn đảm nhiệm; tổ chức trình sát thực địa, xây dựng kế hoạch, sẵn sàng huy động 3.900 đ/c và phương tiện tham gia ứng cứu hộ đê, đập, cống, xử lý các sự cố do thiên tai gây ra, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn đảm nhiệm.

a) Đảm nhiệm ứng cứu hộ đê, đập, cống tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả lũ ống, lũ quét, ngập lụt trên địa bàn các xã, phường thuộc Ban Chỉ huy PTKV 1- Chũ, Ban Chỉ huy PTKV 2- Lạng Giang đảm nhiệm (Quân số 1.700 đồng chí trong đó: eBB2: 700 đồng chí, eBB12: 1000 đồng chí). Các trọng điểm:

- Tuyến đê Tả Thương (đê cấp II): Từ K0 đến K27+300 (xã Mỹ Thái, phường Tân Tiến, phường Tân An) toàn tuyến tiềm ẩn các sự cố sạt trượt, sùi, đùn, xấp xỉ tràn; sạt trượt mái đê phía sông đoạn từ K22+500 đến K22+600 (TDP Xuân Trung, phường Tân Tiến); rò rỉ ở sát chân đê phía đồng tại K22+800 (TDP Tân Mỹ, phường Tân An) và tại K26+250 (TDP Hồng Sơn, phường Tân An) xuất hiện do ảnh hưởng cơn bão số 3 - Yagi năm 2024;

- Tuyến đê Hữu Thương (đê cấp III): Đoạn từ K41 đến K43+400 do dòng chảy áp sát bờ, lòng sông gần bờ và sâu; nạn khai thác cát trái phép những năm trước đây gây sụt chân đê, chân đê xuất hiện hàm ếch ăn sâu gây sạt trượt, lở chân đê, riêng tại vị trí K43+230 đến K43+364,5 tuyến đê hữu Thương, phường Tiên Phong mới được sửa chữa, gia cố xử lý lún, nứt (khu vực TDP Sòi, TDP Tân Mỹ, TDP Phan Sơn, phường Tiên Phong);

- Tuyến đê Tả Thương Dương Đức (đê cấp III): Từ K0 đến K7+ 033 (xã Tiên Lục, xã Mỹ Thái) toàn tuyến tiềm ẩn các sự cố sạt trượt, sùi, đùn, xấp xỉ tràn; đoạn Từ K0 (thôn Bến Tuần, xã Mỹ Hà) đến K5+150 (thôn Đức Thọ, xã Mỹ Thái);

- Tuyến đê Hữu Lục nam (đê cấp III): Từ K0 đến K15+450 (xã Lục Nam, xã Bắc Lũng) toàn tuyến tiềm ẩn các sự cố sạt trượt, sùi, đùn, xấp xỉ tràn; xử lý sạt lở bãi sông đê hữu sông Lục Nam đoạn K2+800 đến K2+900 (thôn Trầm Mới, xã Lục Nam); đoạn K6+ 450 đến K6+650 (thôn Hạ, xã Bắc Lũng); đoạn K14 đến K14+400 (thôn Chiến Thắng, xã Bắc Lũng); chống thấm lậu, sạt trượt mái cơ đê phía đồng đoạn từ K13+800 đến K14+700 (xã Bắc Lũng);

- Tuyến đê Tả Cầu Ba tổng đoạn từ K0 (TDP Tân Sơn, phường Yên Dũng) đến K21+350 (thôn Nam, xã Đồng Việt); tuyến đê Tả sông Thương từ phường Bắc Giang đến phường Tân An; tuyến đê Hữu sông Thương từ phường Đa Mai đến xã Đồng Việt;

- Đảm nhiệm ứng cứu hộ đập, cống: Đập Hồ Cao, xã Kép; đập khuôn thân/xã Kiên Lao, cống Đa Mai (K36+700), phường Đa Mai; cống Bún K38+150 đê Hữu Thương phường Tiên Phong;

- Đảm nhiệm ứng cứu ngập úng trong mưa lũ: Các phường Tiên Phong, Tân An, Yên Dũng, xã Đồng Việt.

b) Đảm nhiệm ứng cứu hộ đê, đập tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả lũ ống, lũ quét, ngập lụt trên địa bàn các xã, phường thuộc Ban Chỉ huy PTKV 3- Tân Yên đảm nhiệm (Quân số 800 đồng chí, trong đó: d14,15: 400 đồng chí, d17,18: 400 đồng chí). Các trọng điểm:

- Tuyến đê Tả Cầu (đê cấp III): Từ K0 đến K60+ 458 (xã Hiệp Hòa, Xuân Cẩm, Hợp Thịnh, phường Vân Hà, phường Nénh) toàn tuyến tiềm ẩn các sự cố sạt trượt, sủi, đùn, xấp xỉ tràn; đoạn từ K33 đến K34+00 (thôn Xuân Thành, xã Xuân Cẩm); đoạn từ K39+600 (thôn Yên Ninh, xã Hiệp Hòa) đến K60+500 (TDP Một, phường Nénh); xử lý sạt trượt mái phía sông đoạn K39+900 đến K40+135; K42 đến K42+600; K47+400 đến K52; đoạn từ K58 đến K58+800; K59+670 đến K60+500; K53+500 đến K53+550 và K60+500 (TDP Quang Biểu, phường Nénh);

- Xử lý các sự cố về cống: Cống xả trạm bơm Cẩm Bào tại K20+300 đê tả Cầu, xã Xuân Cẩm; Cống Đại La đoạn K15+500 (thôn Trung Hưng, xã Hợp Thịnh); Cống tiêu Xuân Thành đoạn K 35+500 (thôn Xuân Thành, xã Xuân Cẩm); Cống Yên Ninh đoạn K38+600 (thôn Yên Ninh, xã Hiệp Hòa);

- Sẵn sàng ứng cứu khu vực ngập úng các xã: Hiệp Hòa, Hợp Thịnh, Xuân Cẩm;

- Xử lý sạt trượt Núi Y Sơn, xã Hợp Thịnh;

- Xử lý sạt lở đất, đá: Khu vực núi Con Voi, TDP Ải Quang, phường Vân Hà;

- Đảm nhiệm ứng cứu cống xả trạm bơm Cẩm Bào tại K20+300 đê tả Cầu xã Xuân Cẩm.

c) Đảm nhiệm ứng cứu hộ đê tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả ngập lụt trên địa bàn các xã, phường thuộc Ban Chỉ huy PTKV 4- Hạp Lĩnh đảm nhiệm (Quân số 1.400 đồng chí):

- Ứng cứu chống tràn, cứu hộ, cứu nạn trên tuyến đê hữu sông Cầu thuộc địa bàn phường Quế Võ, phường Đào Viên, xã Nhân Hòa, xã Phù Lãng;

- Ứng cứu chống tràn, cứu hộ, cứu nạn trên tuyến đê hữu sông Cầu thuộc địa bàn xã Tam Giang, xã Yên Phong, xã Yên Trung, xã Tam Đa;

- Ứng cứu, chống tràn, cứu hộ, cứu nạn trên tuyến đê hữu sông Ngũ Huyện Khê xã Tiên Du, Đê bồi xã Phật Tích.

d) Sẵn sàng tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các sự cố khác trên các địa bàn tỉnh khi Ban Chỉ huy PTDS tỉnh yêu cầu.

7. Sư đoàn 306/QK1

Thực hiện hiệp đồng chặt chẽ với Ban Chỉ huy PTKV 1- Chũ, Ban chỉ huy PTKV 2 - Lạng Giang, Ban Chỉ huy PTKV 3 - Tân Yên và chính quyền địa phương các xã, phường trên địa bàn đảm nhiệm; tổ chức trinh sát thực địa, xây dựng kế hoạch, sẵn sàng huy động 50 đồng chí và phương tiện tham gia ứng cứu hộ đê, đập, cống, xử lý các sự cố do thiên tai gây ra, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn đảm nhiệm.

a) Đảm nhiệm ứng cứu hộ đê, đập trên địa bàn đảm nhiệm:

- Tuyến đê hữu sông Thương vị trí: Từ K0 ÷ K43+800 thuộc địa phận các phường Đa Mai, Tiên Phong và các xã Phúc Hòa, Tân Yên; toàn tuyến đang tiềm ẩn các sự cố sạt trượt, mạch dùn, mạch sủi, tuyến đê tả sông Thương vị trí: Từ K0 ÷ K27+300 thuộc địa phận các phường Bắc Giang, Mỹ Thái, Tân Tiến, Tân An; toàn tuyến đang tiềm ẩn các sự cố sạt trượt, mạch dùn, mạch sủi;

- Tuyến đê Hữu Lục nam (đê cấp III): Xử lý sạt lở bãi sông đoạn K2+800 đến K2+900 (thôn Trầm Mới, xã Lục Nam); đoạn K6+ 450 đến K6+650 (thôn Hạ, xã Bắc Lũng); đoạn K14 đến K14+400 (thôn Chiến Thắng, xã Bắc Lũng); chống thấm lậu, sạt trượt mái cơ đê phía đông đoạn từ K13+800 đến K14+700 (xã Bắc Lũng);

- Ứng cứu hộ đập: Đập Khuôn Thân/xã Kiên Lao.

b) Sẵn sàng tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các sự cố khác trên các địa bàn tỉnh khi Ban Chỉ huy PTDS tỉnh yêu cầu.

8. Sư đoàn 365/Quân chủng PK-KQ

Chỉ đạo đơn vị thuộc quyền hiệp đồng chặt chẽ với Ban Chỉ huy PTKV 2- Lạng Giang và chính quyền địa phương các xã, phường trên địa bàn đảm nhiệm; tổ chức trinh sát thực địa, xây dựng kế hoạch, sẵn sàng huy động 150 đồng chí và

phương tiện tham gia ứng cứu hộ đê, đập, cống, xử lý các sự cố do thiên tai gây ra, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn đảm nhiệm:

- Ứng cứu hộ đê tuyến đê tả Cầu Ba Tổng: Từ K0 (TDP Yên Sơn, phường Yên Dũng) đến K21+350 (thôn Thượng, xã Đồng Việt); đoạn từ K0+700 đến K0+800 (TDP Yên Hà, phường Yên Dũng); đoạn từ K9+300 đến K9+700 phường Yên Dũng).

- Sẵn sàng tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các sự cố khác trên các địa bàn tỉnh khi Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh yêu cầu.

9. Trường bản Quốc gia khu vực 1

Thực hiện hiệp đồng chặt chẽ với Ban Chỉ huy PTKV 1-Chũ, Ban Chỉ huy PTKV 3- Tân Yên và chính quyền địa phương các xã, phường trên địa bàn đảm nhiệm; tổ chức trinh sát thực địa, xây dựng kế hoạch, sẵn sàng huy động 50 đồng chí và phương tiện tham gia ứng cứu hộ đê, đập, cống, xử lý các sự cố do thiên tai gây ra, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn đảm nhiệm:

- Ứng cứu hộ đê tuyến đê hữu sông Thương vị trí: Từ K0 ÷ K43+800 thuộc địa phận các phường Đa Mai, Tiên Phong và các xã Phúc Hòa, Tân Yên; toàn tuyến đang tiềm ẩn các sự cố sạt trượt, mạch đùn, mạch sủi; tuyến đê tả sông Thương vị trí: Từ K0 ÷ K27+300 thuộc địa phận các phường Bắc Giang, Mỹ Thái, Tân Tiến, Tân An; toàn tuyến đang tiềm ẩn các sự cố sạt trượt, mạch đùn, mạch sủi.

- Đảm nhiệm ứng cứu hộ đập:

+ Đập Độc Bấu, xã Biên Sơn, Đập Đá Mài phường Chũ;

+ Đập Đá Mài, TDP Chính, phường Chũ.

+ Đập khuôn thân, xã Kiên Lao;

- Đảm nhiệm ứng cứu lũ ống, lũ quét và TKCN trên địa bàn xã Sa Lý, Tân Sơn, Biễn Động, Biên Sơn

- Sẵn sàng tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các sự cố khác trên các địa bàn tỉnh khi Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh yêu cầu.

10. Lữ đoàn Công binh 575/QK1

Hiệp đồng chặt chẽ với Ban Chỉ huy PTKV 1-Chũ, Ban Chỉ huy PTKV 4 - Hạp Lĩnh và chính quyền địa phương các xã, phường trên địa bàn đảm nhiệm; tổ chức trình sát thực địa, xây dựng kế hoạch, sẵn sàng huy động 160 đồng chí và phương tiện tham gia ứng cứu hộ đê, đập, cống, xử lý các sự cố do thiên tai gây ra, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn đảm nhiệm.

a) Đảm nhiệm ứng cứu hộ đê, đập, cống trên địa bàn các xã, phường thuộc Ban Chỉ huy PTKV 1- Chũ đảm nhiệm (Quân số 80 đồng chí):

- Đập đất của hồ Suối Nứa, hồ Cây Đa, hồ Va Khê, xã Đông Phú;

- Đập Khuôn Thần, xã Kiên Lao;

- Tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả lũ ống, lũ quét, ngập lụt trên địa bàn phường Phượng Sơn, phường Chũ. Thôn Nhân Lý xã Trường Sơn (nguy cơ lũ, ngập lụt cục bộ khi có mưa lớn).

b) Đảm nhiệm ứng phó với các thảm họa, sự cố, thiên tai và CHCN trên địa bàn các xã, phường thuộc Ban Chỉ huy PTKV 3 - Tân Yên đảm nhiệm (Quân số 80 đồng chí):

- Tuyến đê hữu sông Thương vị trí: Từ K0 ÷ K43+800 thuộc địa phận các phường Đa Mai, Tiên Phong và các xã Phúc Hòa, Tân Yên; toàn tuyến đang tiềm ẩn các sự cố sạt trượt, mạch đùn, mạch sủi,

- Tuyến đê tả sông Thương vị trí: Từ K0 ÷ K27+300 thuộc địa phận các phường Bắc Giang, Mỹ Thái, Tân Tiến, Tân An; toàn tuyến đang tiềm ẩn các sự cố sạt trượt, mạch đùn, mạch sủi.

c) Sẵn sàng tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các sự cố khác trên các địa bàn tỉnh khi Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh yêu cầu.

11. Kho K23/Cục Hậu cần-Kỹ thuật/QK1

Hiệp đồng chặt chẽ với Ban Chỉ huy PTKV 1- Tân Yên, Ban Chỉ huy PTKV 3 - Tân Yên và chính quyền địa phương các xã, phường trên địa bàn đảm nhiệm; tổ chức trình sát thực địa, xây dựng kế hoạch, sẵn sàng huy động 50 đồng chí và phương tiện tham gia ứng cứu hộ đê, đập, cống, xử lý các sự cố do thiên tai gây ra, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn đảm nhiệm.

a) Đảm nhiệm tham gia ứng cứu, hộ đê, đập trên địa bàn đảm nhiệm:

- Tuyến đê Tả Cầu đoạn từ K33 (thôn Mai Hạ, xã Xuân Cẩm) đến K39+600 (thôn Yên Ninh, xã Hiệp Hòa); đoạn xung yếu K33 + 400 đến K33 + 780 (thôn Xuân Thành, xã Xuân Cẩm).

- Tuyến đê hữu sông Thương vị trí: Từ K0 ÷ K43+800 thuộc địa phận các phường Đa Mai, Tiên Phong và các xã Phúc Hòa, Tân Yên; toàn tuyến đang tiềm ẩn các sự cố sạt trượt, mạch đùn, mạch sủi,

- Tuyến đê tả sông Thương vị trí: Từ K0 ÷ K27+300 thuộc địa phận các phường Bắc Giang, Mỹ Thái, Tân Tiến, Tân An; toàn tuyến đang tiềm ẩn các sự cố sạt trượt, mạch đùn, mạch sủi.

- Ứng cứu hộ đập: Đập Khuôn Thân/xã Kiên Lao.

b) Đảm nhiệm ứng cứu ngập úng các xã: Hiệp Hòa, Xuân Cẩm.

c) Đảm nhiệm ứng cứu sạt trượt núi Y Sơn địa phận xã Hợp Thịnh

d) Sẵn sàng tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các sự cố khác trên các địa bàn tỉnh khi Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh yêu cầu.

12. Lữ đoàn 409/QK1

Hiệp đồng chặt chẽ với Ban Chỉ huy PTKV 1 - Chũ, Ban Chỉ huy PTKV 3 - Tân Yên và chính quyền địa phương các xã, phường trên địa bàn đảm nhiệm; tổ chức trình sát thực địa, xây dựng kế hoạch, sẵn sàng huy động 100 đồng chí và phương tiện tham gia ứng cứu hộ đê, đập, cống, xử lý các sự cố do thiên tai gây ra, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn đảm nhiệm.

a) Đảm nhiệm ứng cứu hộ đê, đập trên địa bàn đảm nhiệm:

- Tuyến đê hữu sông Thương vị trí: Từ K0 ÷ K43+800 thuộc địa phận các phường Đa Mai, Tiên Phong và các xã Phúc Hòa, Tân Yên; toàn tuyến đang tiềm ẩn các sự cố sạt trượt, mạch đùn, mạch sủi;

- Tuyến đê tả sông Thương vị trí: Từ K0 ÷ K27+300 thuộc địa phận các phường Bắc Giang, Mỹ Thái, Tân Tiến, Tân An; toàn tuyến đang tiềm ẩn các sự cố sạt trượt, mạch đùn, mạch sủi.

- Tuyến đê tả Cầu đoạn từ K39+600 (TDP Phù Tài, phường Vân Hà) đến K60+500 (TDP Trúc Tay, phường Nénh).

b) Xử lý sạt lở đất, đá: Khu vực núi Con Voi, TDP Ải Quang, phường Vân Hà, do đang thi công xây dựng dự án sân Golf. Vị trí Tập kết TDP Ải Quang, phường Vân Hà.

- Đảm nhiệm ứng cứu hộ đê, đập; tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả lũ ống, lũ quét: Tuyến đê xung yếu đoạn từ K2+500 đến K3+200 đê Hữu Thương (thôn Dinh Tiến, xã Bồ Hạ); đoạn từ K7+550 đến K7+750 (thôn Xuân Lan, xã Bồ Hạ); đoạn từ K0+250 đến K1+100 tuyến đê Tả Sỏi thôn Sỏi; đoạn từ K0 đến K1 đê vòng, xã Bồ Hạ.

- Ứng phó sự cố về đập: Đập Chùa Sùng, xã Xuân Lương; đập Đá Ong, đập Cầu Rễ, xã Tam Tiến.

c) Sẵn sàng tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các sự cố khác trên các địa bàn tỉnh khi Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh yêu cầu.

13. Trường Cao đẳng Biên phòng/Bộ đội Biên phòng

Hiệp đồng chặt chẽ với Ban Chỉ huy PTKV 2 - Lạng Giang, Ban Chỉ huy PTKV 3 - Tân Yên và chính quyền địa phương các xã, phường trên địa bàn đảm nhiệm; tổ chức trinh sát thực địa, xây dựng kế hoạch, sẵn sàng huy động 100 đồng chí và phương tiện tham gia ứng cứu hộ đê, đập, công, xử lý các sự cố do thiên tai gây ra, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn đảm nhiệm.

a) Đảm nhiệm ứng cứu hộ đê:

- Tuyến đê hữu Thương đoạn từ K0 thôn Phúc Lễ, xã Phúc Hòa đến K30+200 TDP Khê Hạ, phường Đa Mai;

- Tuyến đê Hữu Thương: Đoạn từ K30+200 TDP Bùi đến K36+500 TDP Thanh Mai, phường Đa Mai.

b) Sẵn sàng tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các sự cố khác trên các địa bàn tỉnh khi Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh yêu cầu.

14. Lữ đoàn Công binh - Công trình DBĐV 45/Binh đoàn 19

Hiệp đồng chặt chẽ với Ban Chỉ huy PTKV 1- Chũ và chính quyền địa phương các xã, phường trên địa bàn đảm nhiệm; tổ chức trinh sát thực địa, xây dựng kế hoạch, sẵn sàng huy động 100 đ/c và phương tiện tham gia ứng cứu hộ đê,

đập, công, xử lý các sự cố do thiên tai gây ra, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn đảm nhiệm.

Sẵn sàng tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các sự cố khác trên các địa bàn tỉnh khi Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh yêu cầu.

15. Lữ đoàn 229/Binh chủng Công binh

Hiệp đồng chặt chẽ với Ban Chỉ huy PTKV4- Hạng Lãnh và chính quyền địa phương các xã, phường trên địa bàn đảm nhiệm; tổ chức trình sát thực địa, xây dựng kế hoạch, sẵn sàng huy động 200 đ/c và phương tiện tham gia ứng phó với sự cố thiên tai và cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn xã Yên Phong, phường Kinh Bắc.

Sẵn sàng tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các sự cố khác trên các địa bàn tỉnh khi Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh yêu cầu.

16. Trung đoàn 284/f365/QCPKKQ

Hiệp đồng chặt chẽ với Ban Chỉ huy PTKV4- Hạng Lãnh và chính quyền địa phương các phường Quế Võ, phường Phương Liễu, phường Nhân Hòa, phường Đào Viên, phường Bồng Lai, xã Chi Lăng, xã Phù Lãng; tổ chức trình sát thực địa, xây dựng kế hoạch, sẵn sàng huy động 150 đ/c và phương tiện tham gia ứng phó với các sự cố thiên tai và cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn đảm nhiệm.

Sẵn sàng tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các sự cố khác trên các địa bàn tỉnh khi Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh yêu cầu.

17. Tiểu đoàn 62/f361/Quân chủng PKKQ

Hiệp đồng chặt chẽ với Ban Chỉ huy PTKV4- Hạng Lãnh và chính quyền địa phương các phường Thuận Thành, phường Mão Điền, phường Trạm Lộ, phường Trí Quả, phường Song Liễu, phường Ninh Xá; tổ chức trình sát thực địa, xây dựng kế hoạch, sẵn sàng huy động số 30 và phương tiện tham gia ứng phó với các sự cố thiên tai và cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn đảm nhiệm.

Sẵn sàng tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các sự cố khác trên các địa bàn tỉnh khi Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh yêu cầu.

18. Trường Sĩ quan Chính trị

Hiệp đồng với Ban Chỉ huy PTKV4- Hạp Lĩnh và chính quyền địa phương các xã Tiên Du, xã Liên Bảo, xã Tân Chi, xã Phật Tích, xã Đại Đồng, phường Từ Sơn, phường Tam Sơn, phường Đồng Nguyên, phường Phù Khê (trừ tháng Học viên nghỉ hè); tổ chức trinh sát thực địa, xây dựng kế hoạch, sẵn sàng huy động 200 đ/c và phương tiện tham gia ứng phó với các sự cố thiên tai và cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn đảm nhiệm.

Sẵn sàng tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên các địa bàn tỉnh khi Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh yêu cầu.

19. Bệnh viện Quân y 110/CHC-KT/QK1

Đề nghị Bệnh viện Quân y 110 hiệp đồng chặt chẽ với Ban Chỉ huy PTKV 1, 2, 3, 4 và chính quyền địa phương các xã, phường trên địa bàn tỉnh; tổ chức trinh sát thực địa, xây dựng kế hoạch, sẵn sàng huy động 15 đồng chí (01 đội phẫu thuật cứu chữa cơ bản) và phương tiện tham gia ứng phó với các sự cố thiên tai và cứu hộ, cứu nạn, cứu chữa người bị nạn khi có tình huống thiên tai xảy ra.

20. Viettel Bắc Ninh/Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội

Hiệp đồng chặt chẽ với Ban Chỉ huy PTKV 1, 2, 3, 4 và chính quyền địa phương các xã, phường trên địa bàn tỉnh; tổ chức trinh sát thực địa, xây dựng kế hoạch, bảo đảm thông tin liên lạc giữa Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh với các đơn vị, phục vụ công tác chỉ huy, hiệp đồng, thông báo, báo động, báo cáo và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh.

Thông tin, truyền tin về diễn biến thiên tai qua điện thoại, truyền lệnh, mệnh lệnh điều động lực lượng, phương tiện bằng văn bản; trường hợp khẩn cấp bằng điện thoại sau đó chuyển văn bản sau.

PHỤ LỤC 1. CÁC TRỌNG ĐIỂM XUNG YẾU CÔNG TRÌNH TRONG ỨNG PHÓ THIÊN TAI

TT	Tên công trình	Vị trí (Km-Km)	Địa điểm	Tình trạng
I	Đê điều			
1	Hữu Thái Bình	K9+680 Cống tiêu tự chảy Văn Thai A	X. Trung Chính	Do ảnh hưởng của mưa lũ đặc biệt lớn sau bão số 3 năm 2024, cống đã xảy ra sự cố rò rỉ nước qua cánh cống vào trong đồng, đã tiến hành xử lý giờ đầu đắp hoành triệt cửa cống để đảm bảo an toàn chống lũ. Tháng 5/2025, cống xảy ra sự cố hư hỏng khớp nối, lún thân cống, hiện nay đang thi công cống mới thay thế; cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.
2	Hữu Đuống	K28+800 - K29+100 Thảm lậu mái đê	P. Thuận Thành	Do địa chất thân đê không đồng nhất, kết cấu thân đê chủ yếu là đất cát pha, khi nước lũ lên cao có nguy cơ xảy ra thảm lậu mái đê phía đồng.
3	Hữu Đuống	K32+800 Cống qua đê TB Ngọ Xá	P. Mão Điền	Cống mới xây dựng, chưa qua thử thách với lũ, cần theo dõi, kiểm tra thường xuyên.
4	Hữu Đuống	K55+000 - K59+100 Sạt lở mái đê phía sông	X. Cao Đức	Đây là khu vực có mặt thoáng sông rộng, tuyến đê vuông góc với hướng gió, khi nước lũ lên cao có nguy cơ sẽ gây ra hiện tượng sạt lở mái đê phía sông do sóng.
5	Tả Đuống	K28+500 - K30+000 Sạt lở mái đê phía sông	X. Phật Tích	Do mặt thoáng sông rộng, đê sát sông, không có hàng tre chắn sóng, khi mực nước lũ lên cao có nguy cơ sạt lở mái đê phía sông do sóng.
6	Tả Đuống	K30+350 - K30+850 Thảm lậu mái đê	X. Phật Tích	Do nền địa chất yếu, đất đắp đê không đồng chất, khi mực nước lũ lên cao có nguy cơ xảy ra thảm lậu mái đê phía đồng.

TT	Tên công trình	Vị trí (Km-Km)	Địa điểm	Tình trạng
7	Tả Đuống	K33+000 - K33+100 Sạt lở mái đê phía sông	X. Tân Chi	Do mặt thoáng sông rộng, đê sát sông, không có hàng tre chắn sóng, khi mực nước lũ lên cao có nguy cơ sạt lở mái đê phía sông do sóng.
8	Tả Đuống	K43+700 - K43+800 Sạt lở mái đê phía sông	X. Chi Lăng	Khi nước lũ lên cao có nguy cơ sạt lở mái đê phía sông do sóng. Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
9	Tả Đuống	K44+555 Công Long Phương	P. Bồng Lai	Mùa lũ năm 2017, cống bị sự cố rò rỉ mang cống, đỉnh cống, rách khớp nối số 1, bùn cát chảy vào trong lòng cống khi có lũ lên cao, ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn đê điều. Năm 2018 đã hoàn thành xử lý sự cố, cần tiếp tục theo dõi chặt chẽ, xử lý ngay khi phát sinh sự cố.
10	Hữu Cà Lò	K12+500 - K14+000 Lỗ rò mái đê	X. Tam Giang	Do ảnh hưởng của mưa lũ đặc biệt lớn sau bão số 3 năm 2024, nước lũ lên cao tại một số đoạn K12+750-K12+850; K13+800-K14+000 đã xuất hiện hiện tượng thấm lậu, lỗ rò tại mái đê phía đồng, sự cố đã được xử lý giờ đầu đảm bảo an toàn chống lũ. Cần tiếp tục theo dõi chặt chẽ để xử lý ngay khi phát sinh sự cố.
11	Hữu Cà Lò	K13+200 - K13+500 Tràn qua mặt đê	X. Tam Giang	Do ảnh hưởng của mưa lũ đặc biệt lớn năm 2025, nước lũ lên cao, đã phải đắp chống tràn cao (50-70)cm. Đoạn đê trên là đoạn thấp cục bộ dưới gầm cầu cao tốc Hà Nội Thái Nguyên.
12	Hữu Cầu	K31+750 Công trạm bơm Vọng	X. Tam Giang	Do ảnh hưởng của mưa lũ đặc biệt lớn sau bão số 3 năm 2024, nước lũ lên cao, đã xảy ra hiện tượng

TT	Tên công trình	Vị trí (Km-Km)	Địa điểm	Tình trạng
		Nguyệt		nước rò rỉ qua cánh cống về phía đồng.
13	Hữu Cầu	K37+500 - K37+750 Sạt trượt mái đê	X. Yên Trung	Trong đợt mưa lũ tháng 10,11 năm 2025, xảy ra sự cố sạt trượt mái đê phía đồng ăn sâu vào thân đê; mái đê hiện trạng dốc đứng.
14	Hữu Cầu	K46+750 Cống tiêu Phân Động	X. Tam Đa	Do ảnh hưởng của mưa lũ đặc biệt lớn sau bão số 3 năm 2024, nước lũ lên cao, đã xảy ra hiện tượng nước rò rỉ qua cánh cống về phía đồng.
15	Hữu Cầu	K57+400 - K58+950 Sạt trượt mái đê	P. Kinh Bắc	Đoạn đê nhiều năm không tham gia chống lũ (phía ngoài là đê bồi Đầu Hàn). Đây là khu vực có địa chất nền phức tạp, nhiều đầm ao ven chân đê, mặt thoáng sông rộng, nguy cơ xảy ra sạt trượt mái đê khi có lũ, bão.
16	Hữu Cầu	K77+000 Mạch đùn, mạch sủi	P. Quế Võ	Sau đợt mưa, lũ lớn năm 2025, tại K77+000 đê hữu Cầu xuất hiện 01 lỗ sủi tại khu vực ao phía đồng, cách chân đê khoảng 40m, đường kính khoảng (1-1,2)m. Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
17	Tả Cầu	K0+000 - K12+700 Sạt lở mái đê phía đồng, đùn sủi, tràn cục bộ	X. Hợp Thịnh	Tháng 10/2025, khi lũ lên cao đồng loạt xảy ra nhiều sự cố (sạt trượt mái đê phía đồng đoạn K0+250-K0+300, K6+900-K7+100, K9+450-K9+550; đùn sủi đoạn K2+500K2+600; tràn cục bộ các đoạn K2-K4+500, K6+500-K7+500, K8+500-K12+700. Các sự cố trên đã xử lý giờ đầu và được tỉnh ban hành Lệnh khẩn cấp xây dựng công trình từ K0-K10. Tuy nhiên, cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để

TT	Tên công trình	Vị trí (Km-Km)	Địa điểm	Tình trạng
				chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
18	Tả Cầu	K19+050 Cống Xuân Biều	X. Hợp Thịnh	Cánh công tự động đã hạn chế, xảy ra hiện tượng rò rỉ nước qua khe cánh cống. Cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.
19	Tả Cầu	K20+400 Cống lấy nước TB Cẩm Bào (cũ)	X. Xuân Cẩm	Tháng 6/2025, phát hiện sự cố đùn sủi tại khu vực bể hút trạm bơm Cẩm Bào, đã được xử lý giờ đầu nhưng chưa hoàn chỉnh. Cống xả TB Cẩm Bào mới hiện đang thi công, dự kiến xong trước 31/5/2026; chưa qua thử thách. Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
		K20+436 Cống lấy nước TB Cẩm Bào (mới)		
20	Tả Cầu	K29+500 - K30+050 Sạt trượt mái đê	X. Xuân Cẩm	Mái đê sát mái bờ sông, chưa có kè, khi nước lũ lên cao dễ gây sạt trượt mái đê phía sông.
21	Tả Cầu	K30+050 - K30+900 Tràn cục bộ mặt đê	X. Xuân Cẩm	Tháng 10/2025, khi mực nước sông vượt mức lũ lịch sử đã tràn cục bộ một số đoạn đê, nước lũ cao hơn mặt đê (20-40)cm, đã phải đắp chống tràn. Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra khi có lũ để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
22	Tả Cầu	K33+400 - K33+800 Sạt lở bãi sông	X. Xuân Cẩm	Khu vực K33+400–K33+800 xảy ra sự cố vỡ đê vào năm 1934. Mặt đê khu vực này có cao trình +9,65; cao trình bãi khoảng +(5,0–5,50), vị trí gần nhất cách chân đê từ (1015)m; mái bờ sông dốc đứng, địa chất nền bãi yếu. Bão số 11 (Matmo) năm 2025 và hoàn lưu sau bão đã gây ra mưa lớn. Lũ trên sông Cầu đã lên trên mức báo động III và vượt mức lũ

TT	Tên công trình	Vị trí (Km-Km)	Địa điểm	Tình trạng
				lịch sử, khu vực bãi sông này tiếp tục có diễn biến sạt lở.
23	Tả Cầu	K40+500 - K43+700 Thẩm lậu mái đê	P. Vân Hà	Khi nước lũ lên cao xuất hiện thẩm lậu mái đê; cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
24	Tả Cầu	K43+600 Cống Đồng Vôi	P. Vân Hà	Kênh kẹt cánh cống, nước rò rỉ qua khe cánh cống; cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên.
25	Tả Cầu	K47+400 - K49+000 Nứt mặt đê bê tông	P. Vân Hà	Xảy ra hiện tượng nứt mặt đê, vết nứt rộng từ (2-3)cm, khi nước lũ lên cao vết nứt phát triển thêm. Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
26	Tả Cầu	K52+440 - K52+455 Sự cố lún nứt mặt đê	P. Nénh	Xảy ra hiện tượng nứt mặt đê năm 2024, vết nứt rộng từ (2-5)cm, khi nước lũ lên cao vết nứt phát triển thêm. Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
27	Tả Cầu	K55+000 - K55+800 Nứt mặt đê bê tông	P. Nénh	Xảy ra hiện tượng nứt mặt đê, vết nứt rộng từ (4-8)cm, khi nước lũ lên cao vết nứt phát triển thêm. Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
28	Tả Thương	K2+600 - K4+800 Thẩm lậu mái đê	X. Mỹ Thái	Tháng 10/2025, lũ lên cao đã xuất hiện thẩm lậu nhỏ, thẩm lậu nước trong làm ướt mái đê phía đồng các đoạn từ K2+600-K3+625, K4+000-K4+800. Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.

TT	Tên công trình	Vị trí (Km-Km)	Địa điểm	Tình trạng
29	Tả Thương	K5+100 Cống Từ Mận	X. Mỹ Thái	Kênh kẹt, nước rò rỉ qua khe cánh cống. Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
30	Tả Thương	K15+930 Cống xả TB Văn Sơn	P. Tân Tiến	Tháng 8/2025, phần tiêu năng cửa cống phía sông bị sụt lún mái taluy cả hai bên, phần tiêu năng tách rời thân cống chuyển vị về phía sông. Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
31	Tả Thương	K16+600 - K22+700 Xử lý mái	P. Tân Tiến	Xuất hiện nhiều tổ mối ở mái đê, nguy cơ ảnh hưởng thân đê khi nước lũ dâng cao.
32	Tả Thương	K22+700 - K23+500 Sạt trượt mái cơ đê phía đồng	P. Tân An	Do mưa lớn ở thượng nguồn kéo dài, lũ trên sông Thương dâng cao trên báo động III, kết hợp ảnh hưởng của hoàn lưu bão gây mưa lớn. Tại khu vực K22+700-K23+500 chân đê phía đồng có đầm ao xuất hiện các vết nứt trên mái cơ đê, chiều dài khoảng 50m
33	Tả Thương Dương Đức	K2+300 - K2+600 Sạt lở mái đê phía sông và tràn cục bộ qua đê	X. Mỹ Thái	Tháng 10/2025, do lũ lên cao gây ra hiện tượng tràn và xấp xỉ tràn tại một số vị trí khu vực K2+300 - K2+600 và sạt lở mái đê phía sông khu vực K2+600. Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
34	Tả Thương Dương Đức	K6+700 Cống Đức Mại	X. Mỹ Thái	Cống được xây dựng đã lâu (năm 1962), hiện đã hư hỏng, xuống cấp, dễ xảy ra kênh kẹt cánh cống. Hiện đang thi công xây dựng cống mới, cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.

TT	Tên công trình	Vị trí (Km-Km)	Địa điểm	Tình trạng
35	Tả Thương Dương Đức	K6+780 Cống TB Đức Mai	X. Mỹ Thái	Cống đang thi công xây dựng mới, dự kiến hoàn thành 31/5/2026, chưa qua thử thách; cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra đề phòng các sự cố về cống.
36	Hữu Thương	K0+000 - K8+500 Tràn đê	X. Phúc Hoà	Tháng 10/2025, lũ lên cao đã bị tràn qua mặt đê một số đoạn (từ 0,15-0,35m). Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
37	Hữu Thương	K14+000 - K16+000 Thẩm lậu mái đê	X. Phúc Hoà	Tháng 10/2025, khi nước lũ lên cao xuất hiện thẩm lậu mái đê, thân đê; cần được theo dõi, xử lý.
38	Hữu Thương	K36+700 Cống Đa Mai	P. Đa Mai	Cống xây dựng từ lâu (năm 1937). Năm 2018 đã được duy tu, sửa chữa khắc phục sự cố gãy goong cánh cống. Cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng sự cố kênh kẹt cánh cống.
39	Hữu Thương	K43+000 Cống Đàm	P. Tiền Phong	Xảy ra hiện tượng kênh kẹt, rò rỉ nước qua khe cánh cống. Cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng sự cố kênh kẹt cánh cống.
40	Hữu Lục Nam	K2+700 Cống Cẩm Y	X. Lục Nam	Cống xây dựng đã lâu, khi nước sông lên cao xuất hiện lỗ rò qua khớp nối cống và rò rỉ qua kênh tưới phía đồng. Đã xử lý giờ đầu đắp chống tràn, khoan phụt vữa mang cống nhưng cần được theo dõi, kiểm tra để chủ động đối phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
41	Hữu Lục Nam	K12+500 - K14+750 Sạt lở mái đê, nứt mặt đê	X. Bắc Lũng	Xuất hiện các vết nứt trên mặt đê. Nhiều đoạn mặt đê bị lún nghiêng về phía đồng như tại K12+550, K12+800-K13+100, K13+250-K13+400; vết nứt

TT	Tên công trình	Vị trí (Km-Km)	Địa điểm	Tình trạng
				rộng từ (1-5)cm.
42	Hữu Lục Nam	K13+400 - K13+450 Sạt lở mái đê phía đồng	X. Bắc Lũng	Tháng 9/2024 mực nước lũ lên cao đã gây ra sạt mái phía đồng, chiều dài khoảng
				20m cung sạt ăn sâu vào mái từ (1,5-2)m. Đã xử lý gia cố chân nhưng cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
43	Hữu Lục Nam	K13+500 Cống Chản	X. Bắc Lũng	Cống được xây dựng từ lâu (năm 1962), dễ xảy ra kênh kẹt cánh cống, nước rò rỉ qua khe cánh cống.
44	Hữu Lục Nam	K15+450 Cống Mân	X. Bắc Lũng	Cống được xây dựng từ lâu (năm 1962), dễ xảy ra kênh kẹt cánh cống, nước rò rỉ qua khe cánh cống.
II	Hồ, đập			
1	Hồ Lân	Đập đất	Đại Sơn	
2	Hồ Khuôn Thắm	Đập đất	Đại Sơn	
3	Đập Trại Muối		Lục Ngạn	
4	Đập Khuôn Thần		Kiên Lao	
5	Đập Hàm Rồng		Nam Dương	
6	Đập Đá Mài		Chũ	
7	Hồ Đá Cốc	Đập đất	Nghĩa Phương	
8	Hồ Cửa Cốc	Đập đất	Nghĩa Phương	
9	Hồ Khoanh Song	Đập đất	Trùng Sơn	
10	Đập Hồ Cao		Lép	

TT	Tên công trình	Vị trí (Km-Km)	Địa điểm	Tình trạng
11	Đập Khuôn Thân		Kiên Lao	
12	Đập Độc Bấu		Biên Sơn	
13	Đập Đá Mài		TDP Chính, phường Chũ	
14	Hồ Suối Nứa	Đập đất	Đông Phú	
15	Hồ Cây Đa	Đập đất	Đông Phú	
16	Hồ Va Khê	Đập đất	Đông Phú	
III	Cống qua đê			
1	Cống Đa Mai	K36+700	Phường Đa Mai	
2	Cống Bún	K38+150	Đê Hữu Thương phường Tiền Phong	
3	Cống xả trạm bơm Cầm Bào	K20+300	Đê tả Cầu, xã Xuân Cầm	
4	Cống Đại La	K15+500	Thôn Trung Hưng, xã Hợp Thịnh	
5	Cống tiêu Xuân Thành	K 35+500	Thôn Xuân Thành, xã Xuân Cầm	
6	Cống Yên Ninh	K38+600	Thôn Yên Ninh, xã Hiệp Hòa	

PHỤ LỤC 2. CÁC KHU VỰC TRỌNG ĐIỂM XUNG YẾU ĐỐI VỚI THIÊN TAI LŨ, NGẬP LỤT

TT	Khu vực ảnh hưởng		Lưu vực sông
	Thôn, xóm, tổ dân phố(TDP)	Xã, phường	
1	Thôn Trung Sơn	Đại Sơn	Sông Lục Nam
2	Thôn Trung Sơn		
3	Điểm ngâm tràn thôn dân 3	Vân Sơn	Sông Lục Nam
4	Điểm ngâm tràn thôn sản 3		
5	Thôn Thanh Trà	An Lạc	Sông Lục Nam
6	Thôn Thống Nhất	Tây Yên Tử	Sông Lục Nam
7	Thôn Rỏn		
8	Thôn Cảnh và Thôn Lâm		
9	Thôn Mỏ Xẻ Đồng Mạ	Trường Sơn	Sông Lục Nam
10	Thôn Đoài	Tam Giang	Sông Cầu
11	Thôn Đoài (K13+200- K13+500)		
12	Thôn Diên Lộc		
13			

TT	Khu vực ảnh hưởng		Lưu vực sông
	Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP)	Xã, phường	
14	Thôn Đông Thái	Yên Phong	Sông Cầu
15	Thôn Đồng Xuyên		
16	Nghĩa Vũ, TDP Trung; Tĩnh Lộc, Trại Đồi, TDP Đanh, Nghĩa Thượng	P. Việt Yên	Sông Thương
17	Làng Chũ	P.Chũ	Sông Lục Nam
18	Ao Quế, Ao Tán, Phúc Hòa	Lục Ngạn	Sông Lục Nam
19	Thôn Trại Chùa, thôn Thượng, Cẩm Đàn, Đồng Chu, Trại Chùa, Nhân Định.	Yên Định	Sông Lục Nam
20	Làng Vũ Trù	Cẩm Lý	Sông Lục Nam
21	Đông Công Dưới		
22	Xuân Phú	Bắc Lũng	Sông Lục Nam
24	Thôn 20; Thôn Sàn	Lục Nam	Sông Lục Nam
25	An Lập, Ba Mô, Kim Tràng	Tân Yên	Sông Thương
26	Dương Quan Thượng	Mỹ Thái	Sông Thương

TT	Khu vực ảnh hưởng		Lưu vực sông
	Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP)	Xã, phường	
27	Dương Quan Hạ	Xã, phường	
28	Đức Mai		
29	Ổ Chương, Làng Bi, Thôn Tân Dinh	Lạng Giang	Sông Thương
30	Ngọc Sơn, Quang Thịnh, Đồi Bụt, Việt Hương, Chi Mìu, Phú Lợi	Kép	Sông Thương
31	Trại Đồng, Huè Đông	Đại Lai	Sông Đuống

PHỤ LỤC 3. CÁC KHU VỰC TRỌNG ĐIỂM XUNG YẾU ĐỐI VỚI THIÊN LŨ QUÉT, SẠT LỎ ĐẤT

TT	Tên vị trí sạt lở	Khu vực ảnh hưởng		Lưu vực sông	Chiều dài sạt lở (m)	Diện tích vùng sạt lở (m ²)	Toạ độ vị trí hoặc Ảnh có gắn toạ độ điểm sạt lở	
		Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP)	Xã, phường				Điểm đầu	
							X	Y
	Tổng cộng							
1	Thôn Dàn	Thôn Dàn	Vân Sơn	Sông Lục Nam	80		21,386149	106,948101
2	Thôn Dàn 3	Thôn Dàn 3			40		21,399129	106,94804
3	Thôn Sản	Thôn Sản			70		21,404915	106,973827
4	Thôn Biêng	Thôn Biêng	An Lạc	Sông Lục Nam	10000		21,358952	106,948039
5	Thôn Lạnh	Thôn Lạnh			2000		21,333858	106,902953
6	Thôn Chao	Thôn Chao	Sơn Động	Sông Lục Nam	2500		21,324136	106,851707
7	Thôn Ké	Thôn Ké			2000		21,325146	106,849698
8	Thôn Đoàn Kết	Thôn Đoàn Kết	Tây Yên Tử	Sông Lục Nam	600		21,216965	106,762322
9	Sau nhà ông Thăng	Thôn Tàu	Dương Hưu	Sông Lục Nam	30	900	21,20687	106,870816

TT	Tên vị trí sạt lở	Khu vực ảnh hưởng		Lưu vực sông	Chiều dài sạt lở (m)	Diện tích vùng sạt lở (m2)	Toạ độ vị trí hoặc Ảnh có gắn toạ độ điểm sạt lở	
		Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP)	Xã, phường				Điểm đầu	
							X	Y
10	Sau nhà ông Định	Thôn Thanh Hương			50	100	21,223948	106,888041
11	Sau nhà bà Năm	Thôn Thượng			100	3000	21,226931	106,889778
12	Thôn Nghèo	Thôn Nghèo	Tuần Đạo	Sông Lục Nam	70		21,30768	106,790557
13	Tổ dân phố Chẽ	TDP Chẽ	P. Phụng Sơn	Sông Lục Nam			21,325764	106,499259
14	Tổ dân phố Hoà Mục	TDP Hoà Mục					21,353727	106,52488
15	Thôn Lằm	Thôn Lằm	Trường Sơn	Sông Lục Nam	200		21,250071	106,569784
16	Thôn Mỏ Xẻ	Thôn Mỏ Xẻ	Nghĩa Phương	Sông Lục Nam			21,292585	106,521596
17	TDP Vân Xá		P. Bồng Lai	Sông Đuống			21,099034	106,190451
2	Cống 842	TDP Hoà Yên	P. Bắc Giang	Sông Thương	50		21,299189	106,195522

TT	Tên vị trí sạt lở	Khu vực ảnh hưởng		Lưu vực sông	Chiều dài sạt lở (m)	Diện tích vùng sạt lở (m2)	Toạ độ vị trí hoặc Ảnh có gắn toạ độ điểm sạt lở	
		Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP)	Xã, phường				Điểm đầu	
							X	Y
	Điểm sạt lở	TDP Cung Nhượng			137	Đã được kê đất & rọ đá	21,291596	106,186792
	Điểm sạt lở	TDP Tân Ninh			254		21,275101	106,186450
6	Sạt lở núi	Tổ dân phố 6	P. Yên Dũng	Sông Cầu	150		21,221765	106,24708
	Sạt lở bờ sông	Liều Đê			60		Đồng ruộng	
7	Sạt lở núi	Kè Tiến Dũng	P. Cảnh Thụy	Sông Thương		Đã khắc phục cứng hóa	21,212416	106,273997
	Sạt lở núi							
	Sạt lở núi							
	Sạt lở bờ sông							
9	Sạt lở bờ sông	Bảo Tân	Hợp Thịnh	Sông Cầu	200		21,349149	105,90832
11	Sạt lở núi	Thắng Lợi	Hoàng Vân	Sông Cầu	300		21,43425	105,961555

TT	Tên vị trí sạt lở	Khu vực ảnh hưởng		Lưu vực sông	Chiều dài sạt lở (m)	Diện tích vùng sạt lở (m ²)	Toạ độ vị trí hoặc Ảnh có gắn toạ độ điểm sạt lở	
		Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP)	Xã, phường				Điểm đầu	
							X	Y
12	Sạt lở núi	ĐT 284	Yên Thế	Sông Thương	100		21,463069	106,123952
13	Lũ quét	Lũ quét: Rừng Dài, Tiến Thịnh, Bãi Lát, Chàm, Mỏ Trạng, Hồng Lĩnh, Đồng Bục, Trại Lột Sạt lở núi: Song Sơn, Bãi Lát, Chàm	Tam Tiến	Sông Thương	220		21,483543	106,072758
14	Sạt lở núi	Đường đồng cao	Xuân Lương	Sông Thương			21,548421	106,082222
	Sạt lở núi	Đường đồng cao					21,597956	106,120672

TT	Tên vị trí sạt lở	Khu vực ảnh hưởng		Lưu vực sông	Chiều dài sạt lở (m)	Diện tích vùng sạt lở (m ²)	Toạ độ vị trí hoặc Ảnh có gắn toạ độ điểm sạt lở	
		Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP)	Xã, phường				Điểm đầu	
							X	Y
	Sạt lở núi	Đường đống cao					21,583444	106,109483
15	Lũ quét	Đèo Cà, Gia Bình, Trại Mới, Trại Tre, Cống Châu	Đông Kỳ	Sông Thương			21,47854787	106,2097124
18	Sạt lở bờ sông	Thôn Trầm	Tiên Lục	Sông Thương			21,442704	106,208734
21	Sạt lở núi	Suối Trạc	Biên Sơn	Sông Lục Nam	50		21,518564	106,652254
	Sạt lở núi	Thôn Chả			70		21,562531	106,686038
22	Sạt lở đường GT		Sơn Hải	Sông Lục Nam	50		21,496196	106,634807
23	Sạt lở núi	Thôn Bến	Tân Sơn	Sông Lục Nam	100		21,58292	106,602767
30	Điểm sạt lở	Thôn Thanh Vân 1	Lục Ngạn	Sông Lục Nam	100		21,393407	106,717859

TT	Tên vị trí sạt lở	Khu vực ảnh hưởng		Lưu vực sông	Chiều dài sạt lở (m)	Diện tích vùng sạt lở (m2)	Toạ độ vị trí hoặc Ảnh có gắn toạ độ điểm sạt lở	
		Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP)	Xã, phường				Điểm đầu	
							X	Y
31	Sạt lở bờ sông	Thôn Biển Trên	Biển Động	Sông Lục Nam	50		21,40236	106,755724
32	Điểm sạt lở	Thôn Hạo	Yên Định	Sông Lục Nam			21,358963	106,779322
	Điểm sạt lở	Thôn Nhân Định					21,343394	106,810971
	Điểm sạt lở	Thôn Tiên Lý					21,329691	106,804094
	Điểm sạt lở	Thôn Đồng Chu					21,324215	106,810645
	Điểm sạt lở	Thôn Trại Chùa					21,318657	106,796899
38	Sạt lở Đê bao bờ sông	Xuân Phú	Bắc Lũng	Sông Lục Nam	340	2540	21,2437	106,381745

TT	Tên vị trí sạt lở	Khu vực ảnh hưởng		Lưu vực sông	Chiều dài sạt lở (m)	Diện tích vùng sạt lở (m ²)	Toạ độ vị trí hoặc Ảnh có gắn toạ độ điểm sạt lở	
		Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP)	Xã, phường				Điểm đầu	
							X	Y
55	Sạt lở bờ sông		Phù Lãng	Sông Cầu		Khu vực sạt lở đã được kè cứng hóa, hiện nay không có sạt lở		
57	Sạt lở bờ sông	Tân Tiến	Cao Đức	Sông Đuống	500		21,083908	106,29291
	Sạt lở bờ sông	Văn Than			200		21.082829	106.291598
	Sạt lở bờ sông	Trại Than			200		21.076722	106.291417

PHỤ LỤC 4. PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN TRONG ỨNG PHÓ THIÊN TAI LŨ, NGẬP LỤT

TT	Khu vực ảnh hưởng		Lưu vực sông	Đối tượng ảnh hưởng (cần sơ tán)		Địa điểm sơ tán đến		
	Thôn, xóm, tổ dân phố(TDP)	Xã, phường		Số hộ/đơn vị	Số người	Địa điểm (UB xã, nhà văn hoá, trường học...)	Toạ độ	
							X	Y
	Tổng hợp			4.789	17.675			
1	Thôn Trung Sơn	Đại Sơn	Sông Lục Nam	363	1572	Trường mầm non Đại Sơn	21,38890702	106,7855008
2	Thôn Trung Sơn			363	1572	Trường Trung Học cơ sở Đại Sơn	21,388718	106,785908
3	Điểm ngầm tràn thôn dân 3	Vân Sơn	Sông Lục Nam			Không ảnh hưởng đến nhà dân		
4	Điểm ngầm tràn thôn sản 3					Không ảnh hưởng đến nhà dân		
5	Thôn Thanh Trà	An Lạc	Sông Lục Nam	100	500	Ủy ban nhân dân xã An Lạc	21,358205	106,89411
6	Thôn Thống Nhất	Tây Yên Tử	Sông Lục Nam	30	60	Ủy ban nhân dân xã Tây Yên Tử	21,218256	106,766209
7	Thôn Rón			10	20	Ủy ban nhân dân xã Tây Yên Tử	21,218256	106,766209
8	Thôn Cảnh và Thôn Lâm			100	400	UBND xã		
9	Thôn Mỏ Xê Đồng Mạ	Trường	Sông Lục	41	100	UBND xã		

TT	Khu vực ảnh hưởng		Lưu vực sông	Đối tượng ảnh hưởng (cần sơ tán)		Địa điểm sơ tán đến		
	Thôn, xóm, tổ dân phố(TDP)	Xã, phường		Số hộ/đơn vị	Số người	Địa điểm (UB xã, nhà văn hoá, trường học...)	Toạ độ	
							X	Y
		Sơn	Nam					
10	Thôn Đoài	Tam Giang	Sông Cầu			Không ảnh hưởng đến nhà dân		
11	Thôn Đoài (K13+200-K13+500)					Không ảnh hưởng đến nhà dân		
12	Thôn Diên Lộc			250	1075	Trường Tiểu Học Hoà Tiến	21,2137161	105,9196797
13						Trường Trung Học cơ sở Hoà Tiến	21,20832658	105,9189099
14	Thôn Đông Thái	Yên Phong	Sông Cầu	40	180	Di dời tại chỗ		
15	Thôn Đồng Xuyên			8	32	Di dời tại chỗ		
16	Nghĩa Vũ, TDP Trung; Tỉnh Lộ, Trại Đồi, TDP Đanh, Nghĩa Thượng	P. Việt Yên	Sông Thương	3150	11000	Sơ tán tại chỗ (UB, NVH,.. đều ngập)	21,327109	106,143611
17	Làng Chũ	P.Chũ	Sông Lục Nam	15	50	Ngập úng cục bộ khu dân cư, Sơ tán NVH Làng Chũ	21,369712	106,568455
18	Ao Quế, Ao Tán, Phúc Hòa	Lục Ngạn	Sông Lục	25	70	Nhà văn hóa thôn	21,349739	106,675061

TT	Khu vực ảnh hưởng		Lưu vực sông	Đối tượng ảnh hưởng (cần sơ tán)		Địa điểm sơ tán đến		
	Thôn, xóm, tổ dân phố(TDP)	Xã, phường		Số hộ/đơn vị	Số người	Địa điểm (UB xã, nhà văn hoá, trường học...)	Toạ độ	
							X	Y
			Nam			Phúc Hòa		
19	Thôn Trại Chùa, thôn Thượng, Cẩm Đàn, Đồng Chu, Trại Chùa, Nhân Định.	Yên Định	Sông Lục Nam	45	110	Nhà sơ tán	21,324215	106,810645
						Trường THCS Yên Định	21,322309	106,798215
						Trường THPT Sơn Động số 2	21,365786	106,781002
20	Làng Vũ Trụ	Cẩm Lý	Sông Lục Nam	120	516	Sơ tán tại chỗ		
21	Đồng Công Dưới			8	24	Sơ tán tại chỗ		
22	Xuân Phú	Bắc Lũng	Sông Lục Nam	2	7	Ngập 0,5m, sơ tán tại chỗ		
24	Thôn 20; Thôn Sàn	Lục Nam	Sông Lục Nam			Ngập úng cục bộ đường giao thông		
25	An Lập, Ba Mô, Kim Tràng	Tân Yên	Sông Thương	8	30	Ngập 0,5m; Sơ tán tại chỗ		
26	Dương Quan Thượng	Mỹ Thái	Sông Thương	20	65	Chùa Linh Sơn	21,38212	106,18
27	Dương Quan Hạ			18	62	Sơ tán tại chỗ		
28	Đức Mai			10	37	Sơ tán tại chỗ		

TT	Khu vực ảnh hưởng		Lưu vực sông	Đối tượng ảnh hưởng (cần sơ tán)		Địa điểm sơ tán đến		
	Thôn, xóm, tổ dân phố(TDP)	Xã, phường		Số hộ/đơn vị	Số người	Địa điểm (UB xã, nhà văn hoá, trường học...)	Toạ độ	
							X	Y
29	Ố Chương, Làng Bi, Thôn Tân Dinh	Lạng Giang	Sông Thương	5	18	Ngập cục bộ, chỗ sâu nhất 0,5m		
30	Ngọc Sơn, Quang Thịnh, Đồi Bụt, Việt Hương, Chi Miu, Phú Lợi	Kép	Sông Thương	58	175	NVH thôn Đồi Bụt	21,444251	106,255952
						NVH xã Quang Thịnh	21,445822	106,285593
31	Trại Đồng, Huê Đông	Đại Lai	Sông Đuống			Ngập úng cục bộ đất sản xuất nông nghiệp, khu vực trũng thấp và hệ thống kênh tiêu nội đồng		

PHỤ LỤC 5. PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN TRONG ỨNG PHÓ THIÊN TAI LŨ QUÉT, SẠT LỖ ĐẤT

TT	Tên vị trí sạt lở	Khu vực ảnh hưởng		Lưu vực sông	Đối tượng bị ảnh hưởng		Địa điểm sơ tán đến		
		Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP)	Xã, phường		Số hộ	Số người	Địa điểm	Toạ độ hoặc Ảnh có gắn toạ độ	
								X	Y
	Tổng cộng				2.191	7.809			
1	Thôn Dàn	Thôn Dàn	Vân Sơn	Sông Lục Nam	6	24	Trường tiểu học và trung học cơ sở hữu sản	21,388169	106,949242
2	Thôn Dàn 3	Thôn Dàn 3			5	20	NVH Thôn Dàn 3	21,398603	106,949151
3	Thôn Sản	Thôn Sản			4	16	Nhà người dân		
4	Thôn Biêng	Thôn Biêng	An Lạc	Sông Lục Nam	14	56	UBND xã An Lạc	21,358205	106,89411
5	Thôn Lạnh	Thôn Lạnh							
6	Thôn Chao	Thôn Chao	Sơn Động	Sông Lục Nam	100	200	UBND xã Sơn Động	21,334023	106,8487644
7	Thôn Ké	Thôn Ké			250	750	Nhà người dân		

TT	Tên vị trí sạt lở	Khu vực ảnh hưởng		Lưu vực sông	Đối tượng bị ảnh hưởng		Địa điểm sơ tán đến		
		Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP)	Xã, phường		Số hộ	Số người	Địa điểm	Toạ độ hoặc Ảnh có gắn toạ độ	
								X	Y
	Tổng cộng				2.191	7.809			
8	Thôn Đoàn Kết	Thôn Đoàn Kết	Tây Yên Tử	Sông Lục Nam	15	30	UBND xã Tây Yên Tử	21,218256	106,766209
9	Sau nhà ông Thăng	Thôn Tàu	Dương Huru	Sông Lục Nam	1	5	UBND xã Dương Huru	21,226651	106,889841
10	Sau nhà ông Định	Thôn Thanh Hương			4	8	UBND xã Dương Huru	21,226651	106,889841
11	Sau nhà bà Năm	Thôn Thượng			6	19	UBND xã Dương Huru	21,226651	106,889841
12	Thôn Nghèo	Thôn Nghèo	Tuần Đạo	Sông Lục Nam	3	12	UBND xã Tuần Đạo	21,27635	106,77067
13	Tổ dân phố Chẽ	TDP Chẽ	P. Phượng Sơn	Sông Lục Nam			Không bị ảnh hưởng vào nhà dân		
14	Tổ dân phố Hoà Mục	TDP Hoà Mục					Không bị ảnh hưởng vào nhà dân		
15	Thôn Lằm	Thôn Lằm	Trường Sơn	Sông Lục Nam	16	50	UBND xã	21,28898	106,5444

TT	Tên vị trí sạt lở	Khu vực ảnh hưởng		Lưu vực sông	Đối tượng bị ảnh hưởng		Địa điểm sơ tán đến		
		Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP)	Xã, phường		Số hộ	Số người	Địa điểm	Toạ độ hoặc Ảnh có gắn toạ độ	
								X	Y
	Tổng cộng				2.191	7.809			
							Trường Sơn		
16	Thôn Mỏ Xẻ	Thôn Mỏ Xẻ	Nghĩa Phương	Sông Lục Nam	41	100	UBND xã Trường Sơn	21,28898	106,5444
17	TDP Vân Xá		P. Bồng Lai	Sông Đuống			Không bị ảnh hưởng vào nhà dân		
2	Cống 842	TDP Hòa Yên	P. Bắc Giang	Sông Thương	0	0			
	Điểm sạt lở	TDP Cung Nhượng			0	0			
	Điểm sạt lở	TDP Tân Ninh			0	0			
6	Sạt lở núi	Tổ dân phố 6	P. Yên Dũng	Sông Cầu	17	60	NVH Tổ dân phố 6	21,216618	106,248617
	Sạt lở bờ sông	Liều Đê							
7	Sạt lở núi	Kè Tiến Dũng	P. Cảnh Thụy	Sông Thương	860	3010	NVH thôn	21,205359	106,253146

TT	Tên vị trí sạt lở	Khu vực ảnh hưởng		Lưu vực sông	Đối tượng bị ảnh hưởng		Địa điểm sơ tán đến		
		Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP)	Xã, phường		Số hộ	Số người	Địa điểm	Toạ độ hoặc Ảnh có gắn toạ độ	
								X	Y
	Tổng cộng				2.191	7.809			
							Biên Đông		
	Sạt lở núi						NVH thôn Buồng Núi	21,22534	106,263038
	Sạt lở núi						NVH thôn Núi Ô	21,213944	106,262359
	Sạt lở bờ sông						NVH thôn Phú Mại	21,155924	106,258047
9	Sạt lở bờ sông	Bảo Tân	Hợp Thịnh	Sông Cầu			Không ảnh hưởng đến khu dân cư		
11	Sạt lở núi	Thắng Lợi	Hoàng Vân	Sông Cầu			Không ảnh hưởng đến khu dân cư		
12	Sạt lở núi	ĐT 284	Yên Thế	Sông Thương	3	12	Nhà dân gần nhất		

TT	Tên vị trí sạt lở	Khu vực ảnh hưởng		Lưu vực sông	Đối tượng bị ảnh hưởng		Địa điểm sơ tán đến		
		Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP)	Xã, phường		Số hộ	Số người	Địa điểm	Toạ độ hoặc Ảnh có gắn toạ độ	
								X	Y
	Tổng cộng				2.191	7.809			
13	Lũ quét	Lũ quét: Rừng Dài, Tiến Thịnh, Bãi Lát, Chàm, Mỏ Trạng, Hồng Lĩnh, Đồng Bục, Trại Lốt Sạt lở núi: Song Sơn, Bãi Lát, Chàm	Tam Tiên	Sông Thương	369	1486	NVH thôn Rừng Dài, NVH thôn Trại Lốt, NVH thôn Chàm	NVH thôn Rừng Dài: 21,519 NVH thôn Trại Lốt: 21,520565	NVH thôn Rừng Dài: 106,11315 NVH thôn Trại Lốt: 106,109666
14	Sạt lở núi	Đường đồng cao	Xuân Lương	Sông Thương			Đường ĐT 294D		
	Sạt lở núi	Đường đồng cao					Đường ĐT 294D		
	Sạt lở núi	Đường đồng cao					Đường ĐT 294D		
15	Lũ quét	Đèo Cà, Gia Bình, Trại Mới, Trại Tre, Công Châu	Đồng Kỳ	Sông Thương			Khu vực khe suối, đất sản xuất nông nghiệp		

TT	Tên vị trí sạt lở	Khu vực ảnh hưởng		Lưu vực sông	Đối tượng bị ảnh hưởng		Địa điểm sơ tán đến		
		Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP)	Xã, phường		Số hộ	Số người	Địa điểm	Toạ độ hoặc Ảnh có gắn toạ độ	
								X	Y
	Tổng cộng				2.191	7.809			
18	Sạt lở bờ sông	Thôn Trầm	Tiên Lục	Sông Thương			Không ảnh hưởng khu dân cư		
21	Sạt lở núi	Suối Trạc	Biên Sơn	Sông Lục Nam	0	0	UBND xã Biên Sơn	21,500341	106,663822
	Sạt lở núi	Thôn Chả			3	10	Nhà văn hóa thôn	21,518882	106,652493
22	Sạt lở đường GT		Sơn Hải	Sông Lục Nam	0	0	UBND xã Sơn Hải	21,513357	106,625344
23	Sạt lở núi	Thôn Bền	Tân Sơn	Sông Lục Nam	0	0	UBND xã Tân Sơn	21,546976	106,629081
30	Điểm sạt lở	Thôn Thanh Vân 1	Lục Ngạn	Sông Lục Nam	5	20	Trường THPT Lục Ngạn	21,392574	106,714702
31	Sạt lở bờ sông	Thôn Biền Trên	Biển Động	Sông Lục Nam	0	0			
32	Điểm sạt	Thôn Hạo	Yên Định	Sông Lục Nam	3	10	Trường THCS Yên	21,322309	106,798215

TT	Tên vị trí sạt lở	Khu vực ảnh hưởng		Lưu vực sông	Đối tượng bị ảnh hưởng		Địa điểm sơ tán đến		
		Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP)	Xã, phường		Số hộ	Số người	Địa điểm	Toạ độ hoặc Ảnh có gắn toạ độ	
								X	Y
	Tổng cộng				2.191	7.809			
	lở						Định		
	Điểm sạt lở	Thôn Nhân Định			5	17	Trường THPT Sơn Động số 2	21,365786	106,781002
	Điểm sạt lở	Thôn Tiên Lý			0	0			
	Điểm sạt lở	Thôn Đồng Chu			0	0			
	Điểm sạt lở	Thôn Trại Chùa			0	0			
38	Sạt lở Đê bao bờ sông	Xuân Phú	Bắc Lũng	Sông Lục Nam	341	1474	NVH thôn Xuân Phú	21,24228	106,38237
55	Sạt lở bờ sông		Phù Lãng	Sông Cầu					
57	Sạt lở bờ sông	Tân Tiến	Cao Đức	Sông Đuống	120	420	NVH thôn Tân Tiến	21,09224	106,28459

TT	Tên vị trí sạt lở	Khu vực ảnh hưởng		Lưu vực sông	Đối tượng bị ảnh hưởng		Địa điểm sơ tán đến		
		Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP)	Xã, phường		Số hộ	Số người	Địa điểm	Toạ độ hoặc Ảnh có gắn toạ độ	
								X	Y
	Tổng cộng				2.191	7.809			
	Sạt lở bờ sông	Văn Than					Mất đất sản xuất, không ảnh hưởng khu dân cư		
	Sạt lở bờ sông	Trại Than					Mất đất sản xuất, không ảnh hưởng khu dân cư		

PHỤ LỤC 6. TỔNG HỢP LỰC LƯỢNG DỰ KIẾN HUY ĐỘNG PHỤC VỤ ỦNG PHÓ THIÊN TÀI

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Lực lượng (người)															
		Quân đội	Công an	DQTV	BCH PTDS	XK PCTT	LL an ninh trật tự cơ sở	LL Dự bị động viên	Y tế	Hội CT Đ	Hội Phụ nữ	Hội ND	TN tình nguyện	LL QL dê nhân dân	LL QL dê chuyên trách	DN	LL khác
	Tổng cộng	1.439	2.171	4.138	577	12.454	1.421	4.046	17	197	5.692	8.193	9.501	50	50	46	130
1	Xã Đại Sơn	84	78	315	41	373	58	20	25	20	38	38	0	0	0	0	
2	Xã Sơn Động	6	23	30	50	319	23	20	32	3	3	3	5	50	50	5	
3	Xã Tây Yên Tử																
4	Xã Dương Hưu	5	17	318	19	86	40		22	2	20	18	50				
5	Xã Yên Định	10	8			60			5	1							
6	Xã An Lạc	35	60			141							112				
7	Xã Vân Sơn																
8	Xã Biển Động																
9	Xã Lục Ngạn	7	29			43							58				
10	Xã Đèo Gia																
11	Xã Sơn Hải	30	15	50		50	33						40				
12	Xã Tân Sơn	7	16	50	63	133	57	30	7	20	20	20	20	0	0	0	

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Lực lượng (người)															
		Quân đội	Công an	DQTV	BCH PTDS	XK PCTT	LL an ninh trật tự cơ sở	LL Dự bị động viên	Y tế	Hội CT Đ	Hội Phụ nữ	Hội ND	TN tình nguyện	LL QL đê nhân dân	LL QL đê chuyên trách	DN	LL khác
13	Xã Biên Sơn		56	63													
14	Xã Sa Lý			84				81									
15	Xã Nam Dương	303	76			119							24				
16	Xã Kiên Lao																
17	Phường Chũ		50	50													
18	Phường Phụng Sơn																
19	Xã Lục Sơn																
20	Xã Trường Sơn																
21	Xã Cẩm Lý	10	21	250	38	150	72	20	21	26	48	48	60				
22	Xã Đông Phú																
23	Xã Nghĩa Phương																
24	Xã Lục Nam	170	185			1100			40				60				120
25	Xã Bắc Lũng	8	30	478	61	939	110	1062	30		34	34	150				

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Lực lượng (người)															
		Quân đội	Công an	DQTV	BCH PTDS	XK PCTT	LL an ninh trật tự cơ sở	LL Dự bị động viên	Y tế	Hội CT Đ	Hội Phụ nữ	Hội ND	TN tình nguyện	LL QL đê nhân dân	LL QL đê chuyên trách	DN	LL khác
26	Xã Bảo Đài																
27	Xã Lạng Giang					80											
28	Xã Mỹ Thái																
29	Xã Kép	10	27			121					49		49				
30	Xã Tân Dĩnh	8	23		54	159	118	620	10	7	41	41	41	0	0	38	
31	Xã Tiên Lục																
32	Xã Yên Thế	10	26	56		112	146	100									
33	Xã Bó Hạ																
34	Xã Đồng Kỳ																
35	Xã Xuân Lương	8	24	468	67	85	108	200	10	15	50	50	50	0	0	0	10
36	Xã Tam Tiến	9	15	80	49	135	31	93	25	35	95	35	43	0	0	0	
37	Xã Tân Yên	5		108		300		50									
38	Xã Ngọc Thiện																

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Lực lượng (người)															
		Quân đội	Công an	DQTV	BCH PTDS	XK PCTT	LL an ninh trật tự cơ sở	LL Dự bị động viên	Y tế	Hội CT Đ	Hội Phụ nữ	Hội ND	TN tình nguyện	LL QL đê nhân dân	LL QL đê chuyên trách	DN	LL khác
39	Xã Nhã Nam	9	29			610	183										
40	Xã Phúc Hòa																
41	Xã Quang Trung																
42	Xã Hợp Thịnh	10	41			358						150					
43	Xã Hiệp Hoà	13				750											
44	Xã Hoàng Vân	10	143			500						250					
45	Xã Xuân Cẩm	10	36			750						250					
46	Phường Tự Lạn																
47	Phường Việt Yên																
48	Phường Nénh																
49	Phường Vân Hà																
50	Xã Đồng Việt																
51	Phường Bắc																

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Lực lượng (người)															
		Quân đội	Công an	DQTV	BCH PTDS	XK PCTT	LL an ninh trật tự cơ sở	LL Dự bị động viên	Y tế	Hội CT Đ	Hội Phụ nữ	Hội ND	TN tình nguyện	LL QL đê nhân dân	LL QL đê chuyên trách	DN	LL khác
	Giang																
52	Phường Đa Mai																
53	Phường Tiên Phong	6	42			220											
54	Phường Tân An	8	31	28	26	224	210	150	30	20	300	150	50	0	0	3	
55	Phường Yên Dũng	37	114			153					150	150	150				
56	Phường Tân Tiến																
57	Phường Cảnh Thụy	40	101			126					100	100	100				
58	Phường Kinh Bắc																
59	Phường Võ Cường																
60	Phường Vũ Ninh	10	46			110											

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Lực lượng (người)															
		Quân đội	Công an	DQTV	BCH PTDS	XK PCTT	LL an ninh trật tự cơ sở	LL Dự bị động viên	Y tế	Hội CT Đ	Hội Phụ nữ	Hội ND	TN tình nguyện	LL QL đê nhân dân	LL QL đê chuyên trách	DN	LL khác
61	Phường Hạp Lĩnh																
62	Phường Nam Sơn																
63	Phường Đình Bảng																
64	Phường Tam Sơn	10	35		18	130											
65	Phường Từ Sơn																
66	Phường Phù Khê		40			150											
67	Phường Thuận Thành	9	41			404											
68	Phường Mão Điền	7	35			290											
69	Phường Trạm Lộ	10	33	360		110	72	400			68	65					
70	Phường Đình																

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Lực lượng (người)															
		Quân đội	Công an	DQTV	BCH PTDS	XK PCTT	LL an ninh trật tự cơ sở	LL Dự bị động viên	Y tế	Hội CT Đ	Hội Phụ nữ	Hội ND	TN tình nguyện	LL QL đê nhân dân	LL QL đê chuyên trách	DN	LL khác
	Tổ																
71	Phường Song Liễu																
72	Xã Ngũ Thái																
73	Phường Quế Võ	10	41	435	40	316	101	950	30	15	4200	2200	1300				
74	Phường Phương Liễu	11	42			290							217				
75	Phường Đại Xuân																
76	Phường Đào Viên	140	105			100											
77	Phường Bồng Lai																
78	Xã Chi Lăng																
79	Xã Phù Lãng	10	23	410		350		250				4691	4580				
80	Xã Yên Phong																

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Lực lượng (người)															
		Quân đội	Công an	DQTV	BCH PTDS	XK PCTT	LL an ninh trật tự cơ sở	LL Dự bị động viên	Y tế	Hội CT Đ	Hội Phụ nữ	Hội ND	TN tình nguyện	LL QL đê nhân dân	LL QL đê chuyên trách	DN	LL khác
81	Xã Văn Môn																
82	Xã Tam Giang																
83	Xã Yên Trung	10	26			159						17					
84	Xã Tam Đa	11	31			110						250					
85	Xã Tiên Du																
86	Xã Liên Bảo	8	26			61						100					
87	Xã Tân Chi	7	29			110						120					
88	Xã Đại Đồng	8	43			110											
89	Xã Phạt Tích	10	70			700						400					
90	Xã Gia Bình																
91	Xã Nhân Thắng	10	9			110			4		6		11				
92	Xã Đại Lai					159											
93	Xã Cao Đức	19	20	325	17	220	47		21	30	50	50	150				
94	Xã Đông Cứu	250	23			30							144				
95	Xã Lương Tài																

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Lực lượng (người)															
		Quân đội	Công an	DQTV	BCH PTDS	XK PCTT	LL an ninh trật tự cơ sở	LL Dự bị động viên	Y tế	Hội CT Đ	Hội Phụ nữ	Hội ND	TN tình nguyện	LL QL đê nhân dân	LL QL đê chuyên trách	DN	LL khác
96	Xã Lâm Thao																
97	Xã Trung Chính	10	66			129					150	200	250				
98	Xã Trung Khê	9	66			110					150	200	250				
99	Xã Tuấn Đạo	2	5	180	34		12		5	3	120	100		0	0		

PHỤ LỤC 7. TỔNG HỢP PHƯƠNG TIỆN DỰ KIẾN HUY ĐỘNG PHỤC VỤ ỨNG PHÓ THIÊN TAI

STT	Đơn vị	Số phương tiện có thể huy động (từ cá nhân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trên địa bàn)											
		Xe 45 chỗ	Xe 25 - 29 chỗ	Xe 16 chỗ	Xe 4 - 7 chỗ	Số ô tô tải	Số xe máy (ủi, xúc)	Xe cứu thương	Xe cứu hộ các loại	Xe chữa cháy	Tàu thuyền, cứu nạn	Ca nô	Xuồng máy
	Tổng cộng	54	132	32	293	3.016	144	12	17	1	168	106	122
1	Xã Đại Sơn	-	-	3	7	6	4	1					
2	Xã Sơn Động	1	1	3	2	37	9	2	4	1	1	1	1
3	Xã Tây Yên Tử												
4	Xã Dương Hưu			1	26	78	11				3	2	1
5	Xã Yên Định					37	7						
6	Xã Sơn Hải	-	-	-	-	3	3	-	-	-	10	-	1
7	Xã Tân Sơn	-	-	-	2	5	3	-	-	-	5	-	3
8	Xã Biên Sơn					20	10						
9	Xã Sa Lý					10	5						
10	Phường Chũ					2							
11	Xã Cẩm Lý	6	5	6	150	100	10	1					
12	Xã Lục Nam				15	6		1				1	-

STT	Đơn vị	Số phương tiện có thể huy động (từ cá nhân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trên địa bàn)											
		Xe 45 chỗ	Xe 25 - 29 chỗ	Xe 16 chỗ	Xe 4 - 7 chỗ	Số ô tô tải	Số xe máy (ủi, xúc)	Xe cứu thương	Xe cứu hộ các loại	Xe chữa cháy	Tàu thuyền, cứu nạn	Ca nô	Xuồng máy
13	Xã Bắc Lũng		2	2	3	8	4						
14	Xã Lạng Giang												5
15	Xã Mỹ Thái					20	6						
16	Xã Kép				2								
17	Xã Tân Đình	-	-	-	2	2	1	-	-	-	-	-	-
18	Xã Yên Thế					20	15					1	4
19	Xã Xuân Lương	7	12	6	25	25	11	1	-	-	-	-	-
20	Xã Tam Tiến	-	-	-	15	25	-	-	-	-	-	-	-
21	Xã Tân Yên		5	5		5					30		
22	Xã Xuân Cầm												1
23	Phường Vân Hà					21	10						
24	Phường Bắc Giang					20	5	5	5			1	
25	Phường Đa Mai												

STT	Đơn vị	Số phương tiện có thể huy động (từ cá nhân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trên địa bàn)											
		Xe 45 chỗ	Xe 25 - 29 chỗ	Xe 16 chỗ	Xe 4 - 7 chỗ	Số ô tô tải	Số xe máy (ủi, xúc)	Xe cứu thương	Xe cứu hộ các loại	Xe chữa cháy	Tàu thuyền, cứu nạn	Ca nô	Xuồng máy
26	Phường Tân An	-	-	-	30	10	5	1	-	-	15	-	-
27	Phường Cảnh Thụy	40	101			126					100	100	100
28	Phường Mão Điền					7	5						
29	Phường Quế Võ	-	6	4		63	10	-	8	-	-	-	-
30	Xã Phù Lãng					2.330							6
31	Xã Đại Lai					15	3				1		
32	Xã Cao Đức				9	5	4						
33	Xã Tuấn Đạo	-	-	2	5	10	3	-	-	-	3	-	-

PHỤ LỤC 8. TỔNG HỢP THIẾT BỊ DỰ KIẾN HUY ĐỘNG PHỤC VỤ ỨNG PHÓ THIÊN TAI

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Nhà bạt cứu sinh 16m2 - 60m2	Phao áo cứu sinh	Phao tròn cứu sinh	Phao bè	Máy phát điện	Flycam	Loa cầm tay	Máy Icom	Thuyền cao su	Áo mưa chuyên dùng	Ủng	Mũ cối	Cưa máy	Đèn pin	Dây thừng
----	-----------------	------------------------------	------------------	--------------------	---------	---------------	--------	-------------	----------	---------------	--------------------	-----	--------	---------	---------	-----------

		Bộ	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Đôi	Cái	Cái	Cái	m
	Tổng cộng	7.112	6.917	1.921	23	46	1	104	3	7	1.604	1.495	1.015	71	1.073	8.256
1	Xã Đại Sơn	-	-	-	-	3	1	20	-	-	50	50	50	-	50	70
2	Xã Sơn Động	5	100	100	-	9	-	5	3	-	50	50	50	-	50	200
3	Xã Tây Yên Tử		-													
4	Xã Dương Hưu		15	10		13		3			25	25	25	13	30	200
5	Xã Yên Định		20			6								12	60	
6	Xã An Lạc		50	30							50	30	30		30	1.200
7	Xã Vân Sơn															
8	Xã Biên Động															
9	Xã Lục Ngạn		-													
10	Xã Đèo Gia															
11	Xã Sơn Hải	-	-	100												
12	Xã Tân Sơn	-	50	30	-	1	-	-	-	-	-	63	63	-	63	-
13	Xã Biên Sơn															

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Nhà bạt cứu sinh 16m2 - 60m2	Phao áo cứu sinh	Phao tròn cứu sinh	Phao bè	Máy phát điện	Flycam	Loa cầm tay	Máy Icom	Thuyền cao su	Áo mưa chuyên dùng	Ủng	Mũ cối	Cưa máy	Đèn pin	Dây thùng
		Bộ	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Đôi	Cái	Cái	Cái
14	Xã Sa Lý										30	30				
15	Xã Nam Dương		55								130	40			40	
16	Xã Kiên Lao															
17	Phường Chũ			100												
18	Phường Phụng Sơn															
19	Xã Lục Sơn		50								10				10	
20	Xã Trường Sơn															
21	Xã Cẩm Lý	1	200	200	-	-	-	5	-	-	20	20	20		20	300
22	Xã Đông Phú		-													
23	Xã Nghĩa Phương		55													528
24	Xã Lục Nam	2	294	23				5						10	33	2.960

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Nhà bạt cứu sinh 16m2 - 60m2	Phao áo cứu sinh	Phao tròn cứu sinh	Phao bè	Máy phát điện	Flycam	Loa cầm tay	Máy Icom	Thuyền cao su	Áo mưa chuyên dùng	Ủng	Mũ cối	Cưa máy	Đèn pin	Dây thùng
		Bộ	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Đôi	Cái	Cái	Cái
25	Xã Bắc Lũng		136	40		1					10	10	10		8	1.408
26	Xã Bảo Đài															
27	Xã Lạng Giang		100								100	100		5	100	500
28	Xã Mỹ Thái		300	130												
29	Xã Kép		205	20											37	
30	Xã Tân Dĩnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	50	50	-	10	200
31	Xã Tiên Lục		-													
32	Xã Yên Thế		50	125				8		7	24	32	33	2		
33	Xã Bồ Hạ										120	150	150		150	
34	Xã Đồng Kỳ							15			100	150	100		100	
35	Xã Xuân Lương	-	150	-	-	5	-	15	-	-	-	100	100	3	100	
36	Xã Tam Tiến	-	200	-	-	2	-	1	-	-	170	150	150	-	10	100

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Nhà bạt cứu sinh 16m2 - 60m2	Phao áo cứu sinh	Phao tròn cứu sinh	Phao bè	Máy phát điện	Flycam	Loa cầm tay	Máy Icom	Thuyền cao su	Áo mưa chuyên dùng	Ủng	Mũ cối	Cưa máy	Đèn pin	Dây thừng	
		Bộ	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Đôi	Cái	Cái	Cái	m
37	Xã Tân Yên		200	200													
38	Xã Ngọc Thiện																
39	Xã Nhã Nam	-	70		5			5			20	20		-	30		
40	Xã Phúc Hòa																
41	Xã Quang Trung																
42	Xã Hợp Thịnh		45	40										2			
43	Xã Hiệp Hoà	2	40	20											30		
44	Xã Hoàng Vân	2	500	30													
45	Xã Xuân Cẩm	1	30	36							80	8			4		
46	Phường Tụ Lạn																

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Nhà bạt cứu sinh 16m2 - 60m2	Phao áo cứu sinh	Phao tròn cứu sinh	Phao bè	Máy phát điện	Flycam	Loa cầm tay	Máy Icom	Thuyền cao su	Áo mưa chuyên dùng	Ủng	Mũ cối	Cưa máy	Đèn pin	Dây thùng
		Bộ	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Đôi	Cái	Cái	Cái
47	Phường Việt Yên		56	20				1				50	34			
48	Phường Nénh		30	80							36	40	30			
49	Phường Vân Hà															
50	Xã Đồng Việt															
51	Phường Bắc Giang	50	19	300		1					14	17		3	11	
52	Phường Đa Mai															
53	Phường Tiên Phong		10													
54	Phường Tân An	-	10	25	-	-	-	-	-	-	-	25	-	-	-	-
55	Phường Yên Dũng	1	24			1						30			9	
56	Phường Tân															

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Nhà bạt cứu sinh 16m2 - 60m2	Phao áo cứu sinh	Phao tròn cứu sinh	Phao bè	Máy phát điện	Flycam	Loa cầm tay	Máy Icom	Thuyền cao su	Áo mưa chuyên dùng	Ủng	Mũ cối	Cưa máy	Đèn pin	Dây thùng	
		Bộ	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Đôi	Cái	Cái	Cái	m
	Tiến																
57	Phường Cảnh Thụy	7.025	200	50							20	65					
58	Phường Kinh Bắc																
59	Phường Võ Cường																
60	Phường Vũ Ninh		-														
61	Phường Hạp Lĩnh																
62	Phường Nam Sơn																
63	Phường Đình Bảng																
64	Phường Tam Sơn		18														
65	Phường Từ Sơn																

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Nhà bạt cứu sinh 16m2 - 60m2	Phao áo cứu sinh	Phao tròn cứu sinh	Phao bè	Máy phát điện	Flycam	Loa cầm tay	Máy Icom	Thuyền cao su	Áo mưa chuyên dùng	Ủng	Mũ cối	Cưa máy	Đèn pin	Dây thùng
		Bộ	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Đôi	Cái	Cái	Cái
66	Phường Phù Khê	-	131		-						25			-		
67	Phường Thuận Thành		310			1										
68	Phường Mão Điền		-									100			6	40
69	Phường Trạm Lộ	5			14									14		
70	Phường Đình Tổ															
71	Phường Song Liễu															
72	Xã Ngũ Thái															
73	Phường Quế Võ	1	40	50	-		-	9	-	-	450	20	50	4	10	
74	Phường Phương Liễu		-													

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Nhà bạt cứu sinh 16m2 - 60m2	Phao áo cứu sinh	Phao tròn cứu sinh	Phao bè	Máy phát điện	Flycam	Loa cầm tay	Máy Icom	Thuyền cao su	Áo mưa chuyên dùng	Ủng	Mũ cối	Cưa máy	Đèn pin	Dây thùng	
		Bộ	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Đôi	Cái	Cái	Cái	m
75	Phường Đại Xuân																
76	Phường Đào Viên	5	-	42	2									1			200
77	Phường Bông Lai		2														
78	Xã Chi Lăng																
79	Xã Phù Lãng	-	1.250	60	2	1								2			
80	Xã Yên Phong	7														2	
81	Xã Văn Môn																
82	Xã Tam Giang																
83	Xã Yên Trung		-														
84	Xã Tam Đa	5	173														

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Nhà bạt cứu sinh 16m2 - 60m2	Phao áo cứu sinh	Phao tròn cứu sinh	Phao bè	Máy phát điện	Flycam	Loa cầm tay	Máy Icom	Thuyền cao su	Áo mưa chuyên dùng	Ủng	Mũ cối	Cưa máy	Đèn pin	Dây thùng	
		Bộ	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Đôi	Cái	Cái	Cái	m
85	Xã Tiên Du																
86	Xã Liên Bảo		-														
87	Xã Tân Chi		1.409														
88	Xã Đại Đồng		-														
89	Xã Phật Tích		-														
90	Xã Gia Bình		-														
91	Xã Nhân Thắng		80														
92	Xã Đại Lai		80														
93	Xã Cao Đức	-	70	30	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	200
94	Xã Đông Cứu		80														
95	Xã Lương Tài																
96	Xã Lâm																

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Nhà bạt cứu sinh 16m2 - 60m2	Phao áo cứu sinh	Phao tròn cứu sinh	Phao bè	Máy phát điện	Flycam	Loa cầm tay	Máy Icom	Thuyền cao su	Áo mưa chuyên dùng	Ủng	Mũ cối	Cửa máy	Đèn pin	Dây thùng	
		Bộ	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Cái	Đôi	Cái	Cái	Cái	m
	Thao																
97	Xã Trung Chính		-														
98	Xã Trung Khê		-														
99	Xã Tuấn Đạo	-	10	30		2		12			70	70	70		70	150	

PHỤ LỤC 9. TỔNG HỢP VẬT TƯ DỰ KIẾN HUY ĐỘNG PHỤC VỤ ỨNG PHÓ THIÊN TAI

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Đá hộc	Đá dăm, sỏi	Cát	Đất	Rọ thép	Bao tải	Vải bạt	Tôn lợp	Cọc tre	Vồ đóng cọc	Cuốc	Cuốc chim	Xẻng	Xà beng
		m3	m3	m3	m3	cái	chiếc	m2	m2	cái	cái	chiếc	chiếc	chiếc	chiếc
	Tổng cộng	38.282	5.445	5.982	34.650	566	217.369	21.469	300	8.920	71	6.436	186	6.855	152
1	Xã Đại Sơn	-	-	-	-	-	100	-	-	-	-	30	-	30	-
2	Xã Sơn Động	50	50	50	2.000	-	200	200	200	100	20	50	20	50	20
3	Xã Tây Yên Tử														
4	Xã Dương Hưu	50	30	40	100	50	2.000	500	100	500	10	20	10	20	10
5	Xã Yên Định						300					60		60	30
6	Xã An Lạc						100					20	10	20	
7	Xã Vân Sơn														
8	Xã Biên Động														
9	Xã Lục Ngạn							5						6	
10	Xã Đèo Gia														
11	Xã Sơn Hải							20					50	50	
12	Xã Tân Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-
13	Xã Biên Sơn														
14	Xã Sa Lý														

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Đá học	Đá dăm, sỏi	Cát	Đất	Rọ thép	Bao tải	Vải bạt	Tôn lợp	Cọc tre	Vồ đóng cọc	Cuốc	Cuốc chim	Xẻng	Xà beng
		m3	m3	m3	m3	cái	chiếc	m2	m2	cái	cái	chiếc	chiếc	chiếc	chiếc
15	Xã Nam Dương														
16	Xã Kiên Lao														
17	Phường Chũ														
18	Phường Phương Sơn														
19	Xã Lục Sơn														
20	Xã Trường Sơn														
21	Xã Cẩm Lý				150		500	3				48		60	
22	Xã Đông Phú														
23	Xã Nghĩa Phương						8.625					190		60	
24	Xã Lục Nam						14.220	5				500		500	
25	Xã Bắc Lũng	810				42	23.825					596		759	
26	Xã Bảo Đài														
27	Xã Lạng Giang						5.000			50		50		50	20
28	Xã Mỹ Thái	20	20	20	10.000		25.000	6.000		620		200		200	
29	Xã Kép						3.000					23	1	35	
30	Xã Tân Đình						250					50	5	70	3

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Đá hộc	Đá dăm, sỏi	Cát	Đất	Rọ thép	Bao tải	Vải bạt	Tôn lợp	Cọc tre	Vò đóng cọc	Cuốc	Cuốc chim	Xẻng	Xà beng
		m3	m3	m3	m3	cái	chiếc	m2	m2	cái	cái	chiếc	chiếc	chiếc	chiếc
31	Xã Tiên Lục														
32	Xã Yên Thế													4	
33	Xã Bố Hạ														
34	Xã Đồng Kỳ						2.959					50		50	
35	Xã Xuân Lương	-	-	-	200	-	2.000	-	-	-	10	50	-	50	-
36	Xã Tam Tiến				500		1.000				3	10	5	5	1
37	Xã Tân Yên											250		250	
38	Xã Ngọc Thiện														
39	Xã Nhã Nam	-	-	-		-		2				-	-	-	
40	Xã Phúc Hòa														
41	Xã Quang Trung														
42	Xã Hợp Thịnh	2.500	-	-								265		260	4
43	Xã Hiệp Hoà	300	-	-		-	500	-				80	5	80	
44	Xã Hoàng Vân														
45	Xã Xuân Cẩm	3.500	-	-			11.000					251		260	3
46	Phường Tụ Lạn														
47	Phường Việt Yên						6.500					13		33	

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Đá học	Đá dăm, sỏi	Cát	Đất	Rọ thép	Bao tải	Vải bạt	Tôn lợp	Cọc tre	Vồ đóng cọc	Cuốc	Cuốc chim	Xẻng	Xà beng
		m3	m3	m3	m3	cái	chiếc	m2	m2	cái	cái	chiếc	chiếc	chiếc	chiếc
48	Phường Nénh						10.000						49	35	1
49	Phường Vân Hà			200	1.200		15.000			5.000		175		175	
50	Xã Đồng Việt														
51	Phường Bắc Giang	2.000	5.000	5.000			5.000	389				23	4	40	17
52	Phường Đa Mai														
53	Phường Tiền Phong	6.523						2				5		20	
54	Phường Tân An	-	-	-	300	-	2.000	-	-	-	15	10	-	15	-
55	Phường Yên Dũng	-	-			100	5.000	15				50		50	
56	Phường Tân Tiến														
57	Phường Cảnh Thụy	-	-			100		15				50		50	
58	Phường Kinh Bắc														
59	Phường Võ Cường														
60	Phường Vũ Ninh							58				86			
61	Phường Hạp Lĩnh														
62	Phường Nam Sơn														
63	Phường Đình Bảng														
64	Phường Tam Sơn	100	10	10	200	200	1.800					140		160	

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Đá hộc	Đá dăm, sỏi	Cát	Đất	Rọ thép	Bao tải	Vải bạt	Tôn lợp	Cọc tre	Vồ đóng cọc	Cuốc	Cuốc chim	Xẻng	Xà beng
		m3	m3	m3	m3	cái	chiếc	m2	m2	cái	cái	chiếc	chiếc	chiếc	chiếc
65	Phường Từ Sơn														
66	Phường Phù Khê	-	-	-		-		2.000				171	-	191	
67	Phường Thuận Thành						10.000	20				335		505	
68	Phường Mão Điền				4.000		5.000	1.000				100		100	40
69	Phường Trạm Lộ														
70	Phường Đình Tổ														
71	Phường Song Liễu														
72	Xã Ngũ Thái														
73	Phường Quế Võ					-	4.000	-				100	8	110	
74	Phường Phương Liễu											225		225	
75	Phường Đại Xuân														
76	Phường Đào Viên						5.000	8.500				150		135	
77	Phường Bồng Lai											125		115	
78	Xã Chi Lăng														
79	Xã Phù Lãng	-	-	-		-	5.000	2.500				188	-	179	
80	Xã Yên Phong						2.090					201		201	1
81	Xã Văn Môn														

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Đá hộc	Đá dăm, sỏi	Cát	Đất	Rọ thép	Bao tải	Vải bạt	Tôn lợp	Cọc tre	Vò đóng cọc	Cuốc	Cuốc chim	Xẻng	Xà beng
		m3	m3	m3	m3	cái	chiếc	m2	m2	cái	cái	chiếc	chiếc	chiếc	chiếc
82	Xã Tam Giang														
83	Xã Yên Trung							4				33		120	
84	Xã Tam Đa							16				745	14	750	
85	Xã Tiên Du														
86	Xã Liên Bảo						500				3	30	5	30	
87	Xã Tân Chi	1.080		500								40		45	
88	Xã Đại Đồng						4.500				10	8		12	2
89	Xã Phật Tích														
90	Xã Gia Bình														
91	Xã Nhân Thắng	19.683										40		40	
92	Xã Đại Lai				4.000		16.600			1.300					
93	Xã Cao Đức	-	-	-	6.000	-	4.000	25				60	-	40	-
94	Xã Đông Cứu				6.000		14.800	50		1.350		40		40	
95	Xã Lương Tài														
96	Xã Lâm Thao														
97	Xã Trung Chính	816				37		70				200		200	
98	Xã Trung Khê	850	335	162		37		70				200		200	

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Đá hộc	Đá dăm, sỏi	Cát	Đất	Rọ thép	Bao tải	Vải bạt	Tôn lợp	Cọc tre	Vò đóng cọc	Cuốc	Cuốc chim	Xẻng	Xà beng
		m3	m3	m3	m3	cái	chiếc	m2	m2	cái	cái	chiếc	chiếc	chiếc	chiếc
99	Xã Tuấn Đạo											100		100	

